

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1738/QĐ-ĐHTCM, ngày 08 tháng 7 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)

- Tên chương trình (tiếng Việt): Tài chính – Ngân hàng
- Tên chương trình (tiếng Anh): Finance - Banking
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Ngành đào tạo: Tài chính – Ngân hàng Mã ngành: 7340201
- Định hướng đào tạo: Ứng dụng
- Hình thức đào tạo: Chính quy – Chương trình Chuẩn

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1 Mục tiêu chung:

Đào tạo cử nhân ngành Tài chính – Ngân hàng có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; vận dụng được những kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, có năng lực ứng dụng, phân tích, đánh giá chính sách và giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.

1.2 Mục tiêu cụ thể:

- + Về kiến thức
 - PO1: Vận dụng được những kiến thức công nghệ thông tin, khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật, và các kiến thức cơ sở ngành vào lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.
 - PO2: Phân tích được những lý thuyết kinh tế vào lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.
 - PO3: Phân tích được chính sách và những vấn đề thực tiễn chuyên môn sâu có liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.
- + Về kỹ năng:
 - PO4: Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và các kỹ năng lập luận, vận dụng các kiến thức chung nền tảng vào giải quyết các công việc chuyên môn thuộc lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.
 - PO5: Có khả năng sử dụng các phương pháp, công cụ, nghiệp vụ phù hợp của ngành Tài chính ngân hàng để có thể giải quyết các công việc chuyên môn trong thực tiễn. Có khả năng cập nhật kiến thức mới, tinh thần học tập suốt đời nhằm đáp ứng nhu cầu công việc.
- + Về mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm:
 - PO6: Có ý thức về đạo đức, trách nhiệm trong chuyên môn nghề nghiệp, cũng như ý thức bảo vệ lợi ích tổ chức và quốc gia.

- PO7: Có đủ năng lực làm việc trong môi trường chuyên nghiệp chuyên sâu và chịu trách nhiệm đối với các quyết định của cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

2. VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể đảm nhận các vị trí công việc liên quan đến lĩnh vực tài chính ngân hàng tại các ngân hàng thương mại, các công ty chứng khoán, quỹ đầu tư, các doanh nghiệp. Làm công tác giảng dạy và nghiên cứu tại các cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học về lĩnh vực kinh tế tài chính – ngân hàng. Học tập nâng cao trình độ các bậc cao hơn: thạc sĩ, tiến sĩ Ngành Tài chính – Ngân hàng.

3. CHUẨN ĐẦU RA:

Chương trình được thiết kế đảm bảo sinh viên đạt tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra chung của ngành như sau:

+ Về kiến thức

- PLO1: Trình bày được các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật, và các kiến thức cơ sở ngành.
- PLO2: Vận dụng được các kiến thức về công nghệ thông tin cơ bản phục vụ công việc thuộc ngành được đào tạo.
- PLO3: Phân tích được các lý thuyết và những nguyên lý cơ bản trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng và ứng dụng được trong thực tiễn của nền kinh tế - xã hội.
- PLO4: Phân tích được chính sách và các vấn đề thực tiễn chuyên môn sâu trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng; Cụ thể là trong hoạt động chuyên môn của một đơn vị phù hợp, như doanh nghiệp/ngân hàng/bảo hiểm/tài chính công/thuế/hải quan-xuất nhập khẩu/thẩm định giá.

+ Về kỹ năng:

- PLO5: Vận dụng được các kiến thức về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật và các kiến thức cơ sở ngành trong việc đánh giá, phản biện các vấn đề trong công việc.
- PLO6: Sử dụng tiếng Anh thành thạo đạt trình độ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.
- PLO7: Có kỹ năng thực hiện các phân tích ngành để hỗ trợ giải quyết các vấn đề chuyên ngành trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.
- PLO8: Có kỹ năng quản trị nhóm, ra quyết định, truyền đạt vấn đề, sáng tạo, chủ động trong giao tiếp và giải quyết các vấn đề chuyên môn thuộc các chuyên ngành doanh nghiệp/ngân hàng/bảo hiểm/tài chính công/thuế/hải quan-xuất nhập khẩu/thẩm định giá trong thực tiễn.

+ Về mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm:

- PLO9: Có niềm tin, tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.
- PLO10: Có thể làm việc độc lập, hoặc làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

4. THỜI GIAN ĐÀO TẠO:

Thời gian đào tạo: 4 năm. Thời gian học tập tối đa: 7 năm.

5. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA:

Khối lượng kiến thức toàn khóa là 120 tín chỉ, không kể chương trình Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng – An ninh.

6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:

6.1 Quy trình đào tạo: Thực hiện theo Quyết định số 1329/QĐ-ĐHTCM ngày 16/7/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ, Quyết định số 1421/QĐ-ĐHTCM ngày 30/5/2022 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ, Quyết định số 2033/QĐ-ĐHTCM ngày 08/8/2022 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 1329/QĐ-ĐHTCM, Quyết định số 1421/QĐ-ĐHTCM và Quyết định số 1351/QĐ-ĐHTCM ngày 26/07/2021 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức vừa làm vừa học.

6.2 Địa điểm đào tạo: Các cơ sở đào tạo thuộc Trường Đại học Tài chính – Marketing.

6.3 Đơn vị phối hợp đào tạo (nếu có):

- **Điều kiện tốt nghiệp:** Thực hiện theo Quyết định số 1329/QĐ-ĐHTCM ngày 16/7/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ, Quyết định 1421/QĐ-ĐHTCM ngày 30/5/2022 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ và Quyết định số 2033/QĐ-ĐHTCM ngày 08/8/2022 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 1329/QĐ-ĐHTCM, Quyết định số 1421/QĐ-ĐHTCM và Quyết định số 1351/QĐ-ĐHTCM ngày 26/07/2021 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức vừa làm vừa học.

- **Điều kiện về kỹ năng mềm:** Sinh viên phải có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn (hoặc điểm đạt) tích lũy 3/6 kỹ năng mềm sau đây:

- Kỹ năng Tổ chức công việc và quản lý thời gian
- Kỹ năng Thuyết trình và làm việc nhóm
- Kỹ năng Giao tiếp hiệu quả
- Kỹ năng Giải quyết vấn đề và ra quyết định
- Kỹ năng Lập kế hoạch nghề nghiệp và tìm việc làm
- Kỹ năng Tư duy sáng tạo

- **Điều kiện về ngoại ngữ:**

Năm tuyển sinh	KNLNN 6 bậc Việt Nam	Khung tham chiếu Châu Âu CEFR	IELTS	TOFEL (PBT/CBT/ iBT)	TOEIC	
					02 kỹ năng	04 kỹ năng
2021	3/6	B1	4.5	450/133/45	Nghe & Đọc: 450	Nghe & Đọc: 450 Nói & Viết: 200

Năm tuyển sinh	KNLNN 6 bậc Việt Nam	Khung tham chiếu Châu Âu CEFR	IELTS	TOFEL (PBT/CBT/ iBT)	TOEIC	
					02 kỹ năng	04 kỹ năng
2022, 2023	3/6	B1	4.5	477/153/53	Nghe & Đọc: 500	Nghe & Đọc: 500 Nói & Viết: 220
2024, 2025	3/6	B1	5.0	500/173/61	Nghe & Đọc: 550	Nghe & Đọc: 550 Nói & Viết: 240

- **Điều kiện về tin học:**

- Chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản (theo Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21 tháng 6 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông về quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng CNTT) do các cơ sở giáo dục cấp theo sự cho phép của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Chứng chỉ tin học văn phòng quốc tế MOS cấp độ Specialist (MS. Word, MS. Excel) do Microsoft cấp;
- Bằng tốt nghiệp Đại học hoặc Cao đẳng ngành Công nghệ thông tin hoặc Hệ thống thông tin quản lý thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

7. TUYỂN SINH:

7.1 Chỉ tiêu tuyển sinh: Theo đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Tài chính – Marketing.

7.2 Điều kiện tuyển sinh: Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Tài chính – Marketing.

8. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ VÀ THANG ĐIỂM:

Theo Quyết định số 1329/QĐ-ĐHTCM ngày 16/7/2021, Quyết định số 1421/QĐ-ĐHTCM ngày 30/5/2022 và Quyết định số 1917/QĐ-ĐHTCM ngày 17/10/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing ban hành Quy định thi kết thúc học phần và cách tính điểm các hệ, bậc đào tạo theo học chế tín chỉ của Trường Đại học Tài chính – Marketing và các nội dung sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1917/QĐ-ĐHTCM ngày 17/10/2018 theo Quyết định số 717/QĐ-ĐHTCM ngày 14/3/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing.

9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH:

9.1 Kiến thức giáo dục đại cương: 34 tín chỉ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (số tín chỉ)					Ghi chú
				LT	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	TH tại PM, PMP, DN	Tự học (giờ)	
a. Kiến thức lý luận chính trị: 11 tín chỉ									
1	011134	Triết học Mác – Lênin	3	2	1	0	0	105	
2	011135	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	1	1	0	0	70	
3	011136	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1	1	0	0	70	
4	011137	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	1	1	0	0	70	
5	010016	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1	1	0	0	70	
b. Kiến thức pháp luật: 3 tín chỉ									
6	010637	Pháp luật đại cương	3	2	1	0	0	105	
c. Ngoại ngữ: 12 tín chỉ									
7	011270	Tiếng Anh tổng quát 1	3	2	1	0	0	105	
8	011271	Tiếng Anh tổng quát 2	3	2	1	0	0	105	
9	011272	Tiếng Anh tổng quát 3	3	2	1	0	0	105	
10	011273	Tiếng Anh tổng quát 4	3	2	1	0	0	105	
d. Toán – Tin học: 8 tín chỉ									
11	010025	Toán cao cấp	4	3	1	0	0	140	
12	011322	Tin học ứng dụng	4	1	2	0	1	125	
e. Chương trình Giáo dục Quốc phòng – An ninh: (không tính vào tổng khối lượng chương trình đào tạo)									
f. Chương trình Giáo dục thể chất: (không tính vào tổng khối lượng chương trình đào tạo)									

9.2 Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 80 tín chỉ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (số tín chỉ)					Ghi chú
				LT	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	TH tại PM, PMP, DN	Tự học (giờ)	
a. Kiến thức cơ sở ngành: 21 tín chỉ									
13	010031	Kinh tế vi mô 1	3	2	1	0	0	105	
14	010032	Kinh tế vĩ mô 1	3	2	1	0	0	105	
15	010038	Nguyên lý kế toán	3	2	1	0	0	105	
16	010630	Nguyên lý marketing	3	2	1	0	0	105	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (số tín chỉ)					Ghi chú
				LT	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	TH tại PM, PMP, DN	Tự học (giờ)	
17	010033	Quản trị học	3	2	1	0	0	105	
18	010873	Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1	3	2	1	0	0	105	
19	011140	Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng	3	2	1	0	0	105	
b. Kiến thức ngành: 29 tín chỉ									
<i>Học phần bắt buộc</i>									
20	010769	Nguyên lý thẩm định giá	3	2	1	0	0	105	
21	010840	Tài chính công	3	2	1	0	0	105	
22	010980	Thuế 1	3	2	1	0	0	105	
23	011546	Thị trường chứng khoán	3	2	0	1	0	90	
24	010088	Nguyên lý và thực hành bảo hiểm	3	2	1	0	0	105	
25	010874	Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 2	2	2	0	0	0	70	
26	011547	Tài chính doanh nghiệp 1	3	2	0	1	0	90	
27	011548	Ngân hàng thương mại	3	2	0	1	0	90	
28	011549	Tài chính quốc tế	3	2	0	1	0	90	
29	010039	Kinh tế lượng	3	2	0	0	1	90	
c. Kiến thức chuyên ngành: 24 tín chỉ									
❖ Chuyên ngành: Tài chính doanh nghiệp									
<i>Học phần bắt buộc</i>									
30	011596	Thực hành nghề nghiệp 1	3	0	0	0	3	60	
31	011597	Thực hành nghề nghiệp 2	3	0	0	0	3	60	
32	011550	Tài chính doanh nghiệp 2	3	2	0	1	0	90	
33	011551	Quản trị rủi ro tài chính	3	2	0	1	0	90	
34	011552	Phân tích Tài chính doanh nghiệp	3	2	0	1	0	90	
<i>Học phần tự chọn (chọn 3 trong 6 học phần)</i>									
35a	011553	Mô hình tài chính	3	2	0	1	0	90	Chọn 1
35b	011554	Đầu tư tài chính							

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (số tín chỉ)					Ghi chú
				LT	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	TH tại PM, PMP, DN	Tự học (giờ)	
									trong 2
36a	011555	Thẩm định dự án đầu tư	3	2	0	1	0	90	Chọn 1 trong 2
36b	011556	Hoạch định ngân sách vốn đầu tư							
37a	011598	Hợp nhất và sáp nhập	3	2	0	1	0	90	Chọn 1 trong 2
37b	011557	Chiến lược tài chính công ty							
❖ Chuyên ngành: Ngân hàng									
Học phần bắt buộc									
30	011599	Thực hành nghề nghiệp 1	3	0	0	0	3	60	
31	011600	Thực hành nghề nghiệp 2	3	0	0	0	3	60	
32	011558	Thẩm định tín dụng	3	2	0	1	0	90	
33	011601	Thanh toán quốc tế qua ngân hàng	3	2	0	1	0	90	
34	011559	Quản trị ngân hàng	3	2	0	1	0	90	
Học phần tự chọn									
35a	011602	Quản trị rủi ro trong ngân hàng và Basel	3	2	0	1	0	90	Chọn 1 trong 3
35b	011560	Xếp hạng tín dụng							
35c	011561	Ngân hàng đầu tư							
36a	011603	Ngân hàng trung ương	3	2	0	1	0	90	Chọn 1 trong 3
36b	011562	Kinh doanh ngoại hối							
36c	011563	Kế toán ngân hàng							
37a	011604	Ngân hàng quốc tế	3	2	0	1	0	90	Chọn 1 trong 3
37b	011605	Kinh doanh chứng khoán trong các định chế tài chính							
37c	011564	Thị trường chứng khoán phái sinh							
❖ Chuyên ngành: Tài chính bảo hiểm và đầu tư									
Học phần bắt buộc									

[illegible]

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (số tín chỉ)					Ghi chú
				LT	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	TH tại PM, PMP, DN	Tự học (giờ)	
37a	011576	Thẩm định giá tài sản vô hình	3	2	0	1	0	90	Chọn 1 trong 2
37b	011577	Thẩm định giá nguồn tài nguyên							
❖ Chuyên ngành: Tài chính công									
<i>Học phần bắt buộc</i>									
30	011612	Thực hành nghề nghiệp 1	3	0	0	0	3	60	
31	011613	Thực hành nghề nghiệp 2	3	0	0	0	3	60	
32	011578	Quản lý NSNN	3	2	0	1	0	90	
33	011579	Hoạch định NSNN	3	2	0	1	0	90	
34	011580	Quản lý tài chính các đơn vị công	3	2	0	1	0	90	
35	011581	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	2	0	1	0	90	
<i>Học phần tự chọn</i>									
36a	011582	Thẩm định đầu tư công	3	2	0	1	0	90	Chọn 1 trong 2
36b	011583	Phân tích lợi ích và chi phí trong đầu tư công							
37a	011614	Nhập môn quản trị công	3	2	0	1	0	90	Chọn 1 trong 2
37b	011584	Quản lý nhà nước về tài chính							
❖ Chuyên ngành: Thuế									
<i>Học phần bắt buộc</i>									
30	011615	Thực hành nghề nghiệp 1	3	0	0	0	3	60	
31	011616	Thực hành nghề nghiệp 2	3	0	0	0	3	60	
32	011585	Lý thuyết thuế	3	2	0	1	0	90	
33	011586	Thuế 2 (Thuế tiêu dùng)	3	2	0	1	0	90	
34	011587	Thuế 3 (Thuế thu nhập)	3	2	0	1	0	90	
35	011588	Thuế quốc tế	3	2	0	1	0	90	
<i>Học phần tự chọn</i>									

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (số tín chỉ)					Ghi chú
				LT	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	TH tại PM, PMP, DN	Tự học (giờ)	
36a	011589	Quản lý thuế	3	2	0	1	0	90	Chọn 1 trong 2
36b	011584	Quản lý NN về tài chính							
37a	011590	Phân tích chính sách thuế	3	2	0	1	0	90	Chọn 1 trong 2
37b	011552	Phân tích tài chính doanh nghiệp							
❖ Chuyên ngành: Hải quan - Xuất nhập khẩu									
Học phần bắt buộc									
30	011617	Thực hành nghề nghiệp 1	3	0	0	0	3	60	
31	011618	Thực hành nghề nghiệp 2	3	0	0	0	3	60	
32	011619	Phân loại và xuất xứ hàng hóa xuất nhập khẩu	3	2	0	1	0	90	
33	011591	Trị giá hải quan	3	2	0	1	0	90	
34	011592	Thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu	3	2	0	1	0	90	
35	011593	Thủ tục hải quan	3	2	0	1	0	90	
Học phần tự chọn									
36a	011620	Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ	3	2	0	1	0	90	Chọn 1 trong 2
36b	011594	Quản trị xuất nhập khẩu							
37a	011621	Kiểm soát hải quan	3	2	0	1	0	90	Chọn 1 trong 2
37b	011595	Chính sách quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu							
d. Kiến thức bổ trợ ngành: 6 tín chỉ									
Nhóm 1: Chọn 1 trong 7 học phần sau									
38a	010844	Tài chính hành vi	3	2	1	0	0	105	
38b	011210	Phân tích hoạt động kinh doanh ngân hàng	3	2	1	0	0	105	
38c	011291	Quản trị rủi ro các định chế tài chính	3	2	1	0	0	105	
38d	010771	Nhập môn chính sách công	3	2	1	0	0	105	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (số tín chỉ)					Ghi chú
				LT	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	TH tại PM, PMP, DN	Tự học (giờ)	
38e	011215	Thẩm định giá bất động sản 2	3	2	1	0	0	105	
38f	011221	Nghiệp vụ giao nhận và vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu	3	2	1	0	0	105	
38g	010697	Kế toán tài chính 1	3	2	1	0	0	105	
Nhóm 2: Chọn 1 trong 7 học phần sau									
39a	011622	Công nghệ tài chính	3	2	1	0	0	105	
39b	011623	Ngân hàng số	3	2	1	0	0	105	
39c	011624	Quản trị tài chính cá nhân	3	2	1	0	0	105	
39d	011625	Nhập môn an sinh xã hội	3	2	1	0	0	105	
39e	011387	Kỹ thuật bất động sản	3	2	1	0	0	105	
39f	011031	Kiểm tra sau thông quan	3	2	1	0	0	105	
39g	010698	Kế toán thuế	3	2	1	0	0	105	

9.3 Tốt nghiệp: 6 tín chỉ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (số tín chỉ)					Ghi chú
				LT	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	TH tại PM, MP, DN	Tự học (giờ)	
Chuyên ngành: Tài chính doanh nghiệp, Ngân hàng, Bảo hiểm									
40a	011630	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	0	0	6	120	
Hoặc									
40b1	011631	Thực tập cuối khóa	3	0	0	0	3	60	
40b2	011626	Thực hành Ngân hàng điện tử và thực hành mô phỏng đầu tư tài chính	3	0	0	0	3	60	
Chuyên ngành: Thẩm định giá									
40a	011632	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	0	0	6	120	
Hoặc									
40b1	011633	Thực tập cuối khóa	3	0	0	0	3	60	
40b2	011627	Thực hành phân tích giá thị trường hàng hóa, tài sản	3	0	0	0	3	60	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (số tín chỉ)					Ghi chú
				LT	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	TH tại PM, MP, DN	Tự học (giờ)	
Chuyên ngành: Tài chính công									
40a	011634	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	0	0	6	120	
Hoặc									
40b1	011635	Thực tập cuối khóa	3	0	0	0	3	60	
40b2	011628	Thực hành khai báo Thuế	3	0	0	0	3	60	
Chuyên ngành: Thuế									
40a	011636	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	0	0	6	120	
Hoặc									
40b1	011637	Thực tập cuối khóa	3	0	0	0	3	60	
40b2	011628	Thực hành khai báo Thuế	3	0	0	0	3	60	
Chuyên ngành: Hải quan - Xuất nhập khẩu									
40a	011638	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	0	0	6	120	
Hoặc									
40b1	011639	Thực tập cuối khóa	3	0	0	0	3	60	
40b2	011629	Thực hành khai báo hải quan	3	0	0	0	3	60	

- **Trong đó:** số tín chỉ lý thuyết 96 tín chỉ, thực hành 24 tín chỉ, số tín chỉ thực hành chiếm 20%. (Tin học: 1, Ngành: 5, Chuyên ngành: 12, KLTN/TTCK và thay thế khóa luận: 6)

9.4 Kế hoạch giảng dạy:

Năm 1

STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Triết học Mác – Lênin	3		
2	Kinh tế vi mô 1	3		
3	Tiếng Anh tổng quát 1	3		
4	Toán cao cấp	4		
5	Giáo dục quốc phòng	8		
6	Giáo dục thể chất	1		
7	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Triết học Mác – Lênin	
8	Pháp luật đại cương	3		
9	Tiếng Anh tổng quát 2	3	Tiếng Anh tổng quát 1	
10	Quản trị học	3		
11	Kinh tế vĩ mô 1	3		
12	Nguyên lý Marketing	3		
13	Nguyên lý kế toán	3		

STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
14	Tiền tệ, Ngân hàng và Thị trường tài chính 1	3		
15	Tin học ứng dụng	4		
16	Giáo dục thể chất	1		
	Tổng cộng (Không kể giáo dục thể chất)	40		

Năm 2

STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Triết học Mác – Lênin; Kinh tế chính trị Mác – Lênin	
2	Tiếng Anh tổng quát 3	3	Tiếng Anh tổng quát 2	
3	Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng	3		
4	Kinh tế lượng	3		
5	Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính 2	2	Tiền tệ, Ngân hàng và Thị trường tài chính 1	
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Triết học Mác – Lênin; Kinh tế chính trị Mác – Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học	
7	Nguyên lý và thực hành bảo hiểm	3	Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1	
8	Nguyên lý Thảm định giá	3	Kinh tế vi mô 1	
9	Tiếng Anh tổng quát 4	3	Tiếng Anh tổng quát 3	
10	Tài chính doanh nghiệp 1	3	Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1	
11	Giáo dục thể chất	1		
12	Tài chính công	3		
13	Thị trường chứng khoán	3	Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1	
14	Ngân hàng thương mại	3	Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1	
15	Tài chính quốc tế	3	Tài chính doanh nghiệp 1	
16	Giáo dục thể chất	1		
	Tổng cộng (Không kể giáo dục thể chất)	39		

Năm 3**1. Các học phần học chung**

STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Triết học Mác – Lênin; Kinh tế chính trị Mác – Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tư tưởng Hồ Chí Minh	
2	Thuế 1	3		
	Tổng cộng	5		

2. Các học phần kiến thức bổ trợ ngành:

Nhóm 1: Chọn 1 trong 7 học phần sau				
STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Tài chính hành vi	3	Tài chính doanh nghiệp 1, 2	
	Phân tích hoạt động kinh doanh ngân hàng		Ngân hàng thương mại	
	Quản trị rủi ro các định chế tài chính		Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1 và Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 2	
	Nhập môn chính sách công			
	Thẩm định giá bất động sản 2		Thẩm định giá bất động sản 1	
	Nghiệp vụ giao nhận và vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu			
	Kế toán tài chính 1			
Nhóm 2: Chọn 1 trong 7 học phần sau				
STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
2	Công nghệ tài chính	3	Tài chính doanh nghiệp 1	
	Ngân hàng số		Ngân hàng thương mại	
	Quản trị tài chính cá nhân		Tài chính doanh nghiệp 1	
	Nhập môn an sinh xã hội			
	Kỹ thuật bất động sản		Pháp luật trong thẩm định giá bất động sản	
	Kiểm tra sau thông quan			
	Kế toán thuế			
	Tổng	6		

3. Các học phần bắt buộc của các chuyên ngành

<i>Chuyên ngành: Tài chính doanh nghiệp</i>

STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Thực hành nghề nghiệp 1	3	Ngân hàng thương mại; Tài chính doanh nghiệp 1; Thị trường chứng khoán; Nguyên lý và thực hành bảo hiểm	
2	Thực hành nghề nghiệp 2	3	Thực hành nghề nghiệp 1	
3	Tài chính doanh nghiệp 2	3	Tài chính doanh nghiệp 1	
4	Quản trị rủi ro tài chính	3	Tài chính doanh nghiệp 1	
5	Phân tích Tài chính doanh nghiệp	3	Tài chính doanh nghiệp 1	
	Tổng	15		
Chuyên ngành: Ngân hàng				
STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Thực hành nghề nghiệp 1 (Practicum 1)	3	Ngân hàng thương mại; Tài chính doanh nghiệp 1; Thị trường chứng khoán; Nguyên lý và thực hành bảo hiểm	
2	Thực hành nghề nghiệp 2	3	Thực hành nghề nghiệp 1	
3	Thẩm định tín dụng	3	Ngân hàng thương mại	
4	Thanh toán quốc tế qua ngân hàng	3	Ngân hàng thương mại	
5	Quản trị ngân hàng	3	Ngân hàng thương mại	
	Tổng	15		
Chuyên ngành: Tài chính bảo hiểm và đầu tư				
STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Thực hành nghề nghiệp 1 (Practicum 1)	3	Ngân hàng thương mại; Tài chính doanh nghiệp 1; Thị trường chứng khoán; Nguyên lý và thực hành bảo hiểm	
2	Thực hành nghề nghiệp 2	3	Thực hành nghề nghiệp 1	
3	Bảo hiểm nhân thọ	3	Nguyên lý và thực hành bảo hiểm	
4	Tài chính công ty bảo hiểm	3	Tài chính doanh nghiệp 1, Nguyên lý và thực hành bảo hiểm	
5	Bảo hiểm phi nhân thọ	3	Nguyên lý và thực hành bảo hiểm	
	Tổng	15		
Chuyên ngành: Thẩm định giá				
STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Thực hành nghề nghiệp 1	3	Thẩm định giá bất động sản	

2	Thực hành nghề nghiệp 2	3	Thẩm định giá máy thiết bị	
3	Pháp luật trong thẩm định giá tài sản	3	Pháp luật đại cương	
4	Lý thuyết giá cả thị trường	3	Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1	
5	Thẩm định giá bất động sản 1	3	Nguyên lý thẩm định giá, Pháp luật trong thẩm định giá tài sản, Kỹ thuật bất động sản	
6	Thẩm định giá máy thiết bị	3	Nguyên lý thẩm định giá, Pháp luật trong thẩm định giá tài sản	
7	Thẩm định giá doanh nghiệp	3	Nguyên lý thẩm định giá, Tài chính doanh nghiệp 1, Thị trường chứng khoán	
	Tổng	21		

Chuyên ngành: Tài chính công

STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Thực hành nghề nghiệp 1	3	Tài chính công	
2	Thực hành nghề nghiệp 2	3	Thực hành nghề nghiệp 1	
3	Quản lý NSNN	3	Tài chính công	
4	Hoạch định NSNN	3	Tài chính công, Quản lý NSNN	
5	Quản lý tài chính các đơn vị công	3	Quản lý NSNN	
6	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	Quản lý NSNN	
	Tổng	18		

Chuyên ngành: Thuế

STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Thực hành nghề nghiệp 1	3	Thuế 1, 2	
2	Thực hành nghề nghiệp 2	3	Thuế 1, 2	
3	Lý thuyết thuế	3		
4	Thuế 2 (Thuế tiêu dùng)	3	Lý thuyết thuế	
5	Thuế 3 (Thuế thu nhập)	3	Lý thuyết thuế	
6	Thuế quốc tế	3	Thuế 2	
	Tổng	18		

Chuyên ngành: Hải quan - Xuất nhập khẩu

STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Thực hành nghề nghiệp 1	3	Phân loại và xuất xứ hàng hóa XNK; Trị giá hải quan	
2	Thực hành nghề nghiệp 2	3	Thủ tục hải quan	
3	Phân loại và xuất xứ hàng hóa xuất nhập khẩu	3		
4	Trị giá hải quan	3		

5	Thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu	3	Phân loại và xuất xứ hàng hóa xuất nhập khẩu; Trị giá hải quan	
6	Thủ tục hải quan	3	Phân loại và xuất xứ hàng hóa xuất nhập khẩu; Trị giá hải quan; Thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu	
	Tổng	18		

4. Các học phần tự chọn của các chuyên ngành:

<i>Chuyên ngành: Tài chính doanh nghiệp</i>				
STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Mô hình tài chính	3	Phân tích tài chính doanh nghiệp	Chọn 1 trong 2 học phần
	Đầu tư tài chính			
2	Thẩm định dự án đầu tư	3	Tài chính doanh nghiệp 1; Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 2	Chọn 1 trong 2 học phần
	Hoạch định ngân sách vốn đầu tư			
3	Hợp nhất và sáp nhập	3	Tài chính doanh nghiệp 1; Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 2	Chọn 1 trong 2 học phần
	Chiến lược công ty			
	Tổng	9		
<i>Chuyên ngành: Ngân hàng</i>				
STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Quản trị rủi ro trong ngân hàng và Basel	3	Ngân hàng thương mại	Chọn 1 trong 3 học phần
	Xếp hạng tín dụng			
	Ngân hàng đầu tư			
2	Ngân hàng trung ương	3	Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1; Ngân hàng thương mại	Chọn 1 trong 3 học phần
	Kinh doanh ngoại hối			
	Kế toán ngân hàng			
3	Ngân hàng quốc tế	3	Ngân hàng thương mại	Chọn 1 trong 3 học phần
	Kinh doanh chứng khoán trong các định chế tài chính			
	Thị trường chứng khoán phái sinh			
	Tổng	9		
<i>Chuyên ngành: Tài chính bảo hiểm và đầu tư</i>				
STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ

1	Định phí bảo hiểm	3	Tài chính doanh nghiệp 1, Nguyên lý và thực hành bảo hiểm	Chọn trong học phần 1 2
	Phân tích hoạt động kinh doanh bảo hiểm			
2	Đầu tư tài chính	3	Tài chính doanh nghiệp 1	Chọn trong học phần 1 2
	Quản lý danh mục đầu tư			
3	Quản lý khai thác và bồi thường bảo hiểm	3	Nguyên lý và thực hành bảo hiểm	Chọn trong học phần 1 2
	Tái bảo hiểm			
	Tổng	9		

Chuyên ngành: Thẩm định giá

	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Thẩm định giá tài sản vô hình	3	Nguyên lý thẩm định giá	Chọn trong học phần 1 2
	Thẩm định giá nguồn tài nguyên			
	Tổng	3		

Chuyên ngành: Tài chính công

	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Thẩm định đầu tư công	3	Tài chính công	Chọn trong học phần 1 2
	Phân tích lợi ích và chi phí trong đầu tư công			
2	Nhập môn quản trị công	3	Tài chính công	Chọn trong học phần 1 2
	Quản lý nhà nước về tài chính			
	Tổng	6		

Chuyên ngành: Thuế

STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Quản lý thuế	3	Thuế 2	Chọn trong học phần 1 2
	Quản lý NN về tài chính		Tài chính công	
2	Phân tích chính sách thuế	3	Thuế 2	Chọn trong học phần 1 2
	Phân tích tài chính doanh nghiệp		Tài chính doanh nghiệp 1	
	Tổng	6		

Chuyên ngành: Hải quan - Xuất nhập khẩu

STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ	3		Chọn trong 1 2
	Quản trị xuất nhập khẩu			
2	Kiểm soát hải quan	3		

	Chính sách quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu			Chọn 1 trong 2
	Tổng	6		

Năm 4

Khóa luận tốt nghiệp: 6 TC

Đối với sinh viên không làm khóa luận thì sẽ Thực tập cuối khóa 3 TC, đồng thời trong thời gian này phải học bổ sung thêm 1 học phần tổng cộng 3 TC:

Chuyên ngành: Tài chính doanh nghiệp, Ngân hàng, Bảo hiểm				
STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Khóa luận tốt nghiệp	6	Tất cả các học phần chuyên ngành	
Hoặc				
1	Thực tập cuối khóa	3	Ngân hàng thương mại; Tài chính doanh nghiệp 2	
2	Thực hành Ngân hàng điện tử và thực hành mô phỏng đầu tư tài chính	3	Thực hành nghề nghiệp 1, 2	
	Tổng cộng	6		
Chuyên ngành: Thẩm định giá				
STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Khóa luận tốt nghiệp	6	Tất cả các học phần chuyên ngành Thẩm định giá	
Hoặc				
1	Thực tập cuối khóa	3	Tất cả các học phần chuyên ngành Thẩm định giá	
2	Thực hành phân tích giá thị trường hàng hóa, tài sản	3		
	Tổng cộng	6		
Chuyên ngành: Tài chính công				
STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Khóa luận tốt nghiệp	6	Xong tất cả các học phần chuyên ngành	
Hoặc				
1	Thực tập cuối khóa	3	Xong tất cả các học phần chuyên ngành	
2	Thực hành khai báo Thuế	3	Thuế 2	
	Tổng cộng	6		
Chuyên ngành: Thuế				
STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Khóa luận tốt nghiệp	6	Xong tất cả các học phần chuyên ngành	

Hoặc				
1	Thực tập cuối khóa	3	Xong tất cả các học phần chuyên ngành	
2	Thực hành khai báo Thuế	3	Thuế 2	
	Tổng cộng	6		
<i>Chuyên ngành: Hải quan - Xuất nhập khẩu</i>				
STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Khóa luận tốt nghiệp	6	Xong tất cả các học phần chuyên ngành	
Hoặc				
1	Thực tập cuối khóa	3	Xong tất cả các học phần chuyên ngành	
2	Thực hành khai báo hải quan	3	Thủ tục hải quan	
	Tổng cộng	6		

10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

10.1 Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

❖ Tổ chức thực hiện đào tạo

Chương trình đào tạo được thực hiện từ khóa tuyển sinh năm 2022, được đào tạo theo phương thức tín chỉ.

Phòng QLĐT chịu trách nhiệm triển khai đào tạo theo kế hoạch đào tạo theo từng năm/học kỳ.

Khoa chuyên môn chịu trách nhiệm phân công giảng viên giảng dạy các học phần và hướng dẫn luận văn tốt nghiệp, theo dõi nội dung giảng dạy theo đúng với yêu cầu đề cương chi tiết học phần. Đối với những học phần tự chọn, tùy theo tình hình thực tiễn Khoa chuyên môn sẽ tư vấn cho sinh viên lựa chọn học phần phù hợp.

Trong quá trình tổ chức thực hiện sẽ đề xuất những yêu cầu cần thiết về cơ sở vật chất và các phương tiện giảng dạy phục vụ cho quá trình đào tạo. Hoặc đề xuất những thay đổi về phương pháp giảng dạy thích nghi với tình hình thực tế.

Sinh viên không đủ điều kiện để đánh giá kết quả đạt học phần sẽ phải đăng ký học lại học phần đó.

❖ Phương pháp giảng dạy – học tập

Thuyết giảng: Giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. Học viên chỉ nghe giảng và thỉnh thoảng ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giáo viên truyền đạt.

Tranh luận: là tiến trình dạy học trong đó giảng viên đưa ra một vấn đề liên quan đến nội dung bài học, học viên nêu quan điểm cá nhân, và giải thích phân tích kỹ để thuyết phục người nghe về quan điểm của mình. Thông qua hoạt động dạy học này, học viên hình thành các kỹ năng như tư duy phản biện, thương lượng và đưa ra quyết định hay kỹ năng nói trước đám đông.

Phương pháp dạy học nhóm: Đây là một trong những phương pháp dạy học tích cực được đánh giá cao hiện nay, giúp sinh viên nâng cao kỹ năng làm việc nhóm, trách nhiệm và khả năng giao tiếp sinh viên. Giảng viên sẽ giới thiệu về chủ đề, xác định nhiệm vụ chung

cho các nhóm, tạo nhóm. Sinh viên sẽ lên kế hoạch cho các công việc cần làm, đặt ra các quy tắc làm việc chung, xử lý các nhiệm vụ được giao và báo cáo kết quả đạt được. Sau đó, các nhóm lần lượt báo cáo kết quả giảng viên sẽ đánh giá kết quả.

Phương pháp học dựa trên vấn đề: Mục tiêu của học dựa trên vấn đề (được định nghĩa là việc nghiên cứu có chiều sâu về một chủ đề học tập) là để học nhiều hơn về một chủ đề chứ không phải là chỉ tìm ra những câu trả lời đúng cho những câu hỏi được giáo viên đưa ra. Trong phương pháp học dựa trên vấn đề, sinh viên vừa nắm được kiến thức mới, vừa nắm được phương pháp lĩnh hội kiến thức đó, phát triển tư duy chủ động, sáng tạo, được chuẩn bị năng lực thích ứng với đời sống xã hội, phát hiện và giải quyết hợp lý các vấn đề nảy sinh.

Nghiên cứu tình huống: Yếu tố cấu thành chủ yếu của phương pháp đào tạo mới này dựa trên các tình huống thực tế. Mục đích chính của các tình huống là để miêu tả, trao đổi kinh nghiệm về cách thức giải quyết vấn đề và những mâu thuẫn trong khi thực hiện công việc được giao. Bằng những tình huống khác nhau cần phải giải quyết trong khoảng thời gian định sẵn, người học được đặt vào vị trí cần phải đưa ra quyết định hoặc kêu gọi sự hỗ trợ của các thành viên cùng nhóm để tìm hướng giải quyết hợp lý. Sự đa dạng của các tình huống không chỉ khuyến khích người học phát huy tính chủ động, óc sáng tạo mà còn đem đến sự thoải mái, sảng khoái về mặt tinh thần khi tham dự lớp. Yếu tố này làm người học có thể tiếp thu nội dung kiến thức bài giảng dễ dàng, sâu và nhớ lâu hơn các phương pháp giảng dạy truyền thống.

10.2 Đảm bảo chất lượng đào tạo

❖ Cơ sở vật chất, công nghệ, trang thiết bị phục vụ giảng dạy

Diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng

STT	Nội dung	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất cơ sở đào tạo quản lý sử dụng	64.972,9	62.472,9		2.500
Trong đó:					
a	778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, Tp. HCM	13.144,3	13.144,3		
b	27 Tân Mỹ, phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Tp. HCM	9.160	9.160		
c	B2/1A đường 385, phường Tăng Nhơn Phú A, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM	39.576	39.576		
d	306 Nguyễn Trọng Tuyển, phường 1, quận Tân Bình, Tp. HCM	444,6	444,6		
e	343/4 Nguyễn Trọng Tuyển, phường 1, quận Tân Bình, Tp. HCM	148	148		

STT	Nội dung	Diện tích (m2)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
f	2C Phổ Quang, phường 2, quận Tân Bình, Tp. HCM	2.500			2.500
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học	39.760	32.407		7.353
Trong đó:					
a	778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, Tp. HCM	3.747	3.747		
b	27 Tân Mỹ, phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Tp. HCM	11.451	11.451		
c	B2/1A đường 385, phường Tăng Nhơn Phú A, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM	16.275	16.275		
d	306 Nguyễn Trọng Tuyển, phường 1, quận Tân Bình, Tp. HCM	688	688		
e	343/4 Nguyễn Trọng Tuyển, phường 1, quận Tân Bình, Tp. HCM	246	246		
f	2C Phổ Quang, phường 2, quận Tân Bình, Tp. HCM	7.353			7.353

Các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng, hội trường, phòng học, thư viện, trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Phòng thí nghiệm	0						
2	Phòng thực hành	46	Học tin học, tiếng Anh, thực hành doanh nghiệp ảo	Sinh viên, giảng viên	3.409	3.409		
3	Xưởng thực tập	0						
4	Nhà tập đa năng	4	Tập luyện thể thao	Học viên, sinh viên, CBVC	2.765	2.765		

STT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
5	Hội trường	6	Tổ chức hội nghị, hội thảo, sự kiện ...	Học viên, sinh viên, CBVC	3.411,3	2.771,3		640
6	Phòng học	296	Giảng dạy, học tập	Học viên, sinh viên, giảng viên	24.533	18.909		13.624
7	Phòng học đa phương tiện	0						
8	Thư viện	3	Phục vụ giảng dạy, học tập và NCKH	Học viên, sinh viên, CBVC	2.817	2.417		400
9	Trung tâm học liệu	0						
10	Các phòng chức năng khác	42	Phòng GV; phòng GS, PGS; phòng đa năng	CBVC, học viên, sinh viên	2.825	2.136		689

Thư viện và học liệu (sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử)

- Tổng diện tích thư viện: 2.080 m², trong đó có 1.300 m² là diện tích phòng đọc. Thư viện được đặt tại các cơ sở:

- o Cơ sở 1: 27 Tân Mỹ, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7.
- o Cơ sở 2: 2C Phở Quảng, Phường 2, Quận Tân Bình.
- o Cơ sở 3: R2/1A, Phòng 385, Phường Tăng Nhơn Phú A, Tp. Thủ Đức.

viện: PSC Zlis 7.0

đã kết nối với các cổng thông tin điện tử như:

Thông tin Khoa học và Công nghệ.

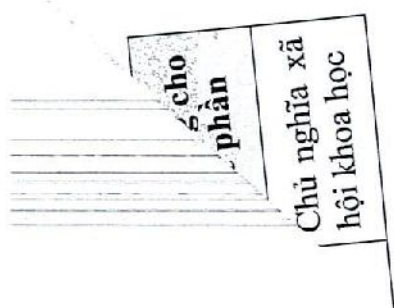
liên từ IGP.

ngiên cứu quốc gia.

bản Tổng hợp.

Proquest.

ty cập từ NXB Tổng hợp: 300



STT	Nội dung	Số lượng
1	Số phòng đọc	5
2	Số chỗ ngồi đọc	300
3	Số máy tính của thư viện phục vụ tra cứu	101
4	Số lượng đầu sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu trong thư viện (đầu sách, tạp chí)	21.177
4.1	Tài liệu dạng in	
4.1.1	Sách	17.235 tựa/ 56.434 bản
4.1.2	Luận văn Thạc sĩ	2.417
4.1.3	Chuyên đề tốt nghiệp	1.480
4.1.4	Báo - tạp chí	10 tựa báo, 31 tựa tạp chí và bản tin
4.2	Tài liệu điện tử	
4.2.1	Luận văn Thạc sĩ	2.207
4.2.2	Bài trích Báo – Tạp chí	411
4.2.3	Chuyên đề tốt nghiệp	99
4.2.4	Sách, tài liệu nghiên cứu khoa học	167
4.2.5	Cơ sở dữ liệu	Nasati (Gói dữ liệu của Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia, bao gồm: STD-Tài liệu KH&CN Việt Nam, Nhiệm vụ KH&CN Việt Nam, ScienceDirect, Scopus, ProQuest Central, IEEE Xplore Digital Library, SpringerNature ...) Emerald Sage Bộ Dữ liệu Kinh tế - Tài chính - Vĩ mô (FiinPro)
5	Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường	2

❖ **Học liệu**

Danh sách giáo trình, tài liệu tham khảo sử dụng trong chương trình đào tạo

STT	Tên Giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng học
1	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ giáo dục và đào tạo	Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2021	

STT	Tên Giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
2	Tài liệu học tập học phần CNXHKH (dành cho chương trình chất lượng cao)	TS. Phạm Lê Quang, Th.S. Bùi Minh nghĩa	Lưu hành nội bộ	2020	Chủ nghĩa xã hội khoa học
3	Slide bài giảng học phần CNXHKH	Bộ môn Mác – Lênin, trường Đại học Tài chính - Marketing	Lưu hành nội bộ	2022	Chủ nghĩa xã hội khoa học
4	Vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc	Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng	Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội	2018	Chủ nghĩa xã hội khoa học
5	Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, (bổ sung và phát triển)	Đảng Cộng sản Việt Nam	Nxb. Sự Thật, Hà Nội	2011	Chủ nghĩa xã hội khoa học
6	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh	Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội	2010	Chủ nghĩa xã hội khoa học
7	Một số vấn đề lý luận - thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam qua 30 năm đổi mới	GS. TS. Phùng Hữu Phú, GS.TS Lê Hữu Nghĩa, GS.TS. Vũ Văn Hiền, PGS.TS Nguyễn Viết Thông...	Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.	2018	Chủ nghĩa xã hội khoa học
8	Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng	Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội	2022	Chủ nghĩa xã hội khoa học
9	Giáo trình kinh tế chính trị Mác-Lênin	Bộ Giáo dục & Đào tạo	Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2021	Kinh tế chính trị M-L
10	C.Mác và Ph.Ăngghen : Toàn tập	C.Mác và Ph.Ăngghen	Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội	1999	Kinh tế chính trị M-L
11	Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII,	Đảng Cộng sản Việt Nam	Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2016	Kinh tế chính trị M-L

STT	Tên Giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
12	Cách mạng công nghiệp lần thứ tư	Klaus Schwab (Bộ ngoại giao dịch và hiệu đính)	Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội	2018	Kinh tế chính trị M-L
13	Giáo trình Triết học Mác-Lênin (Sử dụng trong các trường ĐH - Hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục & Đào tạo	Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội	2022	Triết học Mác - Lênin
14	Tài liệu học tập Triết học Mác-Lênin	Trường Đại học tài chính-Marketing	Lưu hành nội bộ	2020	Triết học Mác - Lênin
15	Giáo trình Triết học Mác-Lênin (Sử dụng trong các trường ĐH - Hệ chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục & Đào tạo	Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội	2022	Triết học Mác - Lênin
16	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục & Đào tạo	Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội,	2021	Lịch sử ĐCSVN
17	Tài liệu học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Trường Đại học Tài chính - Marketing	Lưu hành nội bộ	2020	Lịch sử ĐCSVN
18	Giáo trình lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Hội đồng TW chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia	Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội	2018	Lịch sử ĐCSVN
19	Một số chuyên đề lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (tập I, II và III)	Bộ Giáo dục và đào tạo	Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội	2007	Lịch sử ĐCSVN
20	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và đào tạo	Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội	2006	Lịch sử ĐCSVN
21	Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII	Đảng Cộng sản Việt Nam	Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội	2016	Lịch sử ĐCSVN
22	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (dành cho bậc đại học hệ	Bộ Giáo dục và đào tạo	Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội	2021	Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	Tên Giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
	không chuyên lý luận chính trị)				
23	Tài liệu học tập Tư tưởng Hồ Chí Minh	Trường Đại học Tài chính - Marketing	Lưu hành nội bộ	2021	Tư tưởng Hồ Chí Minh
24	Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII, VIII, IX, X, XI, XII, XIII	Đảng Cộng sản Việt Nam	Nxb. Chính trị quốc gia	2017	Tư tưởng Hồ Chí Minh
25	Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam	Đại tướng Võ Nguyên Giáp	Nxb. Chính trị quốc gia	2011	Tư tưởng Hồ Chí Minh
26	Hồ Chí Minh toàn tập tập 1 – 15		Nxb. Chính trị quốc gia	2011	Tư tưởng Hồ Chí Minh
27	Hồ Chí Minh – Tiểu sử	GS Song Thành (Chủ biên)	Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội	2006	Tư tưởng Hồ Chí Minh
28	Tập bài giảng Pháp luật đại cương	Bộ môn Luật, Trường ĐH Tài chính- Marketing		2018	Pháp luật đại cương
29	Giáo trình “Lý luận về nhà nước và pháp luật”	Trường Đại học Luật Hà Nội	CAND	2021	Pháp luật đại cương
30	Giáo trình “Pháp luật đại cương”	Lê Minh Toàn	CTQG Sự thật	2022	Pháp luật đại cương
31	Giáo trình “Lý luận chung về nhà nước và pháp luật”	Nguyễn Minh Đoan	CTQG Sự thật	2020	Pháp luật đại cương
32	Personal Best B1 ⁺ (A)	Burton, G.	Richmond	2017	Tiếng Anh tổng quát 1
33	Personal Best B1 ⁺ (B)	Burton, G.	Richmond	2017	Tiếng Anh tổng quát 2
34	Business Partner A2 ⁺	Margaret O., Iwonna D., Marjorie R.	Pearson	2019	Tiếng Anh tổng quát 3, 4
35	Toán cơ sở cho kinh tế	Nguyễn Huy Hoàng (chủ biên)	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	2014	Toán cao cấp

STT	Tên Giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
36	Bài giảng Toán dành cho Kinh tế và Quản trị	Nguyễn Huy Hoàng (chủ biên)	Trường Đại học Tài Chính – Marketing		Toán cao cấp
37	Giáo trình Toán cao cấp,	Trần Minh Thuyết	NXB Tài Chính	2007	Toán cao cấp
38	Bài giảng Kinh Tế Lượng	Nhóm tác giả Bộ môn Toán, Trường Đại học Tài chính - Marketing	Trường Đại học Tài Chính – Marketing	2013	Kinh Tế Lượng
39	Basic Econometrics, 3rd edition. (Ấn bản lần 3 do Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright biên dịch)	Damodar N. Gujarati	McGraw-Hill International	1995	Kinh Tế Lượng
40	Tập bài giảng Tin học đại cương hướng đến chuẩn Mos và IC3	Trương Đình Hải Thụy, Trần Trọng Hiếu, Trương Xuân Hương, Trần Thanh San, Đinh Xuân Thọ		2018	Tin học ứng dụng (Từ Khóa 2022)
41	Microsoft Office 2019 Step by Step	Curties Frye	Microsoft Press	2018	Tin học ứng dụng (Từ Khóa 2022)
42	Kinh tế học Vi mô (Nhóm giảng viên khoa Kinh tế học Đại học Kinh Tế Quốc Dân dịch)	David Begg, Stanley Fischer and Rudiger Dornbusch	Thống Kê	2018	Kinh Tế Vi Mô 1
43	Hướng dẫn tự học Kinh tế vi mô	Nhóm tác giả Bộ môn Kinh tế học, Trường Đại học Tài chính - Marketing	Trường Đại học Tài Chính – Marketing	2018	Kinh Tế Vi Mô 1
44	Giáo trình Kinh tế vĩ mô	Trần Nguyễn Ngọc Anh Thư (chủ biên)	Trường Đại học Tài Chính – Marketing	2022	Kinh Tế Vĩ Mô 1
45	Kinh tế học vĩ mô (Khoa Kinh Tế trường ĐH Kinh Tế TP.HCM dịch)	N. Gregory Mankiw	Hồng Đức	2019	Kinh Tế Vĩ Mô 1

STT	Tên Giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
46	Hướng dẫn tự học Kinh tế vĩ mô	Trần Nguyễn Ngọc Anh Thư (chủ biên)	Trường Đại học Tài Chính – Marketing	2018	Kinh Tế Vĩ Mô 1
47	Nguyên lý kế toán	Ngô Thị Mỹ Thúy và cộng sự	NXB Tài chính	2022	Nguyên lý kế toán
48	Bài tập Nguyên lý kế toán	Khoa KTKT	Tài liệu học tập Trường ĐH Tài chính Marketing	2020	Nguyên lý kế toán
49	Nguyên lý kế toán	Võ Văn Nhị và cộng sự	NXB Tài chính	2018	Nguyên lý kế toán
50	Nguyên lý kế toán	Vũ Hữu Đức và cộng sự	NXB Kinh tế	2020	Nguyên lý kế toán
51	Marketing căn bản	Ngô Thị Thu (chủ biên) và cộng sự	Lao động xã hội	2011	Nguyên lý Marketing
52	Nguyên lý Marketing	Ngô Thị Thu và cộng sự	Lưu hành nội bộ	2020	Nguyên lý Marketing
53	Principles of marketing	Kotler, P., & Armstrong, G.	Pearson	2021	Nguyên lý Marketing
54	Quản trị học	Cảnh Chí Hoàng	Lưu hành nội bộ	2021	Quản trị học
55	Fundamentals of Management	Ricky Griffin	South-Western Cengage Learning.	2018	Quản trị học
56	Quản trị học	Trường Đại học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh	Nxb Kinh tế TP Hồ Chí Minh.	2015	Quản trị học
57	Những cốt yếu của quản lý	Harold Koontz và cộng sự	Nxb Khoa học Kỹ thuật Hà Nội.	1998	Quản trị học
58	Quản trị học	Phan Thăng & Nguyễn Thanh Hội	Nxb Hồng Đức.	2012	Quản trị học
59	Bài giảng tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính 1	Khoa Tài chính – Ngân hàng		2019	Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1,2

STT	Tên Giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
60	The Economics of Money, Banking and Financial Markets,	Mishkin, F	Edn. Pearson	2019	Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1,2
61	Financial Markets & Institutions	Mishkin, F. and Eakins, S.	Edn. Pearson	2018	Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1,2
62	Bài giảng Lý thuyết Xác suất và Thống kê	Dương Thị Phương Liên (chủ biên)	Trường Đại học Tài Chính – Marketing	2015	Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng
63	Giáo trình Lý thuyết xác suất và Thống kê toán	Nguyễn Cao Văn (chủ biên)	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2012	Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng
64	Kinh doanh Ngoại hối	Phạm Quốc Việt	NXB Tài Chính	2016	Kinh doanh ngoại hối, Ngân hàng quốc tế
65	Ngân hàng thương mại	Trần Huy Hoàng	NXB Tài Chính	2019	Ngân hàng thương mại
66	Ngân hàng Trung ương	Trần Huy Hoàng	NXB Tài Chính	2018	Ngân hàng Trung ương
67	Quản trị ngân hàng thương mại	Trần Huy Hoàng	NXB LĐXH	2011	Quản trị ngân hàng, Quản trị rủi ro ngân hàng và Basel.
68	Thị trường chứng khoán	Phạm Tiến Đạt	NXB Tài Chính	2021	Thị trường chứng khoán
69	Thẩm định tín dụng	Trần Huy Hoàng	NXB Tài Chính	2020	Thẩm định tín dụng
70	Ngân hàng quốc tế 1	Trần Huy Hoàng Lê Thị Thuý Hằng	NXB Tài Chính	2020	Thanh toán quốc tế qua ngân hàng, Ngân hàng quốc tế
71	Phân tích hoạt động kinh doanh ngân hàng	Lê Thị Thuý Hằng	NXB Tài Chính	2022	Phân tích hoạt động kinh

STT	Tên Giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
					doanh ngân hàng
72	Thị trường chứng khoán phái sinh	Trần Huy Hoàng	NXB Tài Chính	2022	Thị trường chứng khoán phái sinh
73	Xếp hạng tín dụng	Phan Thị Hằng Nga	NXB Tài Chính	2021	Xếp hạng tín dụng
74	Life insurance mathematics.	Gerber, H. U.	Springer Science & Business Media.	2013	Định phí bảo hiểm
75	Quản trị kinh doanh bảo hiểm	Nguyễn Văn Định	NXB. Kinh tế Quốc dân	2009	Phân tích hoạt động kinh doanh bảo hiểm
76	Personal finance	E. Thomas Garman, Raymond E. Forgue	Cengage Learning	2015	Quản trị tài chính cá nhân
77	Tài chính công ty bảo hiểm	Hồ Thủy Tiên	NXB Tài chính	2022	Tài chính công ty bảo hiểm
78	Đầu tư tài chính	Bodie, Z., Kane, A., & Marcus, A.J.	NXB Kinh tế TP.HCM	2019	Đầu tư tài chính, Quản lý danh mục đầu tư
79	Life insurance	Kenneth Black, JR	Lucretian	2015	Bảo hiểm nhân thọ, Quản lý khai thác và bồi thường bảo hiểm
80	Bảo hiểm phi nhân thọ	Đoàn Minh Phụng	NXB Tài chính	2010	Bảo hiểm phi nhân thọ
81	Quản trị rủi ro trong kinh doanh ngân hàng	Nguyễn Văn Tiến và Nguyễn Mạnh Hùng	NXB Lao động	2017	Quản trị rủi ro các định chế tài chính
82	Financial Institutions Management: A Risk Management Approach	Anthony Saunders &, Marcia Millon Cornett	Mc Graw Hill/Irwin Inc	2016	Quản trị rủi ro các định chế tài chính

STT	Tên Giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
83	Giáo trình phân tích đầu tư chứng khoán	Nguyễn Thị Minh Huệ và Trần Đăng Khâm	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân	2019	Mô phỏng đầu tư tài chính
84	Nguyên lý và thực hành bảo hiểm	Hồ Thủy Tiên	NXB Tài Chính	2015	Nguyên lý và thực hành bảo hiểm
85	Risk theory and reinsurance	Deelstra, G., & Plantin, G.	Springer	2014	Tái bảo hiểm
86	Tài chính doanh nghiệp 1	Bùi Hữu Phước	Trường Đại học Tài chính Marketing.	2017	Tài chính doanh nghiệp 1
87	Tài chính doanh nghiệp 2	Bùi Hữu Phước	Trường Đại học Tài chính Marketing.	2021	Tài chính doanh nghiệp 2
88	Tài chính quốc tế	Hồ Thủy Tiên	Trường Đại học Tài chính Marketing.	2019	Tài chính quốc tế
89	Phân tích Tài chính doanh nghiệp	Hồ Thủy Tiên	Trường Đại học Tài chính Marketing.	2017	Phân tích tài chính doanh nghiệp
90	Sản phẩm phái sinh và quản trị rủi ro tài chính	M. Chance Don; Robert Brooks	Cengage Learning	2015	Quản trị rủi ro tài chính
91	Mô hình tài chính	Bùi Hữu Phước	Lưu hành nội bộ	2019	Mô hình tài chính
92	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	Bộ môn Quản trị dự án – tài chính	NXB Thống kê	2009	Thẩm định dự án đầu tư
93	Hoạch định ngân sách vốn đầu tư	Lê Thị Lanh	NXB Lao động	2011	Hoạch định ngân sách vốn đầu tư
94	Hợp nhất và sát nhập	Phạm Quốc Việt	Trường ĐH Tài chính – Marketing	2022	Hợp nhất, mua bán doanh nghiệp
95	Corporate Finance and Financial Strategy	Tony Davies, Ian Crawford	Pearson	2014	Chiến lược tài chính công ty
96	Tài chính hành vi, tâm lý học, ra quyết định và thị trường	Lê Đạt Chí	NXB Kinh tế	2013	Tài chính hành vi

STT	Tên Giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
97	Fintech and the Remarking of Financial Institutions	John Hill	Elsevier	2018	Tài chính công nghệ
98	Giáo trình Nguyên lý thẩm định giá	Nguyễn Thanh Nhã chủ biên	Tài chính,	2020	Nguyên lý thẩm định giá
99	Giáo trình Nguyên lý thẩm định giá	Nguyễn Thanh Nhã chủ biên	Tài chính,	2020	Thực hành nghề nghiệp 1 (TDG)
100	Giáo trình Nguyên lý thẩm định giá	Nguyễn Thanh Nhã chủ biên	Tài chính,	2020	Thực hành nghề nghiệp 2 (TDG)
101	Bài giảng pháp luật giá	Khoa Thẩm Định giá - Kinh doanh Bất Động sản	Đại học Tài chính - Marketing		Pháp luật trong thẩm định giá tài sản
102	Hệ thống các văn bản pháp luật về quản lý giá thẩm định giá	Bộ Tài chính.	Hà Nội	2006	Pháp luật trong thẩm định giá tài sản
103	Bài giảng lý thuyết giá cả thị trường	Khoa Thẩm Định giá - Kinh doanh Bất Động sản	Đại học Tài chính - Marketing		Lý thuyết giá cả thị trường
104	Bài giảng thẩm định giá bất động sản 1	Khoa Thẩm Định giá - Kinh doanh Bất Động sản	Đại học Tài chính - Marketing		Thẩm định giá bất động sản 1
105	Giáo trình thẩm định giá bất động sản	ThS. Nguyễn Thế Phụng.	Phuong Đông	2011	Thẩm định giá bất động sản 1
106	Bài giảng thẩm định giá máy thiết bị	Khoa Thẩm Định giá - Kinh doanh Bất Động sản	Đại học Tài chính - Marketing		Thẩm định giá máy thiết bị
107	Bài giảng thẩm định giá doanh nghiệp	Khoa Thẩm Định giá - Kinh doanh Bất Động sản	Đại học Tài chính - Marketing		Thẩm định giá doanh nghiệp
108	Bài giảng thẩm định giá tài sản vô hình	Khoa Thẩm Định giá - Kinh doanh Bất Động sản	Đại học Tài chính - Marketing		Thẩm định giá tài sản vô hình
109	Bài giảng thẩm định giá nguồn tài nguyên	Khoa Thẩm Định giá - Kinh doanh Bất Động sản	Đại học Tài chính - Marketing		Thẩm định giá nguồn tài nguyên

STT	Tên Giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
110	Bài giảng thẩm định giá bất động sản 2	Khoa Thẩm Định giá - Kinh doanh Bất Động sản	Đại học Tài chính - Marketing		Thẩm định giá bất động sản 2
111	Giáo trình thẩm định giá bất động sản	ThS. Nguyễn Thế Phụng.	Phuong Đông	2011	Thẩm định giá bất động sản 2
112	Bài giảng kỹ thuật bất động sản	Khoa Thẩm Định giá - Kinh doanh Bất Động sản	Đại học Tài chính - Marketing		Kỹ thuật bất động sản (BDS)
113	Giáo trình Nguyên lý thẩm định giá	TS. Nguyễn Thanh Nhã chủ biên	Tài chính	2020	Thực hành phân tích giá cả thị trường hành hóa tài sản
114	Bài giảng thẩm định giá bất động sản 1	Khoa Thẩm Định giá - Kinh doanh Bất Động sản	Đại học Tài chính - Marketing		Thực hành phân tích giá cả thị trường hành hóa tài sản
115	Bài giảng thẩm định giá bất động sản 2	Khoa Thẩm Định giá - Kinh doanh Bất Động sản	Đại học Tài chính - Marketing		Thực hành phân tích giá cả thị trường hành hóa tài sản
116	Giáo trình Thuế 1	TS. Lê Quang Cường, TS. Nguyễn Kim Quyên	NXB Kinh tế TP.HCM	2020	Thuế 1
117	Giáo trình Thuế	TS. Phan Hữu Nghị, PGS.TS. Nguyễn Thị Bất	NXB ĐH Kinh tế quốc dân	2020	Thuế 2 (Thuế tiêu dùng)
118	Giáo trình Thuế thu nhập	PGS.TS Nguyễn Thị Liên	NXB Tài chính	2014	Thuế 3 (Thuế thu nhập)
119	Giáo trình lý thuyết Thuế	PGS.TS. Đỗ Đức Minh, TS. Nguyễn Việt Cường	NXB Tài chính	2010	Lý thuyết thuế
120	Giáo trình Thuế quốc tế	TS. Phan Hữu Nghị	NXB ĐH Kinh tế quốc dân	2017	Thuế quốc tế
121	Giáo trình quản lý thuế	Học viện tài chính	NXB Tài chính	2010	Quản lý thuế

STT	Tên Giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
122	Tài chính công và Phân tích chính sách thuế	Sử Đình Thành, Bùi Thị Mai Hòa	NXB Kinh tế TP.HCM	2012	Phân tích chính sách thuế
123	Tài chính công	PGS.TS. Nguyễn Thị Cảnh	NCX ĐH Quốc Gia	2014	Tài chính công
124	Giáo trình quản lý tài chính các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công	TS. Phạm Văn Khoan	Học viện Tài Chính	2009	Quản lý ngân sách nhà nước
125	Đại cương về chính sách công	PGS. TS. Nguyễn Hữu Hải, ThS. Lê Văn Hòa	NXB Chính trị Quốc gia	2013	Nhập môn chính sách công
126	GT Quản lý tài chính, kế toán trong các tổ chức công	PSG.TS. Lê Chi Mai	NXB Chính trị Quốc gia	2013	Quản lý tài chính các đơn vị công
127	Tài chính công, Phần III Phương thức soạn lập ngân sách theo khuôn khổ chi tiêu trung hạn MTEF,	Nguyễn Hồng Thăng, Nguyễn Thị Huyền	Trường ĐH Kinh tế TP.HCM	2011	Hoạch định ngân sách nhà nước
128	Giáo trình An sinh Xã hội	Nguyễn Văn Định	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.	2010	Nhập môn an sinh xã hội
129	Giáo trình quản lý nhà nước về tài chính công		Học viện hành chính	2014	Quản lý nhà nước về tài chính
130	GT Hành chính công	Võ Kim Sơn	NXB ĐH quốc gia Hà Nội	2004	Nhập môn quản trị công
131	GT Nhập môn Phân tích lợi ích và chi phí	Bộ môn Kinh tế tài nguyên và môi trường	NXB Đại học quốc gia TP Hồ Chí Minh	2003	Phân tích lợi ích và chi phí trong đầu tư công
132	Giáo trình thẩm định dự án đầu tư khu vực công	Nguyễn Hồng Thăng, Nguyễn Thị Huyền	NXB Thống kê	2010	Thẩm định đầu tư công
133	Tài liệu đào tạo Trị giá hải quan	Tổng cục hải quan	NXB Tài chính	2017	Trị giá hải quan
134	Phân loại hàng hóa và xuất xứ hàng hóa	Nguyễn Thị Thương Huyền và	NXB Tài chính	2012	Phân loại và xuất xứ hàng

STT	Tên Giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
		Nguyễn Hoàng Tuấn			hóa xuất nhập khẩu
135	Giáo trình vận tải và bảo hiểm ngoại thương	Trịnh Thị Thu Hương	NXB Thông tin và truyền thông	2011	Nghiệp vụ giao nhận và vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu
136	Tài liệu đào tạo Xuất xứ hàng hóa và Sở hữu trí tuệ	Tổng cục hải quan	NXB Tài chính	2017	Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ
137	Tài liệu đào tạo Thuế hải quan	Tổng cục hải quan	NXB Tài chính	2012	Thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu
138	Tài liệu đào tạo Kiểm tra sau thông quan	Tổng cục hải quan	NXB Tài chính	2017	Kiểm tra sau thông quan
139	Tài liệu đào tạo Thuế hải quan	Tổng cục hải quan	NXB Tài chính	2012	Chính sách quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu
140	Tài liệu Nghiệp vụ kiểm soát chống buôn lậu, 2017 của Trường Hải quan Việt Nam.	Tổng cục Hải quan, Trường Hải quan Việt Nam	Trường Hải quan Việt Nam	2017	Kiểm soát hải quan
141	Thủ tục, kiểm tra và giám sát hải quan	Tổng cục hải quan	NXB Tài chính	2012	Thủ tục hải quan
142	Thủ tục, kiểm tra và giám sát hải quan	Tổng cục hải quan	NXB Tài chính	2017	Chính sách Thuế quan

❖ **Giảng viên tham gia giảng dạy:**

STT	HỌ VÀ TÊN, NĂM SINH	HỌC VỊ, NĂM CÔNG NHẬN	HỌC PHẦN GIẢNG DẠY
1	Lại Văn Nam	Tiến sĩ	- Triết học Mác – Lênin - Kinh tế chính trị M-L - Chủ nghĩa xã hội khoa học
2	Nguyễn Minh Hiền	Thạc sĩ - GVC	- Triết học Mác – Lênin - Kinh tế chính trị M-L - Chủ nghĩa xã hội khoa học

3	Phạm Lê Quang	Tiến sĩ- GVC	- Triết học Mác – Lênin - Kinh tế chính trị M-L - Chủ nghĩa xã hội khoa học
4	Đặng Chung Kiên	Thạc sĩ	- Triết học Mác – Lênin - Kinh tế chính trị M-L - Chủ nghĩa xã hội khoa học
5	Ngô Quang Thịnh	Thạc sĩ	- Triết học Mác – Lênin - Kinh tế chính trị M-L - Chủ nghĩa xã hội khoa học
6	Đỗ Thị Thanh Huyền	Thạc sĩ	- Triết học Mác – Lênin - Kinh tế chính trị M-L - Chủ nghĩa xã hội khoa học
7	Lê Thị Hoài Nghĩa	Thạc sĩ	- Triết học Mác – Lênin - Kinh tế chính trị M-L - Chủ nghĩa xã hội khoa học
8	Bùi Minh Nghĩa	Thạc sĩ	- Triết học Mác – Lênin - Kinh tế chính trị M-L - Chủ nghĩa xã hội khoa học
9	Bùi Thanh Tùng	Thạc sĩ	Kinh tế chính trị M-L
10	Nguyễn Ngọc Võ Khoa	Thạc sĩ	- Triết học Mác – Lênin - Kinh tế chính trị M-L - Chủ nghĩa xã hội khoa học
11	Phạm Thanh Vân	Thạc sĩ	- Triết học Mác – Lênin - Kinh tế chính trị M-L - Chủ nghĩa xã hội khoa học
12	Nguyễn Tấn Hưng	Tiến sĩ- GVC	- Triết học Mác – Lênin
13	Nguyễn Công Duy	Thạc sĩ	- Triết học Mác – Lênin
14	Lê Ngọc Dũng	Thạc sĩ	- Triết học Mác – Lênin
15	Trần Hạ Long	Thạc sĩ	- Triết học Mác – Lênin - Lịch sử ĐCSVN - Tư tưởng Hồ Chí Minh
16	Đặng Hữu Sửu	Thạc sĩ - GVC	- Lịch sử ĐCSVN - Tư tưởng Hồ Chí Minh
17	Vũ Văn Quế	Thạc sĩ	- Lịch sử ĐCSVN - Tư tưởng Hồ Chí Minh
18	Lê Văn Dũng	Thạc sĩ	- Lịch sử ĐCSVN - Tư tưởng Hồ Chí Minh
19	Mạch Ngọc Thủy	Thạc sĩ	- Triết học Mác – Lênin - Lịch sử ĐCSVN - Tư tưởng Hồ Chí Minh
20	Hoàng Thị Mỹ Nhân	Thạc sĩ	- Lịch sử ĐCSVN - Tư tưởng Hồ Chí Minh

21	Nguyễn Thị Túy	Thạc sĩ	- Lịch sử ĐCSVN - Tư tưởng Hồ Chí Minh
22	Lê Thị Thủy	Thạc sĩ	- Lịch sử ĐCSVN
23	Đoàn Ngọc Phúc	Tiến sĩ	Kinh tế vi mô 1 Kinh tế vĩ mô 1
24	Phạm Thị Vân Anh	Thạc sĩ	Kinh tế vi mô 1 Kinh tế vĩ mô 1
25	Ngô Thị Hồng Giang	Thạc sĩ	Kinh tế vi mô 1 Kinh tế vĩ mô 1
26	Nguyễn Thị Hào	Thạc sĩ	Kinh tế vi mô 1 Kinh tế vĩ mô 1
27	Lại Thị Tuyết Lan	Thạc sĩ	Kinh tế vi mô 1 Kinh tế vĩ mô 1
28	Nguyễn Thị Quý	Thạc sĩ	Kinh tế vi mô 1 Kinh tế vĩ mô 1
29	Nguyễn Quyết	Tiến sĩ	Kinh tế vi mô 1 Kinh tế vĩ mô 1
30	Nguyễn Bá Thanh	Thạc sĩ	Kinh tế vi mô 1 Kinh tế vĩ mô 1
31	Nguyễn Văn Tuyên	Tiến sĩ	Kinh tế vi mô 1 Kinh tế vĩ mô 1
32	Lê Thị Bích Thảo	Thạc sĩ	Kinh tế vi mô 1 Kinh tế vĩ mô 1
33	Hoàng Thị Xuân	Thạc sĩ	Kinh tế vi mô 1 Kinh tế vĩ mô 1
34	Phan Ngọc Yến Xuân	Thạc sĩ	Kinh tế vi mô 1 Kinh tế vĩ mô 1
35	Nguyễn Huy Hoàng	Tiến sĩ	Kinh tế lượng Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng Toán cao cấp
36	Nguyễn Văn Phong	Thạc sĩ	Kinh tế lượng Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng Toán cao cấp
37	Nguyễn Tuấn Duy	Tiến sĩ	Kinh tế lượng Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng Toán cao cấp
38	Ngô Thái Hưng	Tiến sĩ	Kinh tế lượng Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng Toán cao cấp
39	Nguyễn Trung Đông	Thạc sĩ	Kinh tế lượng

			Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng Toán cao cấp
40	Võ Thị Bích Khuê	Tiến sĩ	Kinh tế lượng Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng Toán cao cấp
41	Dương Thị Phương Liên	Thạc sĩ	Kinh tế lượng Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng Toán cao cấp
42	Phạm Thị Thu Hiền	Thạc sĩ	Kinh tế lượng Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng Toán cao cấp
43	Trần Đình Phụng	Tiến sĩ	Kinh tế lượng Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng Toán cao cấp
44	Trần Đình Tường	Tiến sĩ	Kinh tế lượng Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng Toán cao cấp
45	Nguyễn Đức Bằng	Thạc sĩ	Kinh tế lượng Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng Toán cao cấp
46	Trần Mạnh Tường	Thạc sĩ	Kinh tế lượng Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng Toán cao cấp
47	Lê Thị Ngọc Hạnh	Thạc sĩ	Kinh tế lượng Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng Toán cao cấp
48	Nguyễn Thị Hồng Vân	Thạc sĩ	Kinh tế lượng Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng Toán cao cấp
49	Phan Chí Kiên	Thạc sĩ	Kinh tế lượng Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng Toán cao cấp
50	Phạm Việt Huy	Thạc sĩ	Kinh tế lượng

			Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng Toán cao cấp
51	Vũ Anh Linh Duy	Thạc sĩ	Kinh tế lượng Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng Toán cao cấp
52	Trần Văn Bình	Thạc sĩ	Pháp luật đại cương
53	Tô Thị Đông Hà	Thạc sĩ, NCS	Pháp luật đại cương
54	Nguyễn Tú	Tiến sĩ	Pháp luật đại cương
55	Nguyễn Thị Thái Thuận	Thạc sĩ	Pháp luật đại cương
56	Phạm Thị Nguyệt Sương	Thạc sĩ	Pháp luật đại cương
57	Kinh Thị Tuyết	Thạc sĩ	Pháp luật đại cương
58	Thái Thị Tường Vi	Thạc sĩ	Pháp luật đại cương
59	Hồ Thị Thanh Trúc	Thạc sĩ	Pháp luật đại cương
60	Ngô Thị Duyên	Thạc sĩ	Pháp luật đại cương
61	Trần Thị Huyền Trang	Thạc sĩ, NCS	Pháp luật đại cương
62	Đàm Đức Tuyền	Thạc sĩ	Pháp luật đại cương
63	Bảo Trung	Tiến sĩ	Nguyên lý Marketing
64	Nguyễn Anh Tuấn	Tiến sĩ	Nguyên lý Marketing
65	Nguyễn Thành Nam	Tiến sĩ	Nguyên lý Marketing
66	Tạ Văn Thành	Tiến sĩ	Nguyên lý Marketing
67	Dur Thị Chung	Tiến sĩ	Nguyên lý Marketing
68	Nguyễn Thái Hà	Thạc sĩ	Nguyên lý Marketing
69	Trần Nhật Minh	Thạc sĩ	Nguyên lý Marketing
70	Đặng Huỳnh Phương	Thạc sĩ	Nguyên lý Marketing
71	Ngô Vũ Quỳnh Thi	Thạc sĩ	Nguyên lý Marketing
72	Nguyễn Nam Phong	Thạc sĩ	Nguyên lý Marketing
73	Trương Thu Nga	Thạc sĩ	Nguyên lý Marketing
74	Phạm Thị Lan Phương	Thạc sĩ	Nguyên lý Marketing
75	Nguyễn Minh Triết	Thạc sĩ	Nguyên lý Marketing
76	Nguyễn Thị Hồng Hoa	Thạc sĩ	Nguyên lý Marketing
77	Nguyễn Thị Minh Ngọc	Thạc sĩ	Nguyên lý Marketing
78	Trịnh Thị Hồng Minh	Thạc sĩ	Nguyên lý Marketing
79	Ngô Minh Trang	Thạc sĩ	Nguyên lý Marketing
80	Nguyễn Ngọc Hạnh	Thạc sĩ	Nguyên lý Marketing
81	Ninh Đức Cúc Nhật	Thạc sĩ	Nguyên lý Marketing
82	Huỳnh Trị An	Thạc sĩ	Nguyên lý Marketing
83	Nguyễn Thị Thoa	Thạc sĩ	Nguyên lý Marketing
84	Lâm Ngọc Thùy	Thạc sĩ	Nguyên lý Marketing
85	Nguyễn Hoàng Chi	Thạc sĩ	Nguyên lý Marketing
86	Trần Bá Duy Linh	Thạc sĩ	Nguyên lý Marketing
87	Nguyễn Đông Triều	Thạc sĩ	Nguyên lý Marketing

88	Nguyễn Thị Thúy	Thạc sĩ	Nguyên lý Marketing
89	Nguyễn Ngọc Bích Trâm	Thạc sĩ	Nguyên lý Marketing
90	Nguyễn Minh Hằng	Thạc sĩ	Nguyên lý kế toán
91	Thái Trần Văn Hạnh	Thạc sĩ	Nguyên lý kế toán
92	Lê Hải Mỹ Duyên	Thạc sĩ	Nguyên lý kế toán
93	Nguyễn Thị Nga Dung	Thạc sĩ	Nguyên lý kế toán
94	Lê Văn Tuấn	Thạc sĩ	Nguyên lý kế toán
95	Lê Quang Mẫn	Thạc sĩ	Nguyên lý kế toán
96	Vương Thị Thanh Nhân	Thạc sĩ	Nguyên lý kế toán
97	Phạm Thị Kim Thanh	Thạc sĩ	Nguyên lý kế toán
98	Nguyễn Kim Quốc Trung	Tiến sĩ	Nguyên lý kế toán
99	Nguyễn Hà Minh Thi	Thạc sĩ	Nguyên lý kế toán
100	Ngô Thị Mỹ Thúy	Tiến sĩ	Nguyên lý kế toán
101	Trần Hằng Diệu	Thạc sĩ	Nguyên lý kế toán
102	Chu Thị Thương	Thạc sĩ	Nguyên lý kế toán
103	Ngô Nhật Phương Diễm	Tiến sĩ	Nguyên lý kế toán
104	Lương Thị Thanh Việt	Tiến sĩ	Nguyên lý kế toán
105	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	Thạc sĩ	Nguyên lý kế toán
106	Dương Hoàng Ngọc Khuê	Tiến sĩ	Nguyên lý kế toán
107	Nguyễn Thị Kiều Oanh	Thạc sĩ	Nguyên lý kế toán
108	Võ Thị Trúc Đào	Thạc sĩ	Nguyên lý kế toán
109	Ung Hiền Nhã Thi	Thạc sĩ	Nguyên lý kế toán
110	Trần Thị Thanh Nga	Tiến sĩ	Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1,2
111	Nguyễn Văn Bồn	Tiến sĩ	Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1,2
112	Chu Thị Thanh Trang	Thạc sĩ	Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1,2
113	Nguyễn Thị Mỹ Linh 1982	Thạc sĩ	Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1,2
114	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	Thạc sĩ	Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1,2
115	Nguyễn Xuân Dũng	Thạc sĩ	Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1,2
116	Vũ Thanh Tùng	Thạc sĩ	Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1,2
117	Phạm Đức Huy	Thạc sĩ	Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1,2
118	Trần Nam Hương	Thạc sĩ	Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1,2
119	Trương Thành Công	Thạc sĩ	Tin học ứng dụng (Tư Khóa 2022)
120	Tôn Thất Hòa An	Thạc sĩ	Tin học ứng dụng (Tư Khóa 2022)

121	Phạm Thủy Tú	Thạc sĩ	Tin học ứng dụng (Từ Khóa 2022)
122	Vũ Thị Thanh Hương	Thạc sĩ	Tin học ứng dụng (Từ Khóa 2022)
123	Trương Đình Hải Thụy	Thạc sĩ	Tin học ứng dụng (Từ Khóa 2022)
124	Trương Xuân Hương	Thạc sĩ	Tin học ứng dụng (Từ Khóa 2022)
125	Lâm Hoàng Trúc Mai	Thạc sĩ	Tin học ứng dụng (Từ Khóa 2022)
126	Nguyễn Thị Trần Lộc	Thạc sĩ	Tin học ứng dụng (Từ Khóa 2022)
127	Nguyễn Thanh Bình	Thạc sĩ	Tin học ứng dụng (Từ Khóa 2022)
128	Lê Thị Kim Thoa	Thạc sĩ	Tin học ứng dụng (Từ Khóa 2022)
129	Đinh Nguyễn Thúy Nguyệt	Thạc sĩ	Tin học ứng dụng (Từ Khóa 2022)
130	Thái Thị Ngọc Lý	Thạc sĩ	Tin học ứng dụng (Từ Khóa 2022)
131	Trần Trọng Hiếu	Thạc sĩ	Tin học ứng dụng (Từ Khóa 2022)
132	Trần Anh Sơn	Thạc sĩ	Tin học ứng dụng (Từ Khóa 2022)
133	Nguyễn Thanh Trường	Thạc sĩ	Tin học ứng dụng (Từ Khóa 2022)
134	Trần Thanh San	Thạc sĩ	Tin học ứng dụng (Từ Khóa 2022)
135	Nguyễn Quốc Thanh	Thạc sĩ	Tin học ứng dụng (Từ Khóa 2022)
136	Nguyễn Huy Khang	Thạc sĩ	Tin học ứng dụng (Từ Khóa 2022)
137	Huỳnh Ngọc Thành Trung	Thạc sĩ	Tin học ứng dụng (Từ Khóa 2022)
138	Bùi Mạnh Trường	Thạc sĩ	Tin học ứng dụng (Từ Khóa 2022)
139	Nguyễn Thị Châu Ngân	Tiến sĩ	Tiếng Anh tổng quát 1, 2
140	Phan Thị Hiền	Thạc sĩ	Tiếng Anh tổng quát 1, 2
141	Phạm Thị Thùy Trang	Thạc sĩ	Tiếng Anh tổng quát 1, 2
142	Võ Thị Ánh Nguyệt	Thạc sĩ	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4
143	Phan Văn Quang	Thạc sĩ	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4
144	Trần Thế Khoa	Thạc sĩ	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4
145	Trần Thúy Quỳnh My	Thạc sĩ	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4
146	Trần Thúy Trâm Anh	Thạc sĩ	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4
147	Đặng Thị Ngọc Trinh	Thạc sĩ	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4

148	Nguyễn Thị Bội Ngọc	Thạc sĩ	Tiếng Anh tổng quát 1, 2
149	Nguyễn Thị Diễm	Thạc sĩ	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4
150	Đoàn Quang Định	Thạc sĩ	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4
151	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Thạc sĩ	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4
152	Đặng Nguyễn Phương Thảo	Thạc sĩ	Tiếng Anh tổng quát 3, 4
153	Chu Quang Phê	Thạc sĩ	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4
154	Võ Thị Kim Cúc	Thạc sĩ	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4
155	Nguyễn Thị Nguyễn	Thạc sĩ	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4
156	Đặng Thị Ngọc Trinh	Thạc sĩ	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4
157	Trần Khánh Linh	Thạc sĩ	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4
158	Nguyễn Ngọc Tuyền	Thạc sĩ	Tiếng Anh tổng quát 1, 2
159	Hà Thành Thảo Em	Thạc sĩ	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4
160	Cảnh Chí Hoàng	TS, GVC	Quản trị học
161	Trần Nhân Phúc	TS	Quản trị học
162	Nguyễn Thị Minh Trâm	ThS. GVC	Quản trị học
163	Vũ Hồng Vân	TS, GVC	Quản trị học
164	Thái Kim Phong	ThS	Quản trị học
165	Trần Thị Siêm	ThS	Quản trị học
166	Hoàng Văn Trung	ThS	Quản trị học
167	Lê Ngọc Hải	ThS	Quản trị học
168	Trần Hải Minh Thu	ThS	Quản trị học
169	Phạm Thị Trâm Anh	ThS	Quản trị học
170	Thái Kim Phong	ThS	Quản trị học
171	Trương Thị Thúy Vân	Thạc sĩ	Quản trị học
172	Trần Huy Hoàng	PGS, Tiến sĩ	Ngân hàng thương mại. Quản trị rủi ro ngân hàng, Ngân hàng trung ương, Phân tích hoạt động kinh doanh ngân hàng
173	Phạm Quỳnh Châu	Tiến sĩ	Ngân hàng thương mại
174	Lê Thị Thuý Hằng	Tiến sĩ	Ngân hàng thương mại, Kinh doanh ngoại hối, Ngân hàng quốc tế 1, 2
175	Nguyễn Vũ Duy	Thạc sĩ	Ngân hàng thương mại, Thẩm định tín dụng, Xếp hạng tín dụng, Thị trường chứng khoán
176	Nguyễn Mậu Bá Đăng	Thạc sĩ	Ngân hàng thương mại, Quản trị rủi ro ngân hàng, Ngân hàng trung ương, Quản trị rủi ro ngân hàng và Basel.
177	Phan Thị Hương	Thạc sĩ	Thẩm định tín dụng, Ngân hàng quốc tế 1

178	Tô Thị Hồng Gấm	Thạc sĩ	Ngân hàng thương mại, Ngân hàng trung ương
179	Phạm Quốc Việt	Tiến sĩ	Kinh doanh ngoại hối, Thẩm định tín d
180	Phan Thị Hằng Nga	PGS.TS	Ngân hàng thương mại, Phân tích hoạt động kinh doanh ngân hàng
181	Nguyễn Vũ Thân	Thạc sĩ	Ngân hàng thương mại, Thị trường chứng khoán
182	Trần Thị Phương Thanh	Thạc sĩ	Ngân hàng thương mại, Thị trường chứng khoán
183	Trần Văn Trung	Thạc sĩ	Thị trường chứng khoán, Thị trường chứng khoán phái sinh, Ngân hàng đầu tư
184	Phạm Thị Quỳnh Nga	Thạc sĩ	Ngân hàng thương mại
185	Hồ Thủy Tiên	PGS.TS	Tài chính quốc tế, Chiến lược tài chính công ty
186	Nguyễn Thị Mỹ Linh	PGS.TS	Tài chính Doanh nghiệp 1, 2
187	Bùi Hữu Phước	Tiến sĩ	Tài chính doanh nghiệp 1, 2
188	Phan Thị Mỹ Hạnh	Tiến sĩ	Tài chính quốc tế
189	Nguyễn Phú Quốc	Thạc sĩ	Tài chính Doanh nghiệp 1, 2
190	Phạm Thị Thu Hồng	Thạc sĩ	Tài chính Doanh nghiệp 1, 2, Toán tài chính
191	Phạm Thanh Truyền	Thạc sĩ	Nguyên lý và thực hành bảo hiểm, Bảo hiểm nhân thọ, Tái bảo hiểm
192	Trần Thị Diễm	Tiến sĩ	Tài chính doanh nghiệp 1, 2
193	Lê Võ Đại Hải	Thạc sĩ	Tài chính doanh nghiệp 1, 2
194	Hồ Thị Lam	Thạc sĩ	Quản trị rủi ro tài chính
195	Ngô Văn Toàn	Thạc sĩ	Toán tài chính, 1 Quản trị rủi ro tài chính
196	Trần Phạm Trác	Thạc sĩ	Tài chính doanh nghiệp 1, 2
197	Nguyễn Thị Hoa	Thạc sĩ	Tài chính doanh nghiệp
198	Nguyễn Thị Ngọc Loan	Thạc sĩ	Tài chính doanh nghiệp 1, 2
199	Nguyễn Minh Phúc	Tiến sĩ	Tài chính doanh nghiệp 1, 2
200	Trần Thị Kim Oanh	Tiến sĩ	Nguyên lý và thực hành bảo hiểm, Quản lý tài chính cá nhân, Quản trị các định chế tài chính
201	Nguyễn Xuân Bảo Châu	Thạc sĩ	Tài chính quốc tế
202	Nguyễn Quang Minh	Tiến sĩ	Mô phỏng đầu tư tài chính, Phân tích hoạt động kinh doanh bảo hiểm

203	Nguyễn Việt Hồng Anh	Tiến sĩ	Đầu tư tài chính, Tài chính công ty bảo hiểm, Quản lý danh mục đầu tư
204	Nguyễn Trần Xuân Linh	Tiến sĩ	Bảo hiểm phi nhân thọ, Quản lý khai thác và bồi thường bảo hiểm, Định phí bảo hiểm
205	Nguyễn Thanh Nhã, 1980	Tiến sĩ	Lý thuyết giá cả thị trường, Nguyên lý thẩm định giá, Thẩm định giá doanh nghiệp
206	Lê Minh PhươngMai, 1980	Thạc sĩ	Phân tích lợi ích chi phí, Thẩm định giá bất động sản 1,2; Thẩm định giá nguồn tài nguyên, Thẩm định giá tài sản vô hình
207	Phan Thị Sao Vi, 1982	Thạc sĩ	Luật đất đai, Nguyên lý thẩm định giá, Thẩm định giá bất động sản 1,2, Pháp luật thẩm định giá
208	Mai Thị Thanh Trà, 1986	Thạc sĩ	Pháp luật thẩm định giá, Thẩm định giá máy thiết bị, Nguyên lý thẩm định giá, Thẩm định giá doanh nghiệp, Thẩm định giá tài sản vô hình
209	Nguyễn Thị Thanh Châu, 1985	Thạc sĩ	Nguyên lý thẩm định giá, Kỹ thuật bất động sản, Thẩm định giá bất động sản 1
210	Đặng Hòa Kính, 1988	Thạc sĩ	Kỹ thuật bất động sản, Nguyên lý thẩm định giá, Thẩm định giá bất động sản 1
211	Võ Thị Hoàng Vi, 1991	Thạc sĩ	Thẩm định giá doanh nghiệp, Thẩm định giá tài sản vô hình, Nguyên lý thẩm định giá
212	Nguyễn Chí Nguyên, 1986	Thạc sĩ	Luật đất đai, Thẩm định giá máy thiết bị, Thẩm định giá bất động sản 1,2
	Quang, 1966	Thạc sĩ	Lý thuyết thuế, Thuế 1, Thuế 2 (Thuế tiêu dùng), Thuế 3 (Thuế thu nhập)
	, 1976	Thạc sĩ	Thuế quốc tế, Thuế 1, Lý thuyết thuế
	1987	Thạc sĩ	Quản lý thuế, Thuế 1
	Hà Thanh Na,	Thạc sĩ	Thuế 1, Thuế 2 (Thuế tiêu dùng), Quản lý thuế
	lghĩa, 1986	Thạc sĩ	Phân tích chính sách thuế, Thuế 1

218	Nguyễn Thị Kim Chi, 1975	Thạc sĩ	Thuế 1, Thuế 2 (Thuế tiêu dùng), Thuế 3 (Thuế thu nhập)
219	Nguyễn Thị Huyền, 1969	Thạc sĩ	Thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, Trị giá hải quan
220	Dương Phùng Đức, 1973	Thạc sĩ	Trị giá hải quan, Phân loại và xuất xứ hàng hóa xuất nhập khẩu, Kiểm tra sau thông quan
221	Trần Xuân Hằng, 1988	Thạc sĩ	Thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, Nghiệp vụ giao nhận và vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu
222	Nguyễn Đức Thuận, 1971	Tiến sĩ	Thủ tục hải quan, Chính sách quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu
223	Nguyễn Quý Thắng, 1973	Thạc sĩ	Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, Kiểm soát hải quan
224	Đỗ Gioan Hào, 1976	Thạc sĩ	Tài chính công, Quản lý nhà nước về tài chính, Nhập môn an sinh xã hội
225	Phan Đặng Bảo Anh, 1991	Thạc sĩ	Tài chính công, Quản lý NSNN
226	Lê Trường Hải, 1983	Thạc sĩ	Thẩm định đầu tư công, Nhập môn quản trị công
227	Nguyễn Thị Tố Nga, 1986	Thạc sĩ	Nhập môn quản trị công, Tài chính công
228	Nguyễn Thế Khang, 1977	Tiến sĩ	Thẩm định đầu tư công, Phân tích lợi ích và chi phí trong đầu tư công, Hoạch định NSNN
229	Lê Thị Mỹ Ngân, 1989	Thạc sĩ	Quản lý tài chính các đơn vị công Quản lý NSNN, Tài chính công

11. MA TRẬN LIÊN HỆ GIỮA CÁC HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO									
		Kiến thức				Kỹ năng				Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm	
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
I. Kiến thức giáo dục đại cương											
1.1 Kiến thức lý luận chính trị											
011134	Triết học Mác – Lênin	I				R				R	
011135	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	I				R				R	
011136	Chủ nghĩa xã hội khoa học	I				R				R	
011137	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	I				R				R	
010016	Tư tưởng Hồ Chí Minh	I				R				R	
1.2 Kiến thức pháp luật											
010637	Pháp luật đại cương	I				R					
1.3 Ngoại ngữ											
011270	Tiếng Anh tổng quát 1						R				
011271	Tiếng Anh tổng quát 2						R				
011272	Tiếng Anh tổng quát 3						R				
011273	Tiếng Anh tổng quát 4						R				
1.4 Toán – Tin học:											
010025	Toán cao cấp	I				R					
011322	Tin học ứng dụng		R								
II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp											
2.1 Kiến thức cơ sở ngành											
010031	Kinh tế vi mô 1	I				R				R	
010032	Kinh tế vĩ mô 1	I				R				R	
010038	Nguyên lý kế toán	R				R					
010630	Nguyên lý marketing	I				R				R	
010033	Quản trị học	I				I					R
010873	Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1	I				R				M	
011140	Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng	I				R					
2.2 Kiến thức ngành											
010769	Nguyên lý thẩm định giá			M				M		M	
010840	Tài chính công			M				M		M	
010980	Thuế 1			M				M		M	
011546	Thị trường chứng khoán			M				M		M	

Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO									
		Kiến thức				Kỹ năng				Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm	
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
011602	Quản trị rủi ro trong ngân hàng và Basel				A				A		M
011560	Xếp hạng tín dụng				A				A		M
011561	Ngân hàng đầu tư				A				A		M
011603	Ngân hàng trung ương				A				A		M
011562	Kinh doanh ngoại hối				A				A		M
011563	Kế toán ngân hàng				A				A		M
011604	Ngân hàng quốc tế				A				A		M
011605	Kinh doanh chứng khoán trong các định chế tài chính				A				A		M
011564	Thị trường chứng khoán phái sinh				A				A		M
Chuyên ngành: Tài chính bảo hiểm và đầu tư											
Học phần bắt buộc											
011606	Thực hành nghề nghiệp 1				A				A		M
011607	Thực hành nghề nghiệp 2				A				A		M
011565	Bảo hiểm nhân thọ				A				A		M
011566	Tài chính công ty bảo hiểm				A				A		M
011567	Bảo hiểm phi nhân thọ				A				A		M
Học phần tự chọn											
011568	Định phí bảo hiểm				A				A		M
011608	Phân tích hoạt động kinh doanh bảo hiểm				A				A		M
011554	Đầu tư tài chính				A				A		M
011569	Quản lý danh mục đầu tư				A				A		M
011570	Quản lý khai thác và bồi thường bảo hiểm				A				A		M
011571	Tái bảo hiểm				A				A		M
Chuyên ngành: Thẩm định giá											
Học phần bắt buộc											
011609	Thực hành nghề nghiệp 1				A				A		M
011610	Thực hành nghề nghiệp 2				A				A		M
011611	Pháp luật trong thẩm định giá tài sản				A				A		M

Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO									
		Kiến thức				Kỹ năng				Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm	
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
011572	Lý thuyết giá cả thị trường				A				A		M
011573	Thẩm định giá bất động sản 1				A				A		M
011574	Thẩm định giá máy thiết bị				A				A		M
011575	Thẩm định giá doanh nghiệp				A				A		M
<i>Học phần tự chọn</i>											
011576	Thẩm định giá tài sản vô hình				A				A		M
011577	Thẩm định giá nguồn tài nguyên				A				A		M
Chuyên ngành: Tài chính công											
<i>Học phần bắt buộc</i>											
011612	Thực hành nghề nghiệp 1				A				A		M
011613	Thực hành nghề nghiệp 2				A				A		M
011578	Quản lý NSNN				A				A		M
011579	Hoạch định NSNN				A				A		M
011580	Quản lý tài chính các đơn vị công				A				A		M
011581	Kế toán hành chính sự nghiệp				A				A		M
<i>Học phần tự chọn</i>											
011582	Thẩm định đầu tư công				A				A		M
011583	Phân tích lợi ích và chi phí trong đầu tư công				A				A		M
011614	Nhập môn quản trị công				A				A		M
011584	Quản lý nhà nước về tài chính				A				A		M
Chuyên ngành: Thuế											
<i>Học phần bắt buộc</i>											
011615	Thực hành nghề nghiệp 1				A				A		M
011616	Thực hành nghề nghiệp 2				A				A		M
011585	Lý thuyết thuế				A				A		M
011586	Thuế 2 (Thuế tiêu dùng)				A				A		M
011587	Thuế 3 (Thuế thu nhập)				A				A		M
011588	Thuế quốc tế				A				A		M
<i>Học phần tự chọn</i>											
011589	Quản lý thuế				A				A		M
011584	Quản lý NN về tài chính				A				A		M

Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO									
		Kiến thức				Kỹ năng				Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm	
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
011590	Phân tích chính sách thuế				A				A		M
011552	Phân tích tài chính doanh nghiệp				A				A		M
Chuyên ngành: Hải quan - Xuất nhập khẩu											
Học phần bắt buộc											
011617	Thực hành nghề nghiệp 1				A				A		M
011618	Thực hành nghề nghiệp 2				A				A		M
011619	Phân loại và xuất xứ hàng hóa xuất nhập khẩu				A				A		M
011591	Trị giá hải quan				A				A		M
011592	Thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu				A				A		M
011593	Thủ tục hải quan				A				A		M
Học phần tự chọn											
011620	Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ				A				A		M
011594	Quản trị xuất nhập khẩu				A				A		M
011621	Kiểm soát hải quan				A				A		M
011595	Chính sách quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu				A				A		M
2.3 Kiến thức bổ trợ ngành											
Nhóm 1: Chọn 1 trong 7 học phần sau											
010844	Tài chính hành vi			R				R		M	
011210	Phân tích hoạt động kinh doanh ngân hàng			R				R		M	
011291	Quản trị rủi ro các định chế tài chính			R				R		M	
010771	Nhập môn chính sách công			R				R		M	
011215	Thẩm định giá bất động sản 2			R				R		M	
011221	Nghiệp vụ giao nhận và vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu			R				R		M	
010697	Kế toán tài chính 1			R				R		M	
Nhóm 2: Chọn 1 trong 7 học phần sau											
011622	Công nghệ tài chính			R				R		M	
011623	Ngân hàng số			R				R		M	

Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO									
		Kiến thức				Kỹ năng				Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm	
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
011624	Quản trị tài chính cá nhân			R				R		M	
011625	Nhập môn an sinh xã hội			R				R		M	
011387	Kỹ thuật bất động sản			R				R		M	
011031	Kiểm tra sau thông quan			R				R		M	
010698	Kế toán thuế			R				R		M	
III. Tốt nghiệp											
<i>Chuyên ngành: Tài chính doanh nghiệp, Ngân hàng, Bảo hiểm</i>											
011630	Khóa luận tốt nghiệp				A				A		M
Hoặc											
011631	Thực tập tốt nghiệp				A				A		M
011626	Thực hành Ngân hàng điện tử và thực hành mô phỏng đầu tư tài chính				A				A		M
<i>Chuyên ngành: Thẩm định giá</i>											
011632	Khóa luận tốt nghiệp				A				A		M
Hoặc											
011633	Thực tập tốt nghiệp				A				A		M
011627	Thực hành phân tích giá thị trường hàng hóa, tài sản				A				A		M
<i>Chuyên ngành: Tài chính công</i>											
011634	Khóa luận tốt nghiệp				A				A		M
Hoặc											
011635	Thực tập tốt nghiệp				A				A		M
011628	Thực hành khai báo thuế				A				A		M
<i>Chuyên ngành: Thuế</i>											
011636	Khóa luận tốt nghiệp				A				A		M
Hoặc											
011637	Thực tập tốt nghiệp				A				A		M
011628	Thực hành khai báo thuế				A				A		M
<i>Chuyên ngành: Hải quan - Xuất nhập khẩu</i>											
011638	Khóa luận tốt nghiệp				A				A		M
Hoặc											
011639	Thực tập tốt nghiệp				A				A		M
011629	Thực hành khai báo hải quan				A				A		M

Chú thích: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của học phần đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- *R (Reinforced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ...
- *M (Mastery)* – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

13. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Kiến thức giáo dục đại cương: 34 tín chỉ

13.1 Triết học Mác-Lênin

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

- Học phần giúp xác lập thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin cho sinh viên.

- Sau khi lĩnh hội tri thức Triết học Mác-Lênin, sinh viên tự tin vào năng lực tư duy lý luận của mình để từng bước nhận thức về bản thân, đánh giá các sự vật, sự việc, các vấn đề trong công việc một cách khách quan trong sự vận động, biến đổi, phát triển của chúng.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần trình bày khái lược các nội dung trọng tâm và quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa Mác-Lênin nhằm đưa đến ra cái nhìn tổng quát về đối tượng và phạm vi của môn học và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội; Giới thiệu những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận triết học Mác-Lênin vừa là điều kiện tiên quyết để nghiên cứu toàn bộ hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, vừa là điều kiện cơ bản để vận dụng nó một cách sáng tạo trong hoạt động nhận thức và thực tiễn để giải quyết những vấn đề mà đời sống xã hội của đất nước, của thời đại đang đặt ra. Học phần giúp người học hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO01(I), PLO05(R), PLO09(R)

13.2 Kinh tế Chính trị Mác – Lênin

Tín chỉ: 2

❖ Học phần học trước: Triết học Mác-Lênin

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Có kiến thức lý luận căn bản của kinh tế chính trị Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Trên cơ sở đó tiếp cận các môn khoa học kinh tế ngành và các môn khoa học

khác. Có khả năng phân tích, giải thích, so sánh được và vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội. Từ đó xây dựng niềm tin lý tưởng cách mạng, đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên góp phần xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được phát triển kỹ năng làm việc theo nhóm, thái độ tích cực, chủ động để đáp ứng tốt hơn cho công việc của mình.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần trình bày khái quát sự hình thành và phát triển của Kinh tế chính trị Mác – Lênin, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác – Lênin. Sự ra đời phát triển của sản xuất hàng hóa; nguồn gốc, bản chất và chức năng cơ bản của tiền; dịch vụ và các hàng hóa đặc biệt; thị trường và các chủ thể tham gia thị trường. Sự sản xuất giá trị thặng dư là cơ sở tồn tại và phát triển của chủ nghĩa tư bản; sự tích lũy tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư. Lý luận của Lenin về cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; vấn đề độc quyền và độc quyền nhà nước. Tính tất yếu khách quan và đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay; vấn đề hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam hiện nay. Công nghiệp hóa – hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và sự phát triển của khoa học công nghệ hiện nay.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO01(I), PLO05(R), PLO09(R)

13.3 Chủ nghĩa xã hội khoa học

Tín chỉ: 2

❖ Học phần học trước: Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên phân tích được những quy luật, tính quy luật chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa; vận dụng kiến thức đã học để giải thích những vấn đề thực tiễn chính trị - xã hội trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; xác lập căn cứ nhận thức khoa học để luôn cảnh giác, phân tích đúng và đấu tranh chống lại những nhận thức sai lệch, những tuyên truyền chống phá của các thế lực phản động đối với Đảng, Nhà nước, chủ nghĩa xã hội; hình thành thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn, từ đó, củng cố niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Chủ nghĩa xã hội khoa học nghiên cứu những quy luật chính trị - xã hội của tiến trình lịch sử quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới. Nội dung học phần gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học nhằm làm rõ quá trình hình thành, phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học; đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học. Từ chương 2 đến chương 7 trình bày những vấn đề lý luận

cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học, đó là: sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO01(I), PLO05(R), PLO09(R)

13.4 Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Tín chỉ: 2

❖ Học phần học trước: Triết học Mác-Lênin, Kinh tế Chính trị Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần sinh viên trình bày được sự ra đời và phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam và những chủ trương, đường lối cách mạng của Đảng trong quá trình lãnh đạo cách mạng từ khi Đảng ra đời cho đến nay; Sinh viên có kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng. Qua đó, giáo dục lý tưởng, truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng và của dân tộc; xây dựng thái độ chính trị đúng đắn; củng cố, bồi đắp niềm tin của sinh viên đối với sự lãnh đạo của Đảng.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là một học phần thuộc các môn khoa học lý luận chính trị. Học phần trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 đến nay). Qua đó khẳng định thành công, nêu lên hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO01(I), PLO05(R), PLO09(R)

13.5 Tư tưởng Hồ Chí Minh

Tín chỉ: 2

❖ Học phần học trước: Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, chủ nghĩa xã hội khoa học

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có khả năng: Hiểu được những kiến thức cơ bản về khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân

và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa; Hình thành tư duy độc lập, phân tích, đánh giá, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống; Nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội; nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam; thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện để góp phần vào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm những nội dung cụ thể sau: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO01(I), PLO05(R), PLO09(R)

13.6 Pháp luật đại cương

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, người học hiểu được những vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước và pháp luật, biết tìm kiếm và vận dụng những quy phạm pháp luật có liên quan để xử lý các vấn đề pháp lý thông dụng. Từ đó, người học có nền tảng kiến thức vững vàng để học tiếp các học phần pháp luật khác; đồng thời, hình thành ý thức pháp luật tốt trong công việc và đời sống.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần gồm hai phần: phần đầu chuyển tải các vấn đề cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật (như nguồn gốc, bản chất, thuộc tính, chức năng; hình thức của nhà nước và pháp luật; hệ thống pháp luật, quan hệ pháp luật; thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý). Phần 2 cung cấp khái niệm, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh... và nội dung cơ bản của các chế định quan trọng của một số ngành luật thuộc lĩnh vực pháp luật tư.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO5(R)

13.7 Tiếng Anh tổng quát 1

Tín chỉ: 3

❖ Điều kiện tiên quyết: Đạt điểm thi Tiếng Anh đầu vào TOEIC ≥ 300

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu và vận dụng kiến thức cơ bản về ngữ pháp cùng với nguồn từ vựng phong phú về các chủ đề như du lịch, mua sắm, giao tiếp, giáo dục, việc làm, để phát triển các kỹ năng ngôn ngữ và hình thành phản xạ giao tiếp tiếng Anh ở cấp độ tiền trung cấp (A2-B1), vận dụng kiến thức đã học vào các công việc liên quan đến đọc hiểu tài liệu, phát triển ý tưởng logic khi viết các đoạn văn ngắn, giao tiếp tốt trong những tình huống quen thuộc. Bên cạnh đó, sinh viên cũng phát triển kỹ năng làm việc theo cặp, nhóm, và thái độ tích cực, chủ động đáp ứng tốt cho công việc trong tương lai.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần Tiếng Anh tổng quát 1 thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, được xây dựng dành cho sinh viên năm 1 không chuyên ngữ theo học chương trình Chuẩn. Học phần cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, ngữ pháp và cấu trúc câu được sử dụng thường xuyên qua các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống như du lịch, mua sắm, giao tiếp, giáo dục, việc làm.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO06(R)

13.8 Tiếng Anh tổng quát 2

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Tiếng Anh tổng quát 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu và vận dụng kiến thức ngôn ngữ đã học để phát triển các kỹ năng ngôn ngữ và hình thành phản xạ giao tiếp tiếng Anh ở cấp độ trung cấp (B1), vận dụng kiến thức đã học vào các công việc liên quan đến đọc hiểu tài liệu, phát triển ý tưởng logic khi viết các đoạn văn ngắn, giao tiếp tốt trong những tình huống quen thuộc. Bên cạnh đó, sinh viên cũng phát triển kỹ năng làm việc theo cặp, nhóm, và thái độ tích cực, chủ động đáp ứng tốt cho công việc trong tương lai.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần Tiếng Anh tổng quát 2 thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, được xây dựng dành cho sinh viên năm 1 không chuyên ngữ theo học chương trình Chuẩn. Học phần cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, ngữ pháp và cấu trúc câu được sử dụng thường xuyên qua các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống như giải trí, sức khỏe, thực phẩm, tệ nạn xã hội và thể giới tự nhiên.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO06(R)

13.9 Tiếng Anh tổng quát 3

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Tiếng Anh tổng quát 2

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên vận dụng được các kỹ năng ngôn ngữ và kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh ở cấp độ tiền trung cấp vào việc thiết kế các cuộc phỏng vấn ngắn, giải quyết các tình huống trong công việc; áp dụng kiến thức đã học vào các công việc liên quan đến đọc hiểu tài liệu, phát triển ý tưởng logic khi viết các đoạn văn ngắn, email, tin nhắn phản hồi trong những tình huống quen thuộc về môi trường kinh doanh. Bên cạnh đó, các hoạt động làm việc theo cặp, nhóm giúp sinh phát triển kỹ năng làm việc thực tế như đàm phán, thuyết trình, xây dựng mối quan hệ, nhận thức về phong cách giao tiếp và giải quyết các vấn đề giao tiếp thông thường, từ đó sinh viên phát huy thái độ tích cực, chủ động, đáp ứng tốt hơn cho công việc trong tương lai.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần Tiếng Anh tổng quát 3 thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, được xây dựng dành cho sinh viên năm 2 không chuyên ngữ theo học chương trình Chuẩn sau khi đã hoàn thành chương trình của học phần Tiếng Anh tổng quát 1 và học phần Tiếng Anh tổng quát 2. Học phần này cũng cung cấp cho sinh

viên kiến thức giao tiếp thực tế trong môi trường làm việc thể hiện qua nội dung trong các bài tập tình huống cụ thể tại công sở, cung cấp kiến thức từ vựng tiếng Anh chuyên ngành về kinh tế, tập trung vào các mảng đề tài như: mô tả công việc, giới thiệu bản thân trong buổi phỏng vấn xin việc, mô tả về công ty, mô tả về sản phẩm, các hoạt động liên quan đến marketing, tài chính, kinh doanh quốc tế ... Sinh viên hiểu và vận dụng được từ vựng về các chủ đề trong lĩnh vực kinh tế để chuẩn bị tốt cho việc học chuyên ngành vào những học kỳ sau.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO06(R)

13.10 Tiếng Anh tổng quát 4

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Tiếng Anh tổng quát 3

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên phát triển và vận dụng tốt các kỹ năng ngôn ngữ và giao tiếp trong kinh doanh ở cấp độ tiền trung cấp thông qua việc thực hành tất cả các kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết, như giới thiệu bản thân một cách tự tin trong các cuộc phỏng vấn việc làm, xử lý các tình huống trong công việc; vận dụng kiến thức đã học vào các công việc liên quan đến đọc hiểu tài liệu, phát triển ý tưởng logic khi viết các đoạn văn, email, tin nhắn phản hồi trong những tình huống quen thuộc, và phát triển sự hiểu biết của sinh viên về thế giới kinh doanh. Bên cạnh đó, sinh viên phát triển kỹ năng thực tế bao gồm đàm phán, thuyết trình, xây dựng mối quan hệ, nhận thức về phong cách giao tiếp và cách xử lý tốt nhất các vấn đề giao tiếp thông qua các hoạt động làm việc theo cặp, nhóm, từ đó xây dựng cho sinh viên thái độ tích cực, chủ động đáp ứng tốt hơn cho công việc trong tương lai.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần Tiếng Anh tổng quát 4 thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, được xây dựng dành cho sinh viên năm 2 không chuyên ngữ theo học chương trình Chuẩn. Học phần này cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh chuyên ngành về kinh tế, tập trung vào các mảng đề tài như: mô tả vị trí việc làm, mô tả về thị trường và nhu cầu của thị trường, công việc sản xuất; các hoạt động liên quan đến marketing; tài chính; kinh doanh quốc tế; môi trường làm việc. Sinh viên được trang bị từ vựng về các chủ đề trong lĩnh vực kinh tế để chuẩn bị tốt cho việc học chuyên ngành vào những học kỳ sau.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO06(R)

13.11 Toán cao cấp

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu được các kiến thức về cơ sở toán học, vận dụng các công cụ toán trong phân tích kinh tế và tài chính. Nắm vững kiến thức nền tảng để nghiên cứu và áp dụng trong các học phần tiếp theo.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần tập trung vào các nội dung về kiến thức đại cương về tập hợp, quan hệ và logic suy luận, cũng như các kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính và Giải tích toán học thực sự cần thiết cho việc tiếp cận với các mô hình phân tích quá trình ra quyết định trong kinh tế và quản lý: Không gian vectơ; Ma trận và định thức; Hệ phương trình tuyến tính; Hàm số và giới hạn; Phép tính vi phân đối với hàm số một biến; Hàm nhiều biến; Các bài toán cực trị; phép tính tích phân; Phương trình vi phân.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO01(I), PLO05(R)

13.12 Tin học ứng dụng

Tín chỉ: 4

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Học phần Tin học ứng dụng được xây dựng để hỗ trợ sinh viên phát triển nâng cao kỹ năng soạn thảo văn bản đúng kỹ thuật, đúng quy cách; trình bày báo cáo khoa học; soạn bài thuyết trình ấn tượng; xử lý dữ liệu với bảng tính, cách tìm kiếm tài liệu trên Internet, ứng dụng vào những hoạt động học tập cũng như làm việc sau này. Tính chất ứng dụng được nhấn mạnh thông qua các hệ thống bài tập thực hành, các tình huống, chuyên đề cụ thể. Ngoài ra học phần này còn trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng công nghệ thông tin thích ứng với Cách mạng công nghiệp 4.0 như khai thác sử dụng không gian đám mây (cloud); sử dụng các phần mềm trực tuyến (online app); thiết kế biểu mẫu khảo sát trực tuyến (online survey) và thu thập, xử lý kết quả khảo sát.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần Tin học ứng dụng phát triển kỹ năng soạn thảo văn bản đúng kỹ thuật, đúng quy cách; cách trình bày báo cáo khoa học; soạn bài thuyết trình ấn tượng; xử lý dữ liệu với bảng tính, phân tích dữ liệu, tìm kiếm tài liệu trên Internet. Thông qua học phần này, người học có thể phát triển các kỹ năng số như khai thác không gian đám mây; sử dụng các phần mềm trực tuyến; thiết kế biểu mẫu khảo sát trực tuyến. Ngoài ra, học phần cũng trang bị cho người học các kiến thức thích ứng Cách mạng công nghiệp 4.0 như chuyển đổi số, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, chuỗi khối, Internet vạn vật và các công nghệ nổi bật khác trong kỷ nguyên số. Bên cạnh đó, học phần Tin học ứng dụng đảm bảo cung cấp các kiến thức hỗ trợ chuẩn đầu ra Tin học của trường.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO02(R)

Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 80 tín chỉ

13.13 Kinh tế vi mô 1

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu được các khái niệm cung cầu, cách thức ra quyết định của người tiêu dùng, sự vận hành của

các loại thị trường; Cách thức ra quyết định của các doanh nghiệp trong các loại thị trường.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Kinh tế vi mô tập trung vào một số nội dung quan trọng như những vấn đề kinh tế cơ bản về thị trường: Lý thuyết cầu, cung; Độ co giãn cầu cung, Lý thuyết hành vi người tiêu dùng; Lý thuyết về sản xuất, chi phí và lợi nhuận của doanh nghiệp; Quan hệ cung cầu về lao động, vốn, đất đai trên thị trường các yếu tố đầu vào; Các quyết định về giá, sản lượng và chiến lược cạnh tranh của doanh nghiệp hoạt động trên các thị trường khác nhau cũng như những hạn chế của kinh tế thị trường và sự can thiệp của Chính phủ.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO01(I), PLO05(R), PLO09(R)

13.14 Kinh tế vĩ mô 1

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu được cách thức vận hành của tổng thể nền kinh tế; nhận biết được những chỉ tiêu đo lường các biến kinh tế vĩ mô; giải thích mối quan hệ tương tác giữa các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô và đánh giá tác động của các chính sách của chính phủ để điều tiết nền kinh tế giúp cho nền kinh tế ổn định, tăng trưởng...

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần kinh tế vĩ mô giới thiệu một số nội dung cơ bản như Đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế; Tổng cầu và chính sách tài khóa; Tiền tệ và chính sách tiền tệ; Tổng cung và chu kỳ kinh doanh; các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế; Thất nghiệp và lạm phát; Tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô; Phân tích các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế mở bao gồm cán cân thanh toán, tỷ giá hối đoái, chính sách thương mại và các phối hợp chính sách kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO01(I), PLO05(R), PLO09(R)

13.15 Nguyên lý kế toán

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

- Hiểu rõ những nội dung cơ bản về kế toán.
- Vận dụng quy trình và các phương pháp kế toán để xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong doanh nghiệp.

- Có ý thức tuân thủ những nguyên tắc, quy định pháp lý của kế toán. Tự chủ trong việc đưa ra các ý kiến, nhận xét về các tình huống liên quan đến kế toán.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Nguyên lý kế toán là học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kế toán; vận dụng các phương pháp kế toán để phản ánh quá trình hoạt động kinh doanh căn bản của một đơn vị. Các phương pháp kế toán được đề cập

đến gồm: Chứng từ kế toán, kiểm kê, tính giá đối tượng kế toán, tài khoản, ghi sổ kép và tổng hợp cân đối kế toán. Những nền tảng kiến thức cơ bản về kế toán của học phần giúp cho người học có thể tiếp tục nghiên cứu sâu hơn về kế toán kiểm toán, đồng thời có thể vận dụng để hỗ trợ các lĩnh vực chuyên môn thuộc khối ngành kinh tế.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO01(R), PLO05(R)

13.16 Nguyên lý marketing

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức căn bản về marketing bao gồm khái niệm, vai trò, nguyên tắc, quy trình và các nội dung phối thức marketing. Trên cơ sở các kiến thức căn bản, sinh viên có thể nhận dạng, phân biệt các hoạt động marketing trên thực tế. Bên cạnh đó, sinh viên có thể đề xuất và đánh giá các hoạt động marketing của doanh nghiệp. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên cũng có thể phát huy kỹ năng học tập và tự nghiên cứu sâu hơn về marketing cũng như sẵn sàng hướng dẫn hỗ trợ người khác trong việc nghiên cứu và thực hành các hoạt động marketing ở cấp độ căn bản.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Nội dung học phần Nguyên lý marketing bao gồm 9 chương, trước hết làm rõ các khái niệm cơ bản của marketing như khái niệm, vai trò, chức năng và quy trình marketing, khái niệm về phối thức marketing, các vấn đề đạo đức trong hoạt động marketing cũng như các thay đổi của marketing trong bối cảnh hiện tại. Học phần cũng phân tích nội dung các hoạt động marketing như phân tích môi trường marketing, phân tích hành vi khách hàng thông qua hoạt động nghiên cứu thị trường, chọn thị trường mục tiêu, xây dựng chiến lược marketing và các chiến lược bộ phận gồm chiến lược sản phẩm, chiến lược định giá, chiến lược phân phối và chiến lược chiêu thị.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO01(I), PLO05(R), PLO09(R)

13.17 Quản trị học

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần, người học hình thành được kiến thức lý thuyết và thực tế tổng quan về hoạt động quản trị của tổ chức như phân tích môi trường quản trị, công tác lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, lãnh đạo, kiểm tra và đánh giá kết quả công việc. Bên cạnh các kiến thức cơ bản, những kỹ năng quản trị sẽ giúp cho người học phát triển khả năng phân tích, giải quyết các vấn đề trong tổ chức nhằm hướng đến hiệu quả cao và sự bình ổn tương đối của tổ chức. Người học có khả năng vận dụng các kiến thức, kỹ năng quản trị để thực hiện một số công việc, có tinh thần trách nhiệm, hợp tác làm việc của cá nhân và của nhóm để nâng cao hiệu quả hoạt động nghề nghiệp liên quan trong thực tế công việc sau này.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần Quản trị học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành quản trị kinh doanh và các ngành khác thuộc khối kinh tế. Quản trị học là học phần nghiên cứu các chức năng quản trị *trong* tổ chức bao gồm hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, và kiểm soát. Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hành các chức năng quản trị trong thực tiễn hoạt động của các tổ chức. Đồng thời, học phần này tạo tiền đề cho người học trong việc đề xuất các phương án và cách thức giải quyết vấn đề về quản trị của tổ chức. Hình thức tổ chức dạy học: sinh viên học lý thuyết trên lớp với giảng viên; đồng thời thực hành những kỹ năng quản trị thông qua các bài tập, thảo luận nhóm với sự hướng dẫn và giám sát của giảng viên phụ trách học phần trong và ngoài giờ học.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO01(I), PLO05(I)

13.18 Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1 Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể hiểu các vấn đề liên quan đến tiền tệ, lạm phát, tín dụng, lãi suất, tỷ giá và các vấn đề liên quan đến hệ thống tài chính; cách thức hoạt động của ngân hàng thương mại và ngân hàng trung ương trong hệ thống tài chính. Sinh viên tính toán và giải quyết được các bài toán kinh tế cơ bản như tính lãi suất, tỷ suất sinh lợi, lựa chọn cơ hội đầu tư cũng như đưa ra được những nhận định cá nhân về các vấn đề liên quan đến tiền tệ, ngân hàng, thị trường tài chính thông qua các tình huống thực tế.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Nội dung môn học sẽ khái quát các phạm trù liên quan đến Tài chính – Tiền tệ - Ngân hàng, các thuật ngữ gắn liền với các hoạt động kinh tế diễn ra hàng ngày: Tiền tệ, lãi suất, tín dụng ngân hàng, tỷ giá, lạm phát, vốn,... Bên cạnh thị trường hàng hóa, dịch vụ, còn có các thị trường tài chính, là những cấu phần không thể thiếu trong nền kinh tế và cũng là thị trường tác động mạnh mẽ đến hiệu quả của cả nền kinh tế. Các thị trường này điều tiết dòng vốn cho mọi hoạt động kinh tế, cung cấp thêm cơ hội đầu tư, công cụ phòng vệ rủi ro đồng thời góp phần làm tăng thanh khoản *cho* cả nền kinh tế. Các thị trường tài chính tiêu biểu gồm: thị trường trái phiếu, thị trường cổ phiếu, thị trường tiền tệ, thị trường vốn,... Học phần cũng đưa ra những bài thực hành cơ bản về đầu tư như: tính tỷ suất sinh lợi của một khoản đầu tư, so sánh các cơ hội đầu tư, so sánh giữa lợi ích và rủi ro, đưa ra các quyết định đầu tư cơ bản giữa trên các tín hiệu thị trường.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO01(I), PLO05(R), PLO09(M)

13.19 Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu được các kiến thức cơ bản về đại lượng ngẫu nhiên, lý thuyết về mẫu ngẫu nhiên, bài toán

ước lượng và kiểm định thống kê. Xây dựng và đưa ra các mô hình xác suất và thống kê để giải quyết các bài toán liên quan trong lĩnh vực kinh tế, tài chính và quản trị.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Phần lý thuyết xác suất giới thiệu tính quy luật của hiện tượng ngẫu nhiên và cách tính xác suất của biến cố ngẫu nhiên cùng các đặc trưng của biến ngẫu nhiên. Phần thống kê toán bao gồm các nội dung: Mẫu ngẫu nhiên, Ước lượng tham số của mẫu, kiểm định giả thuyết thống kê và ứng dụng trong nghiên cứu các vấn đề thực tế nói chung và các vấn đề kinh tế nói riêng.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO01(I), PLO05(R)

13.20 Nguyên lý thẩm định giá

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Kinh tế vi mô 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Học phần cung cấp kiến thức tổng quát về thẩm định giá, về tài sản, các phương pháp thẩm định giá, giá trị và các yếu tố ảnh hưởng đến giá trị tài sản, kiến thức về báo cáo thẩm định giá. Người học được thực hành thành thạo các phép tính toán giá trị tài sản, có kỹ năng đọc hiểu, phân tích báo cáo thẩm định giá cho sẵn. Người học rèn luyện khả năng tự chủ, tự chịu trách nhiệm, ham học, cầu tiến tích lũy kiến thức và kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về thẩm định giá tài sản, trên cơ sở đó giúp sinh viên có đủ kiến thức để học tiếp các học phần chuyên ngành thẩm định giá như thẩm định giá bất động sản, thẩm định giá máy thiết bị, thẩm định giá doanh nghiệp, thẩm định giá tài sản vô hình, quy trình và hoàn tất một báo cáo thẩm định giá tài sản.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO03(M), PLO07(M), PLO09(M)

13.21 Tài chính công

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Giúp người học nhận biết được các khái niệm và vấn đề liên quan tới lĩnh vực tài chính công; Giúp người học nắm vững và tái hiện lại theo ngôn ngữ riêng các quy luật vận động của tài chính công; (iii) Giúp người học hệ thống lại kiến thức của môn học trong tổng thể chung của khối kiến thức liên quan tới khu vực công; và giúp người học có thể đánh giá về tình trạng vận hành của nền tài chính công trong thực tiễn.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần giới thiệu tổng quan về tài chính công và các phương pháp nghiên cứu, phân tích tài chính công. Các chương trình chi tiêu của chính phủ được coi là hàng hoá công cũng như các chính sách xử lý vấn đề ngoại tác của nền kinh tế được đưa ra phân tích trên góc độ hiệu quả cũng như công bằng xã hội; thể hiện qua hệ thống những quan điểm và tranh luận về phân phối thu nhập. Nguồn tài trợ chính của chính phủ là thuế cũng đưa vào khuôn khổ phân tích cân bằng

cục bộ và cân bằng tổng thể với nền kinh tế. Môn học khép lại với những phân tích cân đối tài chính công và ý nghĩa của các biện pháp tài trợ thâm hụt.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO03(M), PLO07(M), PLO09(M)

13.22 Thuế 1

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể trình bày được các kiến thức tổng quan cơ sở lý luận về thuế, quản lý thuế của Nhà nước, nội dung cơ bản Luật của các sắc thuế. Nắm vững kiến thức cơ bản và biết cách nâng cao trình độ chuyên môn về các sắc thuế theo hướng chuyên sâu. Ngoài ra sinh viên còn có thể vận dụng các phương pháp tính của các sắc thuế để làm bài tập, giải quyết các tình huống cũng như ứng dụng vào công việc thực tế.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, lý luận nền về thuế nhằm giúp sinh viên hiểu được tại sao lại phải có thuế; quá trình phát triển của hệ thống thuế Việt Nam và đặc biệt là những nội dung cụ thể của các Luật thuế chủ yếu đang được áp dụng hiện nay như thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân... Môn học cũng trang bị cho sinh viên cách đọc và hiểu văn bản thuế.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO03(M), PLO07(M), PLO09(M)

13.23 Thị trường chứng khoán

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể giao dịch được chứng khoán trên thị trường chứng khoán. Sinh viên còn có thể định giá các loại chứng khoán để làm cơ sở ra quyết định đầu tư; phân tích, đánh giá, tư vấn cho doanh nghiệp nên phát hành loại chứng khoán nào, phát hành theo hình thức nào, niêm yết hay không trên thị trường chứng khoán cho phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp. Ngoài ra sinh viên còn có thể vận dụng kiến thức thực hiện hoạt động môi giới tại công ty chứng khoán và xử lý các tình huống trong hoạt động môi giới.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần giới thiệu về sự ra đời và tầm quan trọng của thị trường chứng khoán trong nền kinh tế. Học phần trình bày, mô tả các loại hàng hoá trên thị trường chứng khoán; cách thức tổ chức và hoạt động của thị trường chứng khoán; công ty chứng khoán; quỹ đầu tư chứng khoán; hệ thống thông tin, thanh tra, giám sát thị trường chứng khoán. Học phần còn giới thiệu, mô tả các phương pháp định giá chứng khoán để làm cơ sở ra quyết định đầu tư.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO03(M), PLO07(M), PLO09(M)

13.24 Nguyên lý và thực hành bảo hiểm**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Tiền tệ, thị trường tài chính và ngân hàng 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sinh viên hiểu rõ các khái niệm cơ bản và các nguyên tắc hoạt động của bảo hiểm và các nghiệp vụ bảo hiểm chủ yếu trên thị trường bảo hiểm. Phân tích đánh giá thách thức và cơ hội thị trường bảo hiểm và các Doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam. Vận dụng các kiến thức về các nghiệp vụ bảo hiểm (nhân thọ, phi nhân thọ) trong cuộc sống và công việc.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng về bảo hiểm thương mại; sự cần thiết của bảo hiểm đối với kinh tế xã hội; Các nguyên tắc hoạt động cơ bản bảo hiểm; Các quy định pháp luật liên quan đến bảo hiểm; Hoạt động của thị trường bảo hiểm; Các nghiệp vụ bảo hiểm chủ yếu, đặc điểm riêng có của từng nghiệp vụ (tài sản, con người, trách nhiệm).

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO03(M), PLO07(M), PLO09(M)

13.25 Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 2**Tín chỉ: 2**

❖ Học phần học trước: Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Trang bị cho người học các kiến thức về hoạt động của thị trường tài chính nói chung và các phân khúc thị trường cụ thể gồm: thị trường cổ phiếu, thị trường chứng khoán nợ và thị trường chứng khoán phái sinh. Hoạt động và rủi ro của các định chế phi ngân hàng tiêu biểu, gồm: Công ty chứng khoán, Công ty bảo hiểm, Công ty tài chính, Công ty cho thuê tài chính, Quỹ đầu tư, Quỹ Hưu trí. Giúp người học rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp: Tính toán và giải quyết được các bài toán đầu tư cơ bản trên các thị trường tài chính. Nhận định các vấn đề liên quan đến tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính dựa trên các tình huống thực tế. Trên cơ sở tích lũy các kiến thức nền tảng, sinh viên hình thành các kỹ năng về nhận diện, phân tích và giải quyết các vấn đề thực tế về thị trường tài chính và các định chế tài chính phi ngân hàng. Ngoài ra, sinh viên phát triển được tư duy phản biện, khả năng tự học, góp phần hình thành đặc thù đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực được đào tạo.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần cung cấp kiến thức về: Cấu trúc vĩ mô, chức năng và nguyên tắc hoạt động của hệ thống tài chính; Cấu trúc vi mô, chức năng, nguyên tắc hoạt động của từng thị trường tài chính cụ thể, gồm: thị trường cổ phiếu, thị trường chứng khoán nợ và thị trường chứng khoán phái sinh; Cấu trúc, nguyên tắc hoạt động và các nghiệp vụ cơ bản trong từng định chế phi tài chính cụ thể, gồm: Công ty bảo hiểm, Quỹ trợ cấp Hưu trí, công ty tài chính, quỹ đầu tư tương hỗ, công ty cho thuê tài chính; Các loại rủi ro của định chế tài chính: Rủi ro thị trường, rủi ro lãi suất, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro tỷ giá.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO03 (M), PLO07 (M), PLO09 (M)

13.26 Tài chính doanh nghiệp 1**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Nguyên lý kế toán, Tiền tệ, Ngân hàng và Thị trường Tài chính 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này sinh viên biết được mục tiêu của tài chính doanh nghiệp, hiểu và tính toán được giá trị tiền tệ theo thời gian, phân tích và đánh giá các nguồn tài trợ cho doanh nghiệp, hoạch định nguồn vốn tài trợ trong doanh nghiệp, quản trị các tài sản ngắn hạn, định giá chứng khoán và thẩm định tài chính của các dự án đầu tư dài hạn trong và ngoài nước.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Tài chính doanh nghiệp là một môn học chuyên ngành cần thiết cho sinh viên theo học ngành Tài chính – Ngân hàng. Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức tài chính trong doanh nghiệp về giá trị tiền tệ theo thời gian, định giá chứng khoán, chi phí sử dụng vốn, đầu tư dài hạn trong doanh nghiệp và quản trị vốn lưu động của doanh nghiệp nhằm hỗ trợ việc ra các quyết định trong quản trị tài chính trong doanh nghiệp

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3 (M), PLO7 (M), PLO9 (M)

13.27 Ngân hàng thương mại

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể hiểu được tổng quan các hoạt động của ngân hàng thương mại và phân tích được về mặt lý luận cũng như kỹ thuật các nghiệp vụ của Ngân hàng thương mại hiện đại. Môn học cung cấp nền tảng kiến thức để sinh viên ra trường có thể đảm nhận các vị trí công việc tại ngân hàng như: giao dịch viên, tín dụng, thanh toán quốc tế, ngân quỹ.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Nội dung môn học sẽ khái quát cách thức tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại. Môn học tập trung nghiên cứu các khái niệm, đặc điểm, vai trò và kỹ thuật nghiệp vụ kinh doanh của ngân hàng như: huy động vốn, cấp tín dụng, thanh toán qua ngân hàng, kinh doanh ngoại hối. Ngoài ra, người học có cơ hội tiếp cận với phần mềm mô phỏng core banking tại phòng thực hành để có những trải nghiệm thực tế về môi trường làm việc tại ngân hàng. Bên cạnh đó, môn học cũng trang bị cho sinh viên các kiến thức cần thiết về các nghiệp vụ tín dụng ngắn hạn cũng như trung và dài hạn trong các NHTM hiện nay. Môn học được thiết kế để cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng cơ bản nhằm tạo điều kiện cho sinh viên khi tốt nghiệp ra trường dễ dàng tiếp cận với môi trường làm việc tại các NHTM. Sinh viên có thể ứng dụng những kiến thức đã học trong công tác thực tiễn tại các NHTM nói riêng cũng như các định chế tài chính trung gian nói chung.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO03 (M), PLO07 (M), PLO09 (M)

13.28 Tài chính quốc tế

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Tài chính doanh nghiệp 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể nhận biết và giải thích các vấn đề cơ bản về tài chính quốc tế vĩ mô dựa trên các lý thuyết ngang bằng quốc tế, phân tích và dự báo biến động tỷ giá cũng như lựa chọn các công cụ phòng ngừa rủi ro tỷ giá phù hợp. Sinh viên sẽ tự tin làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước, có thể phát huy tư duy sáng tạo và linh hoạt trong việc đưa ra những quyết định tài chính khi thực hiện mua/bán ngoại tệ, phòng ngừa rủi ro tỷ giá cũng như lựa chọn các hình thức kinh doanh ngoại hối phù hợp với tình hình biến động thị trường tài chính quốc tế.

- *Tóm tắt nội dung:* Tài chính quốc tế là môn học quan trọng thuộc khối kiến thức ngành của ngành Tài chính – Ngân hàng. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng về thị trường tài chính quốc tế, hoạt động chu chuyển vốn giữa các quốc gia, thị trường phái sinh tiền tệ với các vấn đề liên quan tới biến động tỷ giá và phòng ngừa rủi ro tỷ giá. Bên cạnh đó, nội dung môn học cũng giải thích, làm rõ mối tương quan giữa các thị trường và nền kinh tế các quốc gia thông qua những lý thuyết về quan hệ ngang bằng quốc tế giữa giá cả, lãi suất và tỷ giá. Đồng thời các yếu tố tác động tỷ giá, hệ thống tiền tệ quốc tế và các lựa chọn chính sách tỷ giá của chính phủ trong mối quan hệ với chính sách tiền tệ và hội nhập tài chính, chính sách ngoại thương cũng sẽ được phân tích. Ngoài ra, môn học cũng chú trọng thực hành thảo luận, phân tích và xử lý tình huống liên quan đến quan hệ tài chính quốc tế; quản trị rủi ro tỷ giá trong các hoạt động thương mại hay đầu tư quốc tế; cũng như các giải pháp ứng phó với các vấn đề khủng hoảng tài chính toàn cầu.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO03(M), PLO07(M), PLO09(M)

13.29 Kinh tế lượng

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Toán cao cấp, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:*

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về phân tích tương quan và hồi quy; xây dựng mô hình ước lượng và kiểm định cho các hệ số hồi quy; Kiểm định sự phù hợp của mô hình và các giả thuyết trên các mô hình. Ứng dụng vào phân tích và dự báo cho các vấn đề liên quan đến Tài chính, kinh tế và quản trị. Làm công cụ nền tảng cho các học phần sau.

- *Tóm tắt nội dung:*

Học phần cung cấp các kỹ thuật ước lượng, hiệu chỉnh mô hình hồi quy đa biến, cách phân tích tính đúng đắn về mặt kỹ thuật cũng như về kinh tế của mô hình. Học phần còn trang bị cho sinh viên cách thức vận dụng các công cụ phân tích định lượng vào một số vấn đề kinh tế, quản trị kinh doanh cơ bản trên cơ sở sử dụng phần mềm chuyên dùng và cơ sở dữ liệu của Việt Nam.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO03(M), PLO07(M), PLO09(M)

Chuyên ngành: Tài chính doanh nghiệp

13.30 Thực hành nghề nghiệp 1

Tín chỉ: 3

- ❖ Học phần học trước: Ngân hàng thương mại; Tài chính doanh nghiệp 1; Thị trường chứng khoán; Nguyên lý và thực hành bảo hiểm
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:* Giúp sinh viên biết vận dụng các kiến thức lý luận vào thực tiễn thông qua việc nghiên cứu giải quyết các vấn đề cụ thể về nghiệp vụ liên quan đến chuyên ngành. Tạo điều kiện cho sinh viên có môi trường rèn luyện, khả năng tự nghiên cứu, và thích ứng với công việc sau khi tốt nghiệp.

- *Tóm tắt nội dung:* Sinh viên tham gia đầy đủ các hoạt động thực tiễn liên quan đến lĩnh vực tài chính – ngân hàng. Hoạt động thực hành nghề nghiệp 1 được thực hiện theo kế hoạch hợp tác của doanh nghiệp và nhà trường thông qua nhiều hình thức khác nhau như: hoạt động tham quan thực tế tại doanh nghiệp; hoặc nghiên cứu các tài liệu công bố thông qua hoạt động quan sát, tìm hiểu và tác nghiệp vào một số nghiệp vụ tài chính của doanh nghiệp. Kết thúc hoạt động này, sinh viên hoàn thành Báo cáo thực hành nghề nghiệp 1 để xác định tổng quan và nhận xét về các vấn đề như vị trí, vai trò, cơ cấu tổ chức, các sản phẩm của đơn vị,...liên quan đến doanh nghiệp/ ngân hàng/ bảo hiểm/ chứng khoán hoặc các đơn vị khác có có hoạt động liên quan đến ngành Tài chính – Ngân hàng.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

13.31 Thực hành nghề nghiệp 2

Tín chỉ: 3

- ❖ Học phần học trước: Thực hành nghề nghiệp 1
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần Thực hành nghề nghiệp 2, sinh viên được củng cố và đánh giá những kiến thức lý thuyết thông qua hoạt động thực tiễn liên quan đến lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng: Củng cố và đánh giá được những kiến thức lý thuyết thông qua hoạt động thực tiễn liên quan đến lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng; Vận dụng được những kiến thức đã học để có thể đánh giá các hoạt động thực tiễn; Nhận diện được các vấn đề như vị trí, vai trò, cơ cấu tổ chức, các sản phẩm của đơn vị, quy trình hoạt động, xu thế mới....liên quan đến ngành Tài chính – Ngân hàng.

- *Tóm tắt nội dung:* Thực hành nghề nghiệp 2 là yêu cầu bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân ngành Tài chính – Ngân hàng nhằm giúp sinh viên củng cố và nhận định những kiến thức lý thuyết thông qua hoạt động thực tiễn liên quan đến lĩnh vực tài chính – Ngân hàng. Trong học phần này, sinh viên yêu cầu tham gia đầy đủ các hoạt động thực tiễn liên quan đến lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng. Hoạt động thực hành nghề nghiệp 2 được thực hiện theo kế hoạch hợp tác của doanh nghiệp và nhà trường thông qua nhiều hình thức khác nhau như: hoạt động tham quan thực tế tại doanh nghiệp; hoặc nghiên cứu các tài liệu công bố thông qua hoạt động quan

sát, tìm hiểu và tác nghiệp vào một số nghiệp vụ tài chính của doanh nghiệp. Kết thúc hoạt động này, sinh viên yêu cầu hoàn thành Báo cáo thực hành nghề nghiệp 2 để nhận diện và đánh giá, so sánh các vấn đề như vị trí, vai trò, cơ cấu tổ chức, các sản phẩm của đơn vị,... liên quan đến ngành Tài chính – Ngân hàng.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

13.32 Tài chính doanh nghiệp 2

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Tài chính doanh nghiệp 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong môn học này, sinh viên làm việc tại các doanh nghiệp có thể ra các quyết định: chọn lựa phương án đầu tư TSCĐ; phương án sử dụng nợ; xác định được mức gia tăng giá trị doanh nghiệp khi doanh nghiệp thực hiện chính sách ổn định cổ tức, chính sách thặng dư cổ tức, hoặc cơ cấu vốn của doanh nghiệp; ngoài ra, sinh viên còn có thể tiến hành phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp, lập kế hoạch tài chính ngắn hạn hay kế hoạch tài chính dài hạn của doanh nghiệp.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Tài chính Doanh nghiệp 2 là học phần chuyên ngành quan trọng của ngành Tài chính – Ngân hàng; có nhiều nội dung liên quan đến các học phần khác như Tài chính Doanh nghiệp 1, Toán Tài chính, Phân tích Tài chính doanh nghiệp. Nội dung môn học sẽ khái quát các khái niệm, thuật ngữ, và các hoạt động tài chính trong doanh nghiệp. Môn học sẽ tập trung nghiên cứu, đánh giá hiệu quả việc ra quyết định tài chính: đòn bẩy kinh doanh, đòn bẩy tài chính, chính sách chi trả cổ tức, cơ cấu vốn mục tiêu, phân tích và lập kế hoạch tài chính cho doanh nghiệp.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

13.33 Quản trị rủi ro tài chính

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Tài chính quốc tế, Tài chính doanh nghiệp 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sinh viên học xong môn học có khả năng: Hiểu được các kiến thức nền tảng về quản trị rủi ro tài chính; Nhận diện và kiểm soát được các loại rủi ro tài chính trong doanh nghiệp và ngân hàng; Tuân thủ các quy định về rủi ro của pháp luật trong thực hành công việc.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Môn học Quản trị rủi ro tài chính được thiết kế là môn học chuyên ngành cho chương trình đào tạo cử nhân Tài chính - ngân hàng. Môn học này nhằm cung cấp kiến thức và kỹ năng ứng dụng các công cụ tài chính phái sinh vào quản lý rủi ro tài chính cho doanh nghiệp và ngân hàng thương mại. Cụ thể, môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức về: nhận dạng các loại rủi ro tài chính phát sinh trong hoạt động của doanh nghiệp và của ngân hàng thương mại, ứng dụng các công cụ tài chính phái sinh để quản lý rủi ro biến động giá cả, rủi ro lãi suất và rủi ro tỷ giá đối với các doanh nghiệp và ngân hàng thương mại. Ngoài ra, môn học còn cung cấp cho sinh viên những kiến thức và các thủ thuật quản trị rủi ro do sử dụng

nợ, rủi ro trong đầu tư, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản đối với doanh nghiệp và ngân hàng thương mại.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

13.34 Phân tích Tài chính doanh nghiệp

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Tài chính doanh nghiệp 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong môn học này, sinh viên sẽ: Nắm được mục tiêu, nội dung và các phương pháp phân tích tài chính doanh nghiệp; Hiểu được kết cấu, nội dung và mối liên hệ giữa các báo cáo tài chính; Phân tích được tình hình huy động vốn và sử dụng vốn; Phân tích được tình hình biến động tài sản và nguồn vốn; Phân tích được khả năng thanh toán; Phân tích được kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và các nhân tố ảnh hưởng; Phân tích được hiệu quả sử dụng tài sản và vốn; Phân tích được tình hình lưu chuyển tiền tệ và khả năng tạo tiền; Phân tích được rủi ro đối với doanh nghiệp; Dự báo được tài chính doanh nghiệp.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần Phân tích tài chính doanh nghiệp cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản nhất về phân tích tài chính và các điều kiện để ra quyết định sau phân tích tài chính. Nội dung chính của môn học tập trung giới thiệu các kiến thức và kỹ năng, phương pháp phân tích tài chính trên góc độ nhà quản trị tài chính doanh nghiệp, tập trung vào 3 hoạt động tài chính cơ bản của doanh nghiệp: Hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động đầu tư. Môn học cũng cung cấp hệ thống các chỉ tiêu tài chính được sử dụng để phân tích bao gồm: Chỉ tiêu phản ánh khả năng thanh toán, hiệu suất hoạt động, khả năng cân đối vốn và khả năng sinh lời. Từ các kết quả phân tích tài chính, trên góc độ nhà quản trị tài chính doanh nghiệp, môn học cũng hướng dẫn cách thức đề xuất các giải pháp giúp doanh nghiệp cải thiện tình hình tài chính, từ đó, xây dựng kế hoạch tài chính ngắn hạn và dự báo BCTC.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

13.35a Mô hình tài chính

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Phân tích tài chính doanh nghiệp, Tài chính doanh nghiệp 1; Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 2

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này giúp cho sinh viên khi làm việc tại một doanh nghiệp, có khả năng lập được các mô hình ứng dụng trong quản trị tài chính doanh nghiệp như quản trị tài sản, lựa chọn và hỗ trợ ra quyết định đầu tư, vay và trả nợ vay trung và dài hạn, các mô hình định giá chứng khoán, xây dựng danh mục đầu tư phù hợp với khẩu vị rủi ro của nhà đầu tư, lập kế hoạch tài chính doanh nghiệp.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần này trang bị những kiến thức ứng dụng phần mềm bảng tính Excel phục vụ công việc quản lý tài chính. Người học biết sử dụng Excel

giải các bài toán tài chính, xây dựng các mô hình phục vụ cho công tác quản trị tài chính như điểm hòa vốn, quản lý rủi ro tài chính, xây dựng danh mục đầu tư tối ưu, xây dựng và thẩm định dự án đầu tư, quản trị tài sản, xây dựng mô hình vay và trả nợ vay, các mô hình định giá chứng khoán.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

13.35b Đầu tư tài chính

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Phân tích tài chính doanh nghiệp, Tài chính doanh nghiệp 1; Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 2

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này sinh viên có đủ kiến thức và kỹ năng cần thiết để ra được các quyết định đầu tư trái phiếu, cổ phiếu; thiết lập và quản lý một danh mục đầu tư tài chính.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Đầu tư tài chính là học phần chuyên ngành của ngành Tài chính – Ngân hàng; trang bị những kiến thức về lý thuyết danh mục đầu tư, mô hình định giá tài sản vốn (CAPM), mô hình đa nhân tố và lý thuyết kinh doanh chênh lệch giá, môn học còn giúp người học biết định giá, phân tích cổ phiếu, trái phiếu, chứng khoán phái sinh, biết xác định mức sinh lời, rủi ro trong đầu tư, các bước xây dựng danh mục đầu tư và đánh giá, quản lý danh mục đầu tư.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(R), PLO10(M)

13.36a Thẩm định dự án đầu tư

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Tài chính doanh nghiệp 1; Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 2

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này sinh viên nắm được tổng quan về dự án đầu tư, các cách phân loại trong dự án, các bước trong quy trình thiết lập và thẩm định dự án, vai trò và sự cần thiết của việc thẩm định dự án; nắm bắt được khung tài chính dự án, các nội dung tác động đến dòng tiền, có thể xây dựng chi phí và thiết lập dòng tiền của dự án; nắm bắt các quan điểm trong thẩm định dòng tiền dự án. Sinh viên nắm rõ và vận dụng được các chỉ tiêu trong thẩm định dự án. Sinh viên nắm bắt được tác động của lạm phát lên dự án và cách thức đánh giá một dự án khi có tác động của lạm phát. Sinh viên vận dụng được các phương pháp sử dụng trong đánh giá và phân tích rủi ro của dự án.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Thẩm định dự án đầu tư là học phần chuyên ngành tự chọn của ngành Tài chính – Ngân hàng; có nhiều nội dung liên quan đến các học phần khác như tài chính doanh nghiệp, hoạch định ngân sách vốn đầu tư... Môn Thẩm định dự án đầu tư bao gồm những kiến thức cơ bản, những vấn đề lý luận chung về dự án đầu tư; các nội dung cần nghiên cứu xác định dòng tiền, các chỉ tiêu đánh giá và lựa chọn dự án, tác động của lạm phát đến dự án và xem xét phân tích các rủi ro đối với dự án đầu tư.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

13.36b Hoạch định ngân sách vốn đầu tư

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Tài chính doanh nghiệp 1; Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 2

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này giúp cho sinh viên khi làm việc tại một doanh nghiệp hiểu được tại sao hoạch định ngân sách vốn lại rất quan trọng đối với 1 doanh nghiệp, hiểu được các nguyên tắc hoạch định ngân sách vốn, thực hiện được quy trình hoạch định ngân sách vốn.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Hoạch định ngân sách vốn đầu tư là học phần tự chọn thuộc chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp, trang bị cho sinh viên những kiến thức về hoạch định ngân sách vốn, xây dựng dòng tiền của dự án, thẩm định dự án dựa trên các chỉ tiêu đánh giá dự án, tính chi phí sử dụng vốn trong điều kiện không thay đổi cơ cấu tài chính của doanh nghiệp và khi có đầu tư mới cơ cấu các nguồn vốn có thể thay đổi, hoạch định ngân sách vốn đầu tư trong điều kiện vốn đầu tư bị giới hạn và không bị giới hạn, phân tích rủi ro dự án.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

13.37a Hợp nhất và sáp nhập

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Tài chính doanh nghiệp 1; Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 2

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Học phần nhằm trang bị cho người học kiến thức liên quan đến quá trình M&A và các giai đoạn quan trọng của nó; đồng thời giúp người học rèn luyện kỹ năng định giá các giao dịch M&A, các chiến thuật mua lại và chống mua lại, tìm kiếm nguồn tài trợ giao dịch. Sau khi kết thúc học phần, người học có khả năng:

▪ *Tóm tắt nội dung:* Hợp nhất và sáp nhập là học phần thuộc chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp. Như chúng ta đã biết để thực hiện chiến lược kinh doanh, các công ty có nhiều công cụ triển khai như đầu tư vào tài sản thực, đầu tư tài chính nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh. Một trong những công cụ như vậy là Mua bán và sáp nhập (M&A). Thông qua M&A, một doanh nghiệp có thể gia tăng tốc độ tăng trưởng và tiếp cận thị trường, tận dụng các cơ hội từ môi trường bên ngoài. Tuy vậy, M&A cũng đối mặt với nhiều thách thức liên quan đến lựa chọn mục tiêu phù hợp, định giá, thẩm định chi tiết, đàm phán và thương lượng, tìm nguồn tài trợ phù hợp... và quan trọng hơn cả là hội nhập sau sáp nhập. Việc hiểu rõ quá trình M&A, những giai đoạn quan trọng của quá trình này, cũng như nắm vững kỹ thuật định giá, các chiến thuật mua lại và chống mua lại sẽ làm gia tăng xác suất thành công của một giao dịch M&A.

Học phần này cố gắng hỗ trợ người học những kiến thức và kỹ năng cần thiết nêu trên.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

13.37b Chiến lược tài chính công ty

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Tài chính doanh nghiệp 1; Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 2

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Nhận diện được các giai đoạn trong chu kỳ sống của doanh nghiệp căn cứ vào mức độ minh bạch thông tin và tình hình dòng tiền của doanh nghiệp. Đánh giá được rủi ro kinh doanh và rủi ro tài chính gắn với các quyết định đầu tư và tài trợ của doanh nghiệp trong từng giai đoạn của chu kỳ sống của doanh nghiệp. Đưa ra được các chiến lược đầu tư, tài trợ và phân phối lợi nhuận cho từng giai đoạn trong chu kỳ sống của doanh nghiệp với mục tiêu tối đa hóa giá trị công ty.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần này trang bị các kiến thức giúp người học hiểu được chu kỳ sống của một doanh nghiệp và phân tích được dấu hiệu để nhận biết các giai đoạn trong chu kỳ sống của một doanh nghiệp, các rủi ro gắn với quyết định tài chính ứng với từng chu kỳ sống của doanh nghiệp. Học phần đồng thời cung cấp các nguyên tắc cơ bản của việc hoạch định chiến lược tài chính và nội dung hoạch định chiến lược tài chính ứng với từng giai đoạn trong chu kỳ sống với mục tiêu tối đa hóa giá trị công ty.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

Chuyên ngành: Ngân hàng

13.30 Thực hành nghề nghiệp 1

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Ngân hàng thương mại; Tài chính doanh nghiệp 1; Thị trường chứng khoán; Nguyên lý và thực hành bảo hiểm

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Giúp sinh viên biết vận dụng các kiến thức lý luận vào thực tiễn thông qua việc nghiên cứu giải quyết các vấn đề cụ thể về nghiệp vụ liên quan đến chuyên ngành. Tạo điều kiện cho sinh viên có môi trường rèn luyện, khả năng tự nghiên cứu, và thích ứng với công việc sau khi tốt nghiệp.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Sinh viên tham gia đầy đủ các hoạt động thực tiễn liên quan đến lĩnh vực tài chính- ngân hàng. Hoạt động thực hành nghề nghiệp 1 được thực hiện theo kế hoạch hợp tác của doanh nghiệp và nhà trường thông qua nhiều hình thức khác nhau như: hoạt động tham quan thực tế tại doanh nghiệp; hoặc nghiên cứu các tài liệu công bố thông qua hoạt động quan sát, tìm hiểu và tác nghiệp vào một số nghiệp vụ tài chính của doanh nghiệp. Kết thúc hoạt động này, sinh viên hoàn thành Báo cáo thực hành nghề nghiệp 1 để xác định tổng quan và nhận xét về các vấn đề như vị trí, vai trò, cơ cấu tổ chức, các sản phẩm của đơn vị,....liên quan đến doanh

ng nghiệp/ ngân hàng/ bảo hiểm/ chứng khoán hoặc các đơn vị khác có có hoạt động liên quan đến ngành Tài chính – Ngân hàng.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

13.31 Thực hành nghề nghiệp 2

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Thực hành nghề nghiệp 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần Thực hành nghề nghiệp 2, sinh viên được củng cố và đánh giá những kiến thức lý thuyết thông qua hoạt động thực tiễn liên quan đến lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng; Củng cố và đánh giá được những kiến thức lý thuyết thông qua hoạt động thực tiễn liên quan đến lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng; Vận dụng được những kiến thức đã học để có thể đánh giá các hoạt động thực tiễn; Nhận diện được các vấn đề như vị trí, vai trò, cơ cấu tổ chức, các sản phẩm của đơn vị, quy trình hoạt động, xu thế mới....liên quan đến ngành Tài chính – Ngân hàng.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Thực hành nghề nghiệp 2 là yêu cầu bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân ngành Tài chính – Ngân hàng nhằm giúp sinh viên củng cố và nhận định những kiến thức lý thuyết thông qua hoạt động thực tiễn liên quan đến lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng. Trong học phần này, sinh viên yêu cầu tham gia đầy đủ các hoạt động thực tiễn liên quan đến lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng. Hoạt động thực hành nghề nghiệp 2 được thực hiện theo kế hoạch hợp tác của doanh nghiệp và nhà trường thông qua nhiều hình thức khác nhau như: hoạt động tham quan thực tế tại doanh nghiệp; hoặc nghiên cứu các tài liệu công bố thông qua hoạt động quan sát, tìm hiểu và tác nghiệp vào một số nghiệp vụ tài chính của doanh nghiệp. Kết thúc hoạt động này, sinh viên yêu cầu hoàn thành Báo cáo thực hành nghề nghiệp 2 để nhận diện và đánh giá, so sánh các vấn đề như vị trí, vai trò, cơ cấu tổ chức, các sản phẩm của đơn vị,... liên quan đến ngành Tài chính – Ngân hàng.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

13.32 Thẩm định tín dụng

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Ngân hàng thương mại

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong môn học này, sinh viên khi làm việc tại các ngân hàng có thể thực hành các nội dung và kỹ thuật phân tích tín dụng trong thực tiễn tại các ngân hàng thương mại. Ngoài ra, sinh viên có thể vận dụng các kỹ thuật thẩm định năng lực hành vi pháp lý, năng lực tài chính đối với khách hàng cá nhân, khách hàng doanh nghiệp. Từ đó áp dụng vào việc thực hiện hoàn thiện tờ trình thẩm định tín dụng cho khách hàng của ngân hàng. Đặc biệt, sinh viên còn được trang bị các kiến thức về kỹ năng mềm trong tiếp xúc khách hàng, kỹ năng chuyên sâu về toán – tài chính trong việc thẩm định các hồ sơ mà khách hàng cung cấp.

- *Tóm tắt nội dung:* Nội dung môn học sẽ khái quát các bộ phận cấu thành và đặc điểm của thị trường ngân hàng – lĩnh vực tín dụng. Vận dụng các kiến thức được cung cấp tính toán lãi suất vay vốn, hạn mức tín dụng. Thẩm định tính xác thực và phân tích năng lực hành vi pháp lý của khách hàng. Thẩm định tính xác thực và phân tích năng lực tài chính của khách hàng. Thẩm định tính khả thi về khả năng vay vốn của phương án/ dự án sản xuất kinh doanh của khách hàng. Thực hành việc xếp hạng tín dụng cụ thể cho khách hàng trong ngân hàng. Hiểu và phân tích được các rủi ro mà ngân hàng gặp phải khi đồng ý cấp tín dụng cho khách hàng.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

13.33 Thanh toán quốc tế qua ngân hàng

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Ngân hàng thương mại

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng, xem xét bộ chứng từ theo nội dung, số loại, tính chất khác nhau tùy theo nhu cầu giao dịch quốc tế của khách hàng và đặc thù của từng phương thức thanh toán. Môn học Thanh toán quốc tế qua ngân hàng nhằm đào tạo cho sinh viên có thể trở thành các thanh toán viên của các phòng Thanh toán quốc tế tại các Ngân hàng thương mại. Ngoài ra, người học có thể đảm nhiệm các công việc liên quan đến thanh toán xuất nhập khẩu tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

- *Tóm tắt nội dung:* Học phần Thanh toán quốc tế qua ngân hàng sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức cần thiết về chứng từ giao dịch, tập quán thương mại quốc tế và các phương thức thanh toán quốc tế phổ biến hiện nay như: Phương thức chuyển tiền, Phương thức thanh toán nhờ thu, Phương thức thanh toán tín dụng chứng từ, Thanh toán biên mậu, Thanh toán phi mậu dịch, Open account, CAD. Môn học giúp sinh viên biết khái quát về nghiệp vụ ngân hàng đại lý, phân loại được bộ chứng từ tài chính, chứng từ thương mại và những rủi ro trong hoạt động thanh toán quốc tế. Nội dung mỗi chương sẽ giúp sinh viên hiểu và vận dụng linh hoạt các phương thức thanh toán quốc tế và cách thức xét duyệt tính hợp lệ của bộ chứng từ giao dịch theo từng phương thức.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

13.34 Quản trị ngân hàng

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Ngân hàng thương mại

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này sinh viên sẽ có những kiến thức liên quan đến quản trị hoạt động của một ngân hàng thương mại. Cụ thể, sinh viên hiểu và nắm bắt được các kỹ thuật quản trị ngân hàng ở các lĩnh vực như quản trị Vốn, Nợ, Tài sản, Thanh khoản, Tín dụng, Đầu tư, Kết quả hoạt động kinh doanh. Bên cạnh đó sinh viên sẽ phát triển được kỹ năng Nhận biết và phân tích, đánh giá hoạt động kinh doanh của Ngân hàng thương mại. Đặc biệt sử dụng các kỹ thuật

tiên tiến về Quản trị Ngân hàng của các nước phát triển vào thực tế hệ thống ngân hàng Việt Nam.

- *Tóm tắt nội dung:* Học phần giới thiệu tổng quan hoạt động của ngân hàng hiện đại, các xu hướng tác động đến hoạt động kinh doanh của ngân hàng cũng như các mô hình tổ chức quản trị hoạt động trong hệ thống ngân hàng. Bên cạnh đó học phần cũng sẽ trình bày nội dung các phương pháp quản trị trong hoạt động huy động vốn, quản trị vốn tự có và sự an toàn vốn, quản trị thanh khoản, quản trị hoạt động tín dụng, quản trị hoạt động đầu tư, quản trị rủi ro lãi suất.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

13.35a Quản trị rủi ro trong ngân hàng và Basel

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Ngân hàng thương mại

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:* Trang bị cho sinh viên những kiến thức về quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng nhận diện, phân tích, đo lường và kiểm soát được các rủi ro trong hoạt động của ngân hàng thương mại. Bên cạnh đó, trang bị cho sinh viên những kiến thức để biết và tuân thủ các quy định về quản lý rủi ro của pháp luật và ngân hàng thương mại trong thực hành công việc.

- *Tóm tắt nội dung:* Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết liên quan đến các nội dung về quản trị rủi ro như nhận biết, đo lường, giám sát và kiểm soát các rủi ro trong hoạt động của ngân hàng thương mại. Bên cạnh những kỹ thuật mà ngân hàng thương mại sử dụng để đánh giá, cũng như những công cụ đo lường rủi ro mà học phần Quản trị rủi ro trong ngân hàng và Basel đề cập đến, học phần cũng sẽ giới thiệu các phương pháp quản trị rủi ro theo các qui định và tiêu chuẩn của Hiệp ước Basel, đặc biệt là các khuôn khổ áp dụng đối với hệ thống ngân hàng Việt Nam.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

13.35b Xếp hạng tín dụng

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Ngân hàng thương mại

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu và vận dụng được các kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực nghiệp vụ xếp hạng tín dụng: các kiến thức cơ bản về lịch sử của hoạt động xếp hạng tín dụng trên thế giới. Từ đó, sinh viên hiểu và phân tích được quá trình phát triển hoạt động xếp hạng tín dụng, tiến trình thực hiện xếp hạng tín dụng trong ngân hàng tại Việt Nam.

- *Tóm tắt nội dung:* Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về xếp hạng tín dụng trên thế giới và có thể thực hiện xếp hạng tín dụng đối với khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp tại các ngân hàng thương mại Việt Nam. Vận dụng được các kiến thức về kỹ năng mềm trong tiếp xúc khách hàng, kỹ năng chuyên sâu về toán

– tài chính trong việc thẩm định các hồ sơ mà khách hàng cung cấp. Sinh viên phải có khả năng phân biệt được các hồ sơ thực – hồ sơ giả mạo; biết cách lấy thông tin từ bên thứ 3 và các bên liên quan đến khách hàng để gia tăng sự chính xác của biên bản xếp hạng tín dụng, từ đó giảm thiểu rủi ro trong việc cấp tín dụng tại ngân hàng.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

13.35c Ngân hàng đầu tư

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Ngân hàng thương mại

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Mục tiêu của học phần là giúp người học trang bị kiến thức nền tảng về ngân hàng đầu tư và các nghiệp vụ của ngân hàng đầu tư. Qua đó có thể tham gia làm việc tại các vị trí liên quan đến các nghiệp vụ tại các ngân hàng đầu tư như: các nghiệp vụ hỗ trợ huy động vốn, nghiệp vụ mua bán, sáp nhập doanh nghiệp, nghiệp vụ quản lý tài sản, nghiệp vụ ngân hàng bán buôn, nghiệp vụ tư vấn doanh nghiệp, nghiệp vụ môi giới.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Ngân hàng đầu tư là học phần có nội dung về nghiệp vụ của ngân hàng đầu tư. Nội dung chính của học phần là giới thiệu tổng quan về ngân hàng đầu tư và đi sâu vào các nghiệp vụ của ngân hàng đầu tư. Các nghiệp vụ được trang bị cho sinh viên bao gồm: nghiệp vụ hỗ trợ huy động vốn, nghiệp vụ mua bán, sáp nhập doanh nghiệp, nghiệp vụ quản lý tài sản, nghiệp vụ ngân hàng bán buôn, nghiệp vụ tư vấn doanh nghiệp, nghiệp vụ môi giới.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

13.36a Ngân hàng trung ương

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1; Ngân hàng thương mại

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên khi làm việc tại Ngân hàng trung ương có thể áp dụng kiến thức để thực hiện các nghiệp vụ NHTW; tham gia vào xây dựng, thực thi chính sách tiền tệ và thanh tra giám sát hoạt động ngân hàng nhằm thực hiện mục tiêu chính sách tiền tệ và ổn định hoạt động hệ thống ngân hàng. Khi làm việc tại ngân hàng thương mại, sinh viên áp dụng kiến thức vào việc thực hiện các hoạt động của NHTM để đảm bảo cho hoạt động của NHTM bám sát các quy định của NHTW.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần Ngân hàng trung ương (NHTW) là học phần chuyên ngành quan trọng trong chương trình đào tạo ngành ngân hàng; có liên quan đến các học phần Tiền tệ, thị trường tài chính ngân hàng, Ngân hàng thương mại. Học phần sẽ tập trung nghiên cứu những lý luận cơ bản về NHTW; hoạt động điều hành chính sách tiền tệ (CSTT) của NHTW cũng như các nghiệp vụ của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) Việt Nam và thực tiễn điều hành chính sách tiền tệ của NHNN Việt Nam.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

13.36b Kinh doanh ngoại hối**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1; Ngân hàng thương mại

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong môn học này, sinh viên khi làm việc tại các ngân hàng có thể thực hiện các nghiệp vụ: ngân hàng cung cấp các dịch vụ mua/bán hộ ngoại tệ cho các khách hàng xuất nhập khẩu, ngân hàng tự kinh doanh thu lợi nhuận. Khi làm việc tại các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, sinh viên có thể thực hiện các nghiệp vụ tại doanh nghiệp: đưa ra những quyết định tài chính đúng khi thực hiện mua/bán ngoại tệ; thực hiện vay/gửi ngoại tệ cũng như phòng ngừa rủi ro tỷ giá và lựa chọn đồng tiền thanh toán trong các giao dịch ngoại thương.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Kinh doanh ngoại hối là học phần sẽ khái quát cách thức tổ chức, hoạt động, các khái niệm, thuật ngữ, thông lệ giao dịch được sử dụng trên thị trường ngoại hối. Môn học sẽ tập trung nghiên cứu các khái niệm, đặc điểm, thông lệ giao dịch và ứng dụng các giao dịch kinh doanh ngoại hối vào thực tế bao gồm các giao dịch ngoại hối: giao ngay, kỳ hạn, tương lai, hoán đổi, quyền chọn.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

13.36c. Kế toán ngân hàng**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1; Ngân hàng thương mại

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Trình bày được những kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điểm, chức năng, nhiệm vụ, vai trò, nguyên tắc, tổ chức công tác kế toán, môi trường pháp lý và trình bày thông tin lên báo cáo tài chính trong lĩnh vực kế toán ngân hàng; So sánh được các đối tượng kế toán trong lĩnh vực kế toán ngân hàng; Vận dụng các nguyên tắc, phương pháp kế toán để thực hiện các quy trình kế toán cơ bản trong ngân hàng; Kiểm tra được quy trình cơ bản để xử lý nghiệp vụ kế toán đối với các tình huống được giả định trong lĩnh vực kế toán ngân hàng.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức về xử lý các nghiệp vụ phát sinh phổ biến tại các Ngân hàng thương mại như: thu, chi tiền mặt, thanh toán vốn giữa các ngân hàng, huy động vốn, cấp tín dụng, kinh doanh ngoại tệ, thanh toán quốc tế và xác định kết quả kinh doanh của ngân hàng thương mại.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

13.37a Ngân hàng quốc tế**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Ngân hàng thương mại

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu và vận dụng được các kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực nghiệp vụ ngân hàng quốc tế: Kinh doanh ngoại hối; Chuyển tiền quốc tế; Xuất khẩu và nhập khẩu ngoại tệ; Tín dụng quốc tế và đầu tư quốc tế; Nghiệp vụ ngân hàng đại lý; Tư vấn tài chính quốc tế.

- *Tóm tắt nội dung:* Trang bị cho sinh viên các kiến thức về cấu trúc tổ chức và các nguyên tắc hoạt động của các định chế ngân hàng quốc tế với vai trò trụ cột trong việc thanh toán thương mại toàn cầu cùng các chu chuyển vốn quốc tế. Các chủ đề có liên quan khác như thị trường ngoại hối liên ngân hàng quốc tế, các công cụ phái sinh sử dụng trong quản trị rủi ro ngân hàng quốc tế, phân tích rủi ro quốc gia trong hoạt động ngân hàng quốc tế cũng sẽ được giới thiệu trong môn học này.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

13.37b Kinh doanh chứng khoán trong các định chế tài chính Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Thị trường chứng khoán

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:* Mục tiêu của học phần là giúp người học trang bị kiến thức nền tảng về nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán trong các định chế tài chính. Người học có kỹ năng tính được các chỉ tiêu đo lường lợi nhuận, rủi ro của từng chứng khoán, danh mục. Có kỹ năng phân tích kinh tế vĩ mô, nắm vững đặc điểm các ngành kinh tế, phân tích và lựa chọn cổ phiếu, trái phiếu. Có kỹ năng định điểm thị trường.

- *Tóm tắt nội dung:* Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng về nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán ở các định chế tài chính. Bên cạnh việc trang bị cho người học những kiến thức về thước đo lợi nhuận, phân bổ danh mục và quản trị rủi ro, học phần đi sâu vào phân tích vĩ mô, phân tích ngành công nghiệp, phân tích công ty và lựa chọn cổ phiếu, phân tích kỹ thuật để định điểm thị trường.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

13.37c Thị trường chứng khoán phái sinh Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Thị trường chứng khoán

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể hiểu và phân tích được tổng quan về thị trường chứng khoán phái sinh trên thế giới nói chung và thị trường chứng khoán phái sinh của Việt Nam nói riêng. Ngoài ra, sinh viên có thể vận dụng được các kiến thức của học phần để tham gia giao dịch trên thị trường chứng khoán phái sinh hoặc làm việc tại các tổ chức tài chính, các công ty chứng khoán.

- *Tóm tắt nội dung:* Nội dung môn học khái quát về thị trường chứng khoán phái sinh và một số công cụ phái sinh căn bản. Môn học tập trung nghiên cứu các khái niệm, đặc điểm, kỹ thuật giao dịch, phương pháp định giá và ứng dụng của các hợp đồng chứng khoán phái sinh vào thực tiễn. Ngoài ra, các phương pháp kết hợp những

công cụ phái sinh đơn lẻ tạo thành chiến lược phòng ngừa rủi ro hoặc kinh doanh kiếm lợi nhuận cũng được đề cập trong học phần.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

Chuyên ngành: Tài chính bảo hiểm và đầu tư

13.30 Thực hành nghề nghiệp 1

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Ngân hàng thương mại; Tài chính doanh nghiệp 1; Thị trường chứng khoán; Nguyên lý và thực hành bảo hiểm

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Giúp sinh viên biết vận dụng các kiến thức lý luận vào thực tiễn thông qua việc nghiên cứu giải quyết các vấn đề cụ thể về nghiệp vụ liên quan đến chuyên ngành. Tạo điều kiện cho sinh viên có môi trường rèn luyện, khả năng tự nghiên cứu, và thích ứng với công việc sau khi tốt nghiệp.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Sinh viên tham gia đầy đủ các hoạt động thực tiễn liên quan đến lĩnh vực tài chính – ngân hàng. Hoạt động thực hành nghề nghiệp 1 được thực hiện theo kế hoạch hợp tác của doanh nghiệp và nhà trường thông qua nhiều hình thức khác nhau như: hoạt động tham quan thực tế tại doanh nghiệp; hoặc nghiên cứu các tài liệu công bố thông qua hoạt động quan sát, tìm hiểu và tác nghiệp vào một số nghiệp vụ tài chính của doanh nghiệp. Kết thúc hoạt động này, sinh viên hoàn thành Báo cáo thực hành nghề nghiệp 1 để xác định tổng quan và nhận xét về các vấn đề như vị trí, vai trò, cơ cấu tổ chức, các sản phẩm của đơn vị,....liên quan đến doanh nghiệp/ ngân hàng/ bảo hiểm/ chứng khoán hoặc các đơn vị khác có có hoạt động liên quan đến ngành Tài chính – Ngân hàng.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

13.31 Thực hành nghề nghiệp 2

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Thực hành nghề nghiệp 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần Thực hành nghề nghiệp 2, sinh viên được củng cố và đánh giá những kiến thức lý thuyết thông qua hoạt động thực tiễn liên quan đến lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng: Củng cố và đánh giá được những kiến thức lý thuyết thông qua hoạt động thực tiễn liên quan đến lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng; Vận dụng được những kiến thức đã học để có thể đánh giá các hoạt động thực tiễn; Nhận diện được các vấn đề như vị trí, vai trò, cơ cấu tổ chức, các sản phẩm của đơn vị, quy trình hoạt động, xu thế mới....liên quan đến ngành Tài chính – Ngân hàng.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Thực hành nghề nghiệp 2 là yêu cầu bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân ngành Tài chính – Ngân hàng nhằm giúp sinh viên củng cố và nhận định những kiến thức lý thuyết thông qua hoạt động thực tiễn liên quan đến lĩnh vực lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng. Trong học phần này, sinh viên yêu cầu tham gia đầy đủ các hoạt động thực tiễn liên quan đến lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng. Hoạt

động thực hành nghề nghiệp 2 được thực hiện theo kế hoạch hợp tác của doanh nghiệp và nhà trường thông qua nhiều hình thức khác nhau như: hoạt động tham quan thực tế tại doanh nghiệp; hoặc nghiên cứu các tài liệu công bố thông qua hoạt động quan sát, tìm hiểu và tác nghiệp vào một số nghiệp vụ tài chính của doanh nghiệp. Kết thúc hoạt động này, sinh viên yêu cầu hoàn thành Báo cáo thực hành nghề nghiệp 2 để nhận diện và đánh giá, so sánh các vấn đề như vị trí, vai trò, cơ cấu tổ chức, các sản phẩm của đơn vị,... liên quan đến ngành Tài chính – Ngân hàng.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

13.32 Bảo hiểm nhân thọ

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Nguyên lý và thực hành bảo hiểm

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong môn học này, sinh viên có khả năng thực hiện các nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ như dịch vụ khách hàng, thẩm định và đánh giá rủi ro, giải quyết quyền lợi bảo hiểm, tư vấn bảo hiểm tại các kênh phân phối. Ngoài ra sinh viên có thể làm việc tại bộ phận bancassurance tại các Ngân hàng thương mại; làm việc tại các tổ chức dịch vụ phụ trợ bảo hiểm.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Đây là môn học bắt buộc các sinh viên chuyên ngành bảo hiểm cần học tập và nghiên cứu. Sinh viên sẽ được trang bị các kiến thức về thị trường bảo hiểm nhân thọ, các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, hệ thống các kênh phân phối sản phẩm; Nghiệp vụ đánh giá rủi ro, giải quyết quyền lợi bảo hiểm trong bảo hiểm nhân thọ.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(R), PLO10(M)

13.33 Tài chính công ty bảo hiểm

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Tài chính doanh nghiệp 1, Nguyên lý và thực hành bảo hiểm

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong môn học này, sinh viên nắm được các kiến thức chuyên sâu về các vấn đề tài chính trong công ty bảo hiểm như: doanh thu, chi phí, lợi nhuận, phương thức quản trị nợ, hoạt động đầu tư và khả năng thanh toán, tình hình tài chính trong công ty bảo hiểm.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Đây là học phần chuyên ngành quan trọng của chuyên ngành tài chính bảo hiểm và đầu tư. Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về tài chính của công ty bảo hiểm phi nhân thọ và phi nhân thọ.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(R), PLO10(M)

13.34 Bảo hiểm phi nhân thọ

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Nguyên lý và thực hành bảo hiểm

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong môn học này, sinh viên khi làm việc tại các công ty bảo hiểm phi nhân thọ có thể thực hiện các nghiệp vụ: Bảo hiểm tài sản, Bảo hiểm kỹ thuật, bảo hiểm con người, bảo hiểm hàng hải, Bảo hiểm trách nhiệm....; Làm việc tại các tổ chức dịch vụ phụ trợ bảo hiểm. Ngoài ra có thể phụ trách kênh bancassurance tại các Ngân hàng thương mại, bộ phận quản lý rủi ro tại các doanh nghiệp.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Đây là học phần chuyên ngành quan trọng của chuyên ngành Tài chính, Bảo hiểm và Đầu tư. Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về tổng quan về hoạt động kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ; Các nghiệp vụ Bảo hiểm phi nhân thọ (BH con người, BH tài sản, BH Trách nhiệm....).

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(R), PLO10(M)

13.35a Định phí bảo hiểm

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Tài chính doanh nghiệp 1, Nguyên lý và thực hành bảo hiểm

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng trình bày tổng quan về các nguyên tắc và các cơ sở kỹ thuật tính phí sản phẩm bảo hiểm. Vận dụng tính phí bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ. Xác định các cơ sở tính dự phòng nghiệp vụ. Đánh giá khả năng thanh toán trong công ty bảo hiểm.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Định phí bảo hiểm là học phần tự chọn thuộc chuyên ngành Tài chính Bảo hiểm và Đầu tư. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về phương pháp định phí các sản phẩm bảo hiểm. Các giả định khi tính phí cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến việc định phí các sản phẩm bảo hiểm.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(R), PLO10(M)

13.35b Phân tích hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Tài chính doanh nghiệp 1, Nguyên lý thực hành bảo hiểm

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng trình bày tổng quan về phân tích kinh doanh bảo hiểm, thị trường bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm, sản phẩm bảo hiểm, kênh phân phối sản phẩm bảo hiểm, phân tích khách hàng, phân tích nguồn lực trong doanh nghiệp bảo hiểm, phân tích hoạt động kinh doanh công ty bảo hiểm.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Phân tích hoạt động kinh doanh bảo hiểm là học phần tự chọn thuộc chuyên ngành Tài chính Bảo hiểm và Đầu tư. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về phân tích hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(R), PLO10(M)

13.36a Đầu tư tài chính

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Tài chính doanh nghiệp 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này sinh viên có đủ kiến thức và kỹ năng cần thiết để ra được các quyết định đầu tư trái phiếu, cổ phiếu; thiết lập và quản lý một danh mục đầu tư tài chính.

- *Tóm tắt nội dung:* Đầu tư tài chính là học phần chuyên ngành của ngành Tài chính – Ngân hàng; trang bị những kiến thức về lý thuyết danh mục đầu tư, mô hình định giá tài sản vốn (CAPM), mô hình đa nhân tố và lý thuyết kinh doanh chênh lệch giá, môn học còn giúp người học biết định giá các tài sản tài chính, xác định mức sinh lời, rủi ro trong đầu tư, các bước xây dựng danh mục đầu tư và quản lý danh mục đầu tư tài chính.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(R), PLO10(M)

13.36b Quản lý danh mục đầu tư

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Tài chính doanh nghiệp 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này sinh viên có đủ kiến thức và kỹ năng cần thiết để ra được các quyết định đầu tư trái phiếu, cổ phiếu; thiết lập và quản lý một danh mục đầu tư.

- *Tóm tắt nội dung:* Quản lý danh mục đầu tư là học phần chuyên ngành của ngành Tài chính – Ngân hàng; trang bị những kiến thức về lý thuyết danh mục đầu tư, mô hình định giá tài sản vốn (CAPM), mô hình đa nhân tố và lý thuyết kinh doanh chênh lệch giá, môn học còn giúp người học biết định giá, phân tích cổ phiếu, trái phiếu, chứng khoán phái sinh, biết xác định mức sinh lời, rủi ro trong đầu tư, các bước xây dựng danh mục đầu tư và đánh giá, quản lý danh mục đầu tư.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(R), PLO10(M)

13.37a Quản lý khai thác và bồi thường bảo hiểm

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Nguyên lý và thực hành bảo hiểm

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong môn học này, sinh viên khi làm việc tại các công ty bảo hiểm, công ty môi giới bảo hiểm, tổ chức dịch vụ phụ trợ bảo hiểm có thể thực hiện các nghiệp vụ: đánh giá rủi ro, giám định bồi thường, chuyên viên khai thác,... Khi làm việc tại các doanh nghiệp, ngân hàng, sinh viên có thể làm việc tại các bộ phận phụ trách bảo hiểm tại các đơn vị này.

- *Tóm tắt nội dung:* Học phần này trang bị các kiến thức công tác thẩm định, đánh giá rủi ro và giám định tổn thất bồi thường trong bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(R), PLO10(M)

13.37b Tái bảo hiểm

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Nguyên lý và thực hành bảo hiểm

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:* Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức về thị trường tái bảo hiểm, các quy định pháp luật có liên quan và hoạt động của doanh nghiệp tái bảo hiểm cũng như doanh nghiệp bảo hiểm có kinh doanh nghiệp vụ tái bảo hiểm. Phân tích được một hợp đồng tái bảo hiểm và phân biệt được các hình thức và phương thức tái bảo hiểm từ đó có thể lựa chọn loại tái bảo hiểm phù hợp.

- *Tóm tắt nội dung:* Trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng về tái bảo hiểm, các phương thức tái bảo hiểm, các yêu cầu tái bảo hiểm, quy trình thu xếp tái bảo hiểm, cách thức xử lý bồi thường tùy ý, bồi thường theo hợp đồng tái bảo hiểm.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(R), PLO10(M)

Chuyên ngành Thẩm định giá

13.30 Thực hành nghề nghiệp 1

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Thẩm định giá bất động sản

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, người học có khả năng tổng hợp kiến thức lý thuyết liên quan đến thẩm định giá bất động sản một cách hệ thống, khoa học. Người học có kỹ năng thu thập, phân tích, đánh giá tình hình giá cả bất động sản đang giao dịch trên thị trường, các yếu tố tác động đến giá loại bất động sản mà người học đang nghiên cứu, kỹ năng tính toán, xử lý dữ liệu thu thập từ thị trường để sử dụng trong phân tích giá thị trường bất động sản. Từ đó, người học có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc xác định giá của tài sản cần thẩm định giá.

- *Tóm tắt nội dung:*

Học phần thực hành nghề nghiệp 1 là học phần thực hành thực tế. Học phần gồm các nội dung chính (1) hệ thống lại cơ sở lý thuyết của thẩm định giá bất động sản, (2) thu thập, tổng hợp thông tin từ thị trường bất động sản, (3) viết báo cáo phân tích, đánh giá yếu tố ảnh hưởng đến giá bất động sản nghiên cứu.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(R), PLO10(M)

13.31 Thực hành nghề nghiệp 2

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Thẩm định giá máy thiết bị

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, người học có khả năng tổng hợp các vấn đề lý thuyết liên quan đến thẩm định giá máy thiết bị một cách hệ thống, khoa học; kỹ năng thu thập thông tin từ thị trường máy thiết bị chuyên dụng, khả năng phân tích, đánh giá tình hình giá cả máy thiết bị chuyên dụng đang giao dịch trên thị trường, các yếu tố tác động đến giá loại máy thiết bị mà người học đang nghiên cứu, kỹ năng tính toán, xử lý dữ liệu thu thập từ thị trường để sử dụng trong phân tích giá thị trường máy thiết bị; người học có năng lực

tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc xác định giá của tài sản cần thẩm định giá.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần thực hành nghề nghiệp 2 là học phần thực hành thực tế, cung cấp cho sinh viên khả năng vận dụng những kiến thức đã học để phân tích, đánh giá giá máy thiết bị. Học phần gồm các nội dung chính (1) Hướng dẫn sinh viên hệ thống lại cơ sở lý thuyết của thẩm định giá máy thiết bị, (2) Hướng dẫn sinh viên thu thập, tổng hợp thông tin từ thị trường máy thiết bị, (3) Hướng dẫn sinh viên viết báo cáo phân tích, đánh giá.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(R), PLO10(M)

13.32 Pháp luật trong thẩm định giá tài sản

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Pháp luật đại cương

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, người học có kiến thức về văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực giá và thẩm định giá hiện hành tại Việt Nam. Người học có khả năng nhận diện, phân tích và đánh giá được vai trò của nhà nước trong công tác quản lý, điều tiết giá trong các lĩnh vực giá, định giá, hiệp thương giá, kê khai giá, niêm yết giá, những vấn đề quy phạm pháp luật trong lĩnh vực thẩm định giá. Người học có thái độ đúng đắn với nghề nghiệp và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp thẩm định giá.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần pháp luật trong thẩm định giá tài sản có vai trò trang bị cho sinh viên kiến thức pháp luật trong lĩnh vực giá và thẩm định giá ở Việt Nam. Trên cơ sở đó hình thành nhận thức về việc tuân thủ quy định pháp luật về giá và thẩm định giá trong quá trình học tập và công tác thẩm định giá. Học phần gồm hai nội dung chính (1) Công tác quản lý, điều tiết giá của Nhà nước và (2) Quản lý nhà nước đối với thẩm định giá.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(R), PLO10(M)

13.33 Lý thuyết giá cả thị trường

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, người học có kiến thức cơ bản về sự hình thành và vận động của giá cả thị trường trong điều kiện không gian và thời gian nhất định, gắn kết chặt chẽ với đặc điểm của thị trường và không tách rời cơ chế quản lý giá của Nhà nước. Rèn luyện cho người học kỹ năng phân tích, nhận định thị trường, thái độ học tập tích cực gắn kết ngành nghề

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Nội dung của học phần được thiết kế thành 3 phần. Phần 1 gồm có 3 chương, tập

trung vào những khái niệm cốt lõi của giá cả, cơ chế vận động và biểu hiện của giá trong nền kinh tế. Phần 2 gồm có chương 4 và 5, tập trung vào phương pháp xác định giá cả; Và phần 3 gồm chương 6 và 7, tập trung vào hoạt động quản lý giá tại doanh nghiệp và cơ chế quản lý giá của Nhà nước.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(R), PLO10(M)

13.34 Thẩm định giá bất động sản 1

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Nguyên lý thẩm định giá, Pháp luật trong thẩm định giá tài sản, Kỹ thuật bất động sản

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, người học có kiến thức về thẩm định giá bất động sản một cách toàn diện; có khả năng vận dụng phương pháp thẩm định giá để xác định giá trị bất động sản, lập được báo cáo, chứng thư thẩm định giá, có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin. Học phần giúp người học có khả năng bảo vệ quan điểm khi thẩm định giá.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về thẩm định giá bất động sản: nguyên tắc thẩm định giá, cơ sở giá trị, ba cách tiếp cận thẩm định giá cho bất động sản, kiến thức về lập báo cáo thẩm định giá.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(R), PLO10(M)

13.35 Thẩm định giá máy thiết bị

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Nguyên lý thẩm định giá, Pháp luật trong thẩm định giá tài sản

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, người học có kiến thức về thẩm định giá máy thiết, kỹ năng tạo lập báo cáo thẩm định giá máy thiết bị theo đúng quy chuẩn tại tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam hiện hành, kỹ năng thu thập, xử lý thông tin và sử dụng thông tin thị trường để ước tính giá trị máy thiết bị trong thực tế. Người học có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc xác định giá của tài sản cần thẩm định giá, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và tiêu chuẩn thẩm định giá.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần thẩm định giá máy thiết bị cung cấp cho người học kiến thức về lý thuyết và ứng dụng thực thành trong thẩm định giá máy thiết bị phù hợp với hệ thống tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam. Học phần gồm các nội dung chính (1) Kiến thức kỹ thuật về máy thiết bị và thị trường máy thiết bị, (2) Lý thuyết về thẩm định giá máy thiết bị, (3) Ứng dụng thẩm định giá máy thiết bị.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(R), PLO10(M)

13.36 Thẩm định giá doanh nghiệp

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Nguyên lý thẩm định giá, Tài chính doanh nghiệp 1, Thị trường chứng khoán

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức, kỹ năng và thái độ cơ bản về thẩm định giá trị doanh nghiệp. Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng: (1) về kiến thức: nắm được khái niệm, cơ sở giá trị, nguyên tắc, các phương pháp và cách thức thực hiện thẩm định giá doanh nghiệp; (2) Về kỹ năng: thu thập và tính toán được các chỉ số tài chính, dòng tiền giá trị doanh nghiệp, lập được báo cáo thẩm định giá doanh nghiệp; (3) Về thái độ: Có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc xác định giá của tài sản cần thẩm định giá, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và tiêu chuẩn thẩm định giá.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần trang bị cho sinh viên một cách hệ thống các kiến thức về thẩm định giá trị doanh nghiệp: cơ sở giá trị, nguyên tắc, các cách tiếp cận và phương pháp thẩm định giá. Sinh viên không chỉ được hướng dẫn ứng dụng lý thuyết để tính toán bài tập minh họa mà còn được trang bị các kỹ năng thực hành thu thập, phân tích và đánh giá môi trường kinh doanh, chỉ số tài chính của doanh nghiệp và ước tính giá trị doanh nghiệp thực tế.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(R), PLO10(M)

13.37a Thẩm định giá tài sản vô hình

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Nguyên lý thẩm định giá

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức, kỹ năng và thái độ cơ bản về thẩm định giá trị tài sản vô hình. Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng: (1) về kiến thức: sinh viên hệ thống được lý thuyết cơ bản về tài sản vô hình và thẩm định giá tài sản vô hình: khái niệm, phân loại tài sản vô hình; cơ sở pháp lý, nguyên tắc, phương pháp thẩm định giá tài sản vô hình; thẩm định giá trị tài sản vô hình trong một số tình huống cụ thể; (2) Về kỹ năng: thu thập và tính toán được giá trị của tài sản vô hình và lập báo cáo thẩm định giá; (3) Về thái độ: Có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc xác định giá của tài sản cần thẩm định giá, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và tiêu chuẩn thẩm định giá.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần thẩm định giá tài sản vô hình cung cấp kiến thức tổng quan về tài sản vô hình; giá trị tài sản vô hình trong giá trị doanh nghiệp; các cách tiếp cận thẩm định giá tài

sản vô hình; ứng dụng phương pháp thẩm định giá tài sản vô hình cho một số tài sản cụ thể. Bên cạnh đó sinh viên còn được thực hành nghiên cứu đánh giá sức mạnh thương hiệu; thu thập và phân tích các tham số tài chính, thị trường có liên quan để xác định giá trị tài sản vô hình theo một số mô hình cụ thể.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(R), PLO10(M)

13.37b Thẩm định giá nguồn tài nguyên

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Nguyên lý thẩm định giá

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần cung cấp kiến thức chuyên sâu về thẩm định giá nguồn tài nguyên thiên nhiên như khoáng sản, rừng, biển; các phương pháp thẩm định giá nguồn tài nguyên khác nhau. Các kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá, xử lý dữ liệu và thông tin phục vụ cho công việc thẩm định giá nguồn tài nguyên thiên nhiên cụ thể là khoáng sản, rừng, biển), kỹ năng lập quy trình và báo cáo thẩm định giá một nguồn tài nguyên thiên nhiên cụ thể. Học phần giúp người học rèn luyện khả năng trình bày ý kiến, lập luận, tư vấn.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Thẩm định giá nguồn tài nguyên nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức có thể thẩm định giá một nguồn tài nguyên cụ thể như nguồn tài nguyên khoáng sản, nguồn tài nguyên rừng, nguồn tài nguyên biển cho các mục đích khác nhau. Nội dung học phần cung cấp kiến thức giúp người học có thể xác định đặc điểm cụ thể của các nguồn tài nguyên khoáng sản, rừng, biển đến việc xây dựng một quy trình thẩm định giá cụ thể, xác định cơ sở giá trị của thẩm định giá, các nguyên tắc thẩm định giá áp dụng, phương pháp thẩm định giá phù hợp. Người học thực hành áp dụng một trong các phương pháp để định giá nguồn tài nguyên đơn giản và trên cơ sở đó có thể lập một báo cáo thẩm định giá.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(R), PLO10(M)

Chuyên ngành: Tài chính công

13.30 Thực hành nghề nghiệp 1

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Tài chính công

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần này trang bị cho sinh viên những trải nghiệm thực tiễn thông qua quá trình cọ sát với thực tế để sinh viên có được sự chuẩn bị cho việc bắt đầu một nghề nghiệp trong tương lai. Sinh viên sau khi hoàn thành môn học này sẽ có khả năng khái quát được nghề nghiệp của mình trong lĩnh vực được đào tạo và nhận diện các vị trí việc làm phù hợp trong hệ thống các đơn vị công. Bên cạnh đó, sinh viên thông qua quá trình thực hành nghề nghiệp tại đơn vị sẽ rèn luyện được các kỹ năng mềm cần thiết như: Kỹ năng tư duy, Khả năng làm việc độc lập, tinh thần làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề và kỹ năng giao

tiếp hiệu quả trong công việc. Sinh viên cũng bước đầu hình thành tác phong làm việc chuyên nghiệp.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Thực hành nghề nghiệp 1 chú trọng các nội dung sau đây: Tìm hiểu chung về đơn vị; Quan sát, theo dõi và mô tả hoạt động của đơn vị; So sánh sự vận hành của một đơn vị trên thực tế với kiến thức đã học; Định hướng nghề nghiệp cho bản thân.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

13.31 Thực hành nghề nghiệp 2

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Thực hành nghề nghiệp 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Tiếp theo những gì đã đạt được ở học phần “Thực hành nghề nghiệp 1”, Học phần này trang bị cho sinh viên những trải nghiệm ở mức chuyên môn sâu hơn. Dưới sự hướng dẫn của giảng viên và người hướng dẫn tại đơn vị, sinh viên có thể mô phỏng được quá trình thực hiện các nghiệp vụ/công tác chuyên môn ở bộ phận/vị trí mình thực hành, từ đó rút ra những yêu cầu cả về kiến thức lẫn kỹ năng và thái độ cần trang bị khi thực sự làm việc tại vị trí đó.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Thực hành nghề nghiệp 2 tập trung vào các nội dung sau đây: Quan sát, mô tả các nghiệp vụ/công tác chuyên môn ở bộ phận mình đang thực hành; Mô phỏng quá trình, quy trình thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn đó; Tìm hiểu điều kiện cần và đủ về kiến thức, kỹ năng, thái độ khi thực hiện công tác/nghề nghiệp chuyên môn tại cơ quan, đơn vị; So sánh với kiến thức đã học, rút ra những điều cần bổ sung.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

13.32 Quản lý Ngân sách Nhà nước

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Tài chính công

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên ngành liên quan đến vai trò của chính phủ trong việc đảm bảo cho xã hội công bằng và ổn định, cũng như mối quan hệ giữa các cấp ngân sách trong hệ thống ngân sách nhà nước (NSNN). Ngoài ra, học phần cũng trang bị cho sinh viên những kiến thức về vai trò, đặc điểm của các định chế tài chính công ngoài ngân sách. Sinh viên có thể phân tích được tác động của thu và chi ngân sách đến việc ổn định và phát triển kinh tế. Bên cạnh đó, sinh viên có thể đánh giá được các biện pháp tài trợ thâm hụt ngân sách mà chính phủ lựa chọn trên nhiều góc độ khác nhau.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, trang bị cho sinh viên chuyên ngành Tài chính công những kiến thức về quản lý ngân sách nhà nước – quỹ tài chính công cơ bản. Nội dung chính của học phần bao gồm: phạm vi và tác động thu, chi NSNN các cấp chính quyền; sự phân cấp ngân sách và mối quan hệ ngân sách giữa chính quyền các cấp; các trạng thái cân đối ngân sách và biện pháp tài trợ thâm hụt.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

13.33 Hoạch định Ngân sách Nhà nước

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Tài chính công, Quản lý NSNN

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức để nhận định và so sánh các phương pháp soạn lập ngân sách cũng như trang bị cho sinh viên kiến thức về soạn lập ngân sách trung hạn. Lượng kiến thức này, kết hợp với các kỹ năng cần thiết, giúp sinh viên có thể áp dụng ngay vào công việc đúng chuyên ngành khi tốt nghiệp.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần hoạch định ngân sách nhà nước tập trung xoay quanh các vấn đề chuyên sâu về lập ngân sách: Lập ngân sách theo công việc so sánh với quản lý chi tiêu công và lập ngân sách theo kết quả. Cơ sở lý thuyết và thực hành lập ngân sách trung hạn với những thí điểm ở Việt Nam. Ngoài ra, học phần còn cung cấp những kiến thức và kỹ năng về quản lý các quỹ tài chính công.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

13.34 Quản lý tài chính các đơn vị công

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Quản lý NSNN

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên môn giúp sinh viên hiểu đúng và có hệ thống những nội dung cơ bản của cơ chế quản lý tài chính tại các đơn vị sử dụng kinh phí NSNN ở các lĩnh vực hành chính sự nghiệp như cơ quan quản lý nhà nước, sự nghiệp giáo dục đào tạo, y tế, TDTT, khoa học công nghệ, văn hoá thông tin... và thực hành các nghiệp vụ cơ bản về quản lý tài chính của các đơn vị sử dụng kinh phí ngân sách trong các lĩnh vực hành chính sự nghiệp.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần dành cho sinh viên chuyên ngành Tài chính công với nội dung nghiên cứu gồm: Vị trí vai trò các đơn vị công, cơ chế quản lý tài chính, phương pháp lập dự toán tài chính, xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, các quy định về quản lý, sử dụng tài sản ở đơn vị công.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

13.35 Kế toán hành chính sự nghiệp

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Nguyên lý kế toán, Kế toán tài chính 1, Quản lý NSNN

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần trang bị cho sinh viên những khái niệm, đặc điểm, nhiệm vụ, môi trường pháp lý, tổ chức công tác kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp; Sinh viên có thể vận dụng các phương pháp và nguyên tắc kế toán để thực hiện được quy trình kế toán trong các đơn vị hành chính sự nghiệp; So sánh được phương pháp kế toán các nghiệp vụ kinh tế cơ bản trong các đơn vị hành chính sự nghiệp với các doanh nghiệp; Kiểm tra được việc ghi sổ và trình bày thông tin lên báo cáo kế toán.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức về công tác kế toán tại các đơn vị hành chính nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, các tổ chức chính trị, xã hội có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước và không sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước; giúp người học so sánh được công việc kế toán tại đơn vị hành chính sự nghiệp và kế toán tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, từ đó vận dụng tốt công việc kế toán trong mọi lĩnh vực kinh tế, đời sống xã hội.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

13.36a Thẩm định đầu tư công

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Tài chính công

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể: (i) Nhận biết được các khái niệm và các công cụ liên quan tới thẩm định dự án khu vực công, (ii) Nắm vững và thực hiện hoạt động thẩm định một dự án công độc lập, (iii) Hệ thống lại kiến thức của học phần trong tổng thể chung của khối kiến thức liên quan tới khu vực công.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Nội dung của học phần bao gồm: Tổng quan về thẩm định dự án đầu tư khu vực công; Đánh giá hiệu quả tài chính; Phân tích kinh tế trong các điều kiện biến dạng của thị trường; Phân tích chi phí – lợi ích; Phân tích chi phí cơ hội của vốn và lao động; Xử lý các vấn đề khác khi thẩm định dự án công.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

13.36b Phân tích lợi ích và chi phí trong đầu tư công

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Tài chính công

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về phân tích lợi ích và chi phí, làm cơ sở cho các quyết định của khu vực công.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần bắt đầu bằng việc xác định mục tiêu kinh tế và tổ chức lựa chọn giữa các phương án khác nhau. Cơ sở của lựa chọn nằm ở chỗ nhận dạng các lợi ích và chi phí phát sinh từ lựa chọn. Các vấn đề tiếp theo là xác định lợi ích hay chi phí trong các tình huống khác nhau: khi thị trường là hoàn hảo hay không hoàn hảo và ngay cả khi thị trường không tồn tại. Phần cuối của học phần nghiên cứu sự tác động của thời gian và những cơ sở để ra quyết định của chính phủ.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

13.37a Nhập môn quản trị công

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Tài chính công

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết để sinh viên có thể nhận biết được các khái niệm và vấn đề liên quan tới lĩnh vực quản trị của chính phủ đối với công việc chung của xã hội; nắm vững và tái hiện lại theo ngôn ngữ riêng các quy luật vận động của hoạt động quản trị công; hệ thống lại kiến thức của học phần trong tổng thể chung của khối kiến thức liên quan tới khu vực công; và có thể đánh giá về tình trạng quản trị công trong thực tiễn.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần này thuộc khối kiến thức chuyên ngành tài chính công, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị trong khu vực công.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

13.37b Quản lý nhà nước về tài chính

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Tài chính công

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể thông hiểu cơ chế quản lý tài chính ở đơn vị công cụ thể, có khả năng đọc hiểu được các văn bản pháp luật có liên quan, có thể vận dụng phương pháp lập dự toán tài chính và xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ ở đơn vị sự nghiệp hoặc/và thông hiểu việc quản lý và sử dụng tài sản nhà nước ở đơn vị công, các quy định về quản lý, mua sắm tài sản ở đơn vị công.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài chính; đây cũng là một phần trong chương trình ôn tập, bồi dưỡng và thi tuyển công chức hàng năm của ngành tài chính nói riêng và của khu vực công nói chung.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

Chuyên ngành: Thuế

13.30 Thực hành nghề nghiệp 1

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Thuế 1, 2

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Giúp sinh viên biết vận dụng các kiến thức lý luận vào thực tiễn thông qua việc nghiên cứu giải quyết các vấn đề cụ thể về nghiệp vụ liên quan đến chuyên ngành. Tạo điều kiện cho sinh viên có môi trường rèn luyện, khả năng tự nghiên cứu, và thích ứng với công việc sau khi tốt nghiệp.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Sinh viên tham gia đầy đủ các hoạt động thực tiễn liên quan đến lĩnh vực thuế. Hoạt động thực hành nghề nghiệp 1 được thực hiện theo kế hoạch nhà trường thông qua hình thức hoạt động tham quan thực tế tại tổ chức/doanh nghiệp; Kết thúc hoạt động này, sinh viên hoàn thành Báo cáo thực hành nghề nghiệp 1 để xác định tổng quan và nhận xét về các vấn đề như vị trí, vai trò, cơ cấu tổ chức, các loại thuế và thủ tục về thuế liên quan đến Doanh nghiệp/tổ chức.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

13.31 Thực hành nghề nghiệp 2

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Thực hành nghề nghiệp 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần Thực hành nghề nghiệp 2, sinh viên được củng cố và đánh giá những kiến thức lý thuyết thông qua hoạt động thực tiễn liên quan đến lĩnh vực thuế; Vận dụng được những kiến thức đã học để có thể đánh giá các hoạt động thực tiễn; Nhận diện được các vấn đề như vị trí, vai trò, cơ cấu tổ chức, các khía cạnh liên quan đến thuế của các tổ chức/doanh nghiệp.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Thực hành nghề nghiệp 2 là yêu cầu bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân ngành Thuế. Trong học phần này, sinh viên yêu cầu tham gia đầy đủ các hoạt động thực tiễn liên quan đến lĩnh vực thuế. Hoạt động thực hành nghề nghiệp 2 được thực hiện theo kế hoạch nhà trường. Kết thúc hoạt động này, sinh viên được yêu cầu hoàn thành Báo cáo

thực hành nghề nghiệp 2 để nhận diện và đánh giá, so sánh các vấn đề như vị trí, vai trò, cơ cấu tổ chức, các thủ tục về thuế liên quan đến Tổ chức/doanh nghiệp.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

13.32 Lý thuyết thuế

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước:

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản tổng quan chung về thuế: khái niệm, phân loại, chức năng của thuế, các tiêu chí để xây dựng hệ thống thuế hiện đại; Các yếu tố cơ bản cấu thành một sắc thuế; Học phần còn cung cấp cho sinh viên hiểu rõ Bộ máy tổ chức cơ quan thuế. Sinh viên có thể vận dụng các nguyên tắc, các kiến thức cơ bản về các sắc thuế để tính toán được các khoản thuế phải nộp; Vận dụng các phương pháp tính của các sắc thuế để làm bài tập, giải quyết các tình huống và làm cơ sở để nghiên cứu sâu hơn khi đi vào chuyên ngành thuế.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần gồm những kiến thức cơ bản về thuế nói chung và hệ thống thuế của Việt Nam nói riêng như: Các kiến thức gồm khái niệm và đặc điểm của thuế, cơ sở thuế, thuế suất và cấu trúc thuế suất, phân loại thuế, các kiến thức và các nguyên tắc cơ bản về thuế thu nhập, thuế tiêu dùng, thuế tài sản, phí, lệ phí; Bộ máy tổ chức cơ quan thuế; Kinh nghiệm thuế các nước; Xu hướng điều chỉnh thuế của nhà nước trong nền kinh tế hội nhập.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

13.33 Thuế 2 (Thuế tiêu dùng)

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Lý thuyết thuế

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng lý luận và phân tích tốt các chính sách pháp luật về thuế tiêu dùng hiện hành. Sinh viên vận dụng tốt các nghiệp vụ xác định thuế phải nộp, số thuế được miễn, hoàn, khấu trừ đúng luật định.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần gồm những kiến thức chuyên sâu về thuế tiêu dùng trong hệ thống thuế của Việt Nam như: thuế GTGT, TTĐB, XNK, BVMT. Giúp người học hiểu rõ bản chất, đặc điểm, vai trò của từng sắc thuế trên cũng như tính toán chính xác thuế, kê khai thuế, khấu trừ thuế, hoàn thuế...của các sắc thuế này.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

13.34 Thuế 3 (Thuế thu nhập)

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Lý thuyết thuế

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể trình bày được những kiến thức chuyên ngành về các loại thuế thu nhập trong hệ thống thuế của Việt Nam (thuế thu nhập cá nhân, thu nhập doanh nghiệp). Đồng thời sinh viên có thể xác định, tính toán chính xác các sắc thuế này; phân tích được vai trò của chúng trong nền kinh tế cũng như tác động, ảnh hưởng của nó đến kết quả kinh doanh của một thực thể vi mô là các tổ chức, doanh nghiệp.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần tập trung xoay quanh các vấn đề những kiến thức chuyên sâu về thuế thu nhập trong hệ thống thuế của Việt Nam gồm thuế thu nhập cá nhân và thu nhập doanh nghiệp. Các nội dung trong từng sắc thuế như: bản chất, đặc điểm, vai trò của thuế, phương pháp tính thuế, kê khai thuế, quyết toán, hoàn thuế.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

13.35 Thuế quốc tế

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Thuế 2

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu rõ thuế trong các hình thức liên kết kinh tế quốc tế, Các yếu tố cơ bản ảnh hưởng tới chính sách thuế của Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế; Ngoài ra sinh viên có thể tính toán và trình bày được phương pháp tính thuế các sắc thuế đối với nhà thầu và nhà thầu phụ ở Việt Nam hiện nay; các khoản thuế phải nộp khi có Hiệp định tránh đánh thuế 2 lần; các khoản thuế phải nộp khi áp dụng các biện pháp chống chuyển giá... Vận dụng để làm bài tập, làm các tình huống để ứng dụng vào thực tế.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần gồm những kiến thức cơ bản về thuế quốc tế như: Đặc điểm, nguyên tắc của thuế quốc tế; Hiệp định thuế và nội dung cơ bản của Hiệp định tránh đánh thuế hai lần; khái quát chung về chuyển giá quốc tế, thiên đường thuế; chuyển giá quốc tế tại Việt Nam và biện pháp chống chuyển giá; các nội dung cơ bản về thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M).

13.36a Quản lý thuế

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Thuế 2

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu rõ các thủ tục hành chính thuế gồm: đăng ký, kê khai, điều chỉnh, quyết toán và hoàn thuế của một số sắc thuế quan trọng (thuế Giá trị gia tăng, thuế Thu nhập doanh nghiệp, thuế Thu nhập cá nhân, thuế Xuất khẩu – Nhập khẩu cũng như một số khoản phải nộp khác); sinh viên thực hành và tính toán kê khai, điều chỉnh, và nộp thuế của một số sắc thuế quan trọng.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức về quản lý thuế, cụ thể về thủ tục hành chính thuế gồm: đăng ký, kê khai, quyết toán, nộp thuế và hoàn thuế của một số sắc thuế quan trọng..., quy trình giám sát thuế (thanh tra, kiểm tra thuế, giám sát gian lận thuế...), quy trình phát hiện và xử lý vi phạm thuế, thủ tục khiếu nại, tố cáo về thuế.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M).

13.36b Quản lý Nhà nước về tài chính

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Tài chính công

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể thông hiểu cơ chế quản lý tài chính ở đơn vị công cụ thể, có khả năng đọc hiểu được các văn bản pháp luật có liên quan; Vận dụng phương pháp lập dự toán tài chính và xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ ở đơn vị sự nghiệp; Thông hiểu việc quản lý và sử dụng tài sản nhà nước ở đơn vị công, các quy định về quản lý, mua sắm tài sản ở đơn vị công.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài chính; đây cũng là một phần trong chương trình ôn tập, bồi dưỡng và thi tuyển công chức hàng năm của ngành tài chính nói riêng và của khu vực công nói chung.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

13.37a Phân tích chính sách thuế

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Thuế 2

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức chuyên sâu về thuế như: Các học thuyết thuế, tác động từng phần của thuế, tác động tổng thể của thuế, đường cong Laffer, khả năng thụ thuế; Đặc điểm của thuế hàng hóa, dịch vụ, tính co giãn của đường cầu, tính co giãn của đường cung, số thuế thu được và mất mát vô ích, suất bảo hộ hiệu dụng, thuế và lạm phát; Lá chắn thuế – lãi vay, khấu hao và thuế, tính trung lập thuế. Thuế tài sản, ngoại tác và sự can thiệp chính phủ, cơ chế của Pigovian Tax; Các kiến thức về một số thuế đặc thù (Thuế Tobin, Thuế Ramsey, Thuế Edgeworth...): định giá chuyển giao, phân tích tuân thủ,

cải cách thuế, hướng đến một chế độ thuế hiệu lực.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần cung cấp cho sinh viên chuyên ngành Thuế nội dung nghiên cứu gồm: Những kiến thức về chính sách thuế; phân tích và đánh giá tác động của chính sách thuế đối với hoạt động chung của nền kinh tế, bao gồm việc hoạch định chính sách thuế của chính phủ, hoạt động quản trị thuế tại doanh nghiệp, và ảnh hưởng của chính sách thuế đến thu nhập và tài sản của cá nhân.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M).

13.37b Phân tích tài chính doanh nghiệp

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Tài chính doanh nghiệp 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên sẽ hiểu được mục tiêu, nội dung và các phương pháp phân tích tài chính doanh nghiệp; Hiểu được kết cấu, nội dung và mối liên hệ giữa các báo cáo tài chính; Phân tích được tình hình huy động vốn và sử dụng vốn; Phân tích được tình hình biến động tài sản và nguồn vốn; Phân tích được khả năng thanh toán; Phân tích được kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và các nhân tố ảnh hưởng; Phân tích được hiệu quả sử dụng tài sản và vốn; Phân tích được tình hình lưu chuyển tiền tệ và khả năng tạo tiền; Phân tích được rủi ro đối với doanh nghiệp; Dự báo được tài chính doanh nghiệp.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Môn Phân tích tài chính doanh nghiệp cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản nhất về phân tích tài chính và các điều kiện để ra quyết định sau phân tích tài chính. Nội dung chính của học phần tập trung giới thiệu các kiến thức và kỹ năng, phương pháp phân tích tài chính trên góc độ nhà quản trị tài chính doanh nghiệp, tập trung vào 3 hoạt động tài chính cơ bản của doanh nghiệp: Hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động đầu tư. Học phần cũng cung cấp hệ thống các chỉ tiêu tài chính được sử dụng để phân tích bao gồm: Chỉ tiêu phản ánh khả năng thanh toán, hiệu suất hoạt động, khả năng cân đối vốn và khả năng sinh lời. Từ các kết quả phân tích tài chính, trên góc độ nhà quản trị tài chính doanh nghiệp, học phần cũng hướng dẫn cách thức đề xuất các giải pháp giúp doanh nghiệp cải thiện tình hình tài chính, từ đó, xây dựng kế hoạch tài chính ngắn hạn và dự báo BCTC.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

Chuyên ngành: Hải quan - Xuất nhập khẩu

13.30 Thực hành nghề nghiệp 1

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Phân loại và xuất xứ hàng hóa XNK; Trị giá hải quan

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần này giúp sinh viên trải nghiệm thực tế, có được sự chuẩn bị cho việc bắt đầu một nghề nghiệp trong tương lai. Mục tiêu của học phần thực hành nghề nghiệp 1 là tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội tiếp xúc với thực tế, rèn luyện khả năng tư duy thích ứng với công việc trong môi trường thực tế. Sinh viên sẽ hình thành tác phong, có kỹ năng làm việc chuyên nghiệp, khả năng làm việc độc lập, tinh thần làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề và kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong công việc.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Thực hành nghề nghiệp 1 chú trọng các nội dung sau đây: Tìm hiểu chung về đơn vị; Quan sát, theo dõi và mô tả hoạt động của đơn vị; So sánh sự vận hành của một đơn vị trên thực tế với kiến thức đã học; Định hướng nghề nghiệp cho bản thân.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

13.31 Thực hành nghề nghiệp 2

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Thủ tục hải quan

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Thực hành nghề nghiệp 2 là quá trình trải nghiệm với thực tế để sinh viên sau khi đã học một phần kiến thức chuyên ngành và sẽ thực hiện kiểm chứng trong môi trường thực tế. Mục tiêu của học phần thực hành nghề nghiệp 2 là tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội tiếp xúc với thực tế, rèn luyện khả năng tư duy thích ứng với công việc trong môi trường thực tế. Sinh viên sẽ hình thành tác phong, có kỹ năng làm việc chuyên nghiệp, khả năng làm việc độc lập, tinh thần làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề và kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong công việc.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần thực hành nghề nghiệp 2 tập trung vào các nội dung sau đây: Quan sát, mô tả các nghiệp vụ/công tác chuyên môn ở bộ phận mình đang thực hành; Mô phỏng quá trình, quy trình thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn đó; Tìm hiểu điều kiện cần và đủ về kiến thức, kỹ năng, thái độ khi thực hiện công tác/ng nghiệp vụ chuyên môn tại cơ quan, đơn vị; So sánh với kiến thức đã học, rút ra những điều cần bổ sung.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

13.32 Phân loại và xuất xứ hàng hóa xuất nhập khẩu

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước:

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ phân loại hàng hóa. Trang bị những kiến thức cơ bản về hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa,

cách áp mã hàng hóa theo hệ thống hài hòa (HS), các quy tắc phân loại hàng hóa của tổ chức Hải quan thế giới, phương pháp phân loại hàng hóa theo Danh mục và Biểu thuế XNK của Việt Nam; Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về xuất xứ hàng hóa. Giới thiệu các khái niệm, vai trò của xuất xứ, các quy tắc xuất xứ không ưu đãi theo quy định của pháp luật Việt Nam, quy tắc xuất xứ theo chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập, Quy tắc xuất của các hiệp định FTA mà Việt Nam là thành viên làm nền tảng ban đầu cho việc nghiên cứu và học tập các môn học chuyên ngành.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần bao gồm: Giới thiệu tổng quan về công ước HS, giới thiệu nội dung các qui tắc chung giải thích việc phân loại hàng hóa; Nội dung qui định việc phân loại hàng hóa theo danh mục và biểu thuế XNK Việt Nam; Giới thiệu kiến thức chung về xuất xứ hàng hóa, qui tắc xuất xứ hàng hóa không ưu đãi, qui tắc xuất xứ hàng hóa ưu đãi trong các FTA mà Việt Nam là thành viên.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

13.33 Trị giá hải quan

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước:

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần này trang bị cho sinh viên nguyên tắc và các phương pháp xác định trị giá tính thuế cho hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo qui định pháp lý; Qui định về quản lý giá tính thuế của cơ quan Hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần gồm 7 chương : Nội dung bao gồm các nguyên tắc xác định giá tính thuế cho hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Nội dung 6 phương pháp xác định trị giá tính thuế cho hàng hóa nhập khẩu theo qui định hiệp định trị giá GATT và các qui định pháp lý của Việt Nam.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

13.34 Thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Phân loại và xuất xứ hàng hóa xuất nhập khẩu; Trị giá hải quan

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các loại thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; chính sách quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của Việt Nam hiện hành.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần bao gồm các nội dung: tổng quan về thuế và các khoản thu khác trong ngành

hải quan, Kiến thức về thuế xuất khẩu, nhập khẩu, thuế TTĐB, Thuế BVMT, thuế GTGT đối với hàng hóa XNK như khái niệm, vai trò, những đối tượng phải chịu thuế, đối tượng được miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

13.35 Thủ tục hải quan

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Phân loại và xuất xứ hàng hóa xuất nhập khẩu; Trị giá hải quan; Thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về thủ tục hải quan như các khái niệm, vai trò, cơ sở pháp lý về thủ tục, những quy định của pháp luật Việt Nam, những hiệp định và công ước quốc tế có liên quan đến thủ tục hải quan. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thủ tục hải quan bao gồm: khái niệm, chế độ thủ tục khai báo, nguyên tắc khai báo, trách nhiệm người khai báo hải quan. Phân biệt quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu theo loại hình kinh doanh, sản xuất xuất khẩu, gia công, tạm nhập – tái xuất, tạm xuất tái nhập, xuất nhập khẩu tại chỗ và các loại hình khác.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần bao gồm 4 chương; giảng dạy cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về thủ tục hải quan. Các kiến thức về nguyên tắc khai báo hải quan, trách nhiệm người khai báo hải quan, cũng như các cách thức khai hải quan khác nhau như: khai hải quan bằng giấy và khai hải điện tử cho các loại hình xuất nhập khẩu. Học phần cũng như trang bị cho sinh viên nắm vững quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, gia công, sản xuất xuất khẩu, tạm nhập – tái xuất, xuất nhập khẩu tại chỗ và các loại hình khác.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

13.36a Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước:

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần này trang bị cho sinh viên một cách khái quát về quyền sở hữu trí tuệ, cách thức xác lập và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ nói chung và trong lĩnh vực hải quan, lĩnh vực xuất nhập khẩu.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần này bao gồm: lý luận chung về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, Khái niệm về các quyền sở hữu trí tuệ, cơ sở pháp lý quốc tế qui định về quyền sở hữu trí tuệ, nội dung bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực hải quan, xử lý vi phạm về quyền sở hữu trí tuệ.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

13.36b Quản trị xuất nhập khẩu

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước:

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần này trang bị cho sinh viên các phương thức giao dịch chủ yếu trong thương mại quốc tế; Các điều kiện thương mại quốc tế; Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế và các điều khoản trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế; Các phương thức đàm phán được sử dụng chủ yếu trong đàm phán hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế; Quy trình tổ chức thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế. Sinh viên có khả năng vận dụng những kiến thức trên để: Phân tích, soạn thảo các điều khoản trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế; Phân tích, giải thích, hoạch định cũng như dự báo các vấn đề phát sinh trong quá trình đàm phán cũng như tổ chức thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Quản trị xuất nhập khẩu liên quan với các học phần khác trong chuyên ngành đào tạo, cung cấp những kiến thức cơ bản, cần thiết về xuất nhập khẩu, bao gồm: Các phương thức giao dịch chủ yếu trong thương mại quốc tế; Các điều kiện thương mại quốc tế; Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế; Các kiến thức cơ bản về đàm phán hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế; Tổ chức thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

13.37a Kiểm soát hải quan

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước:

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động kiểm soát hải quan trong phòng chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần bao gồm 05 chương; giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kiểm soát Hải quan. Học phần giúp sinh viên tiếp cận, hiểu nghiệp vụ kiểm soát của cơ quan Hải quan với những biện pháp nghiệp vụ đặt thù trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

13.37b Chính sách quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước:

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần này trang bị cho sinh viên những nội dung khái quát nhất, những vấn đề căn bản nhất trong chính sách quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu ở Việt Nam và một số thông lệ quốc tế qui định về hàng rào kỹ thuật hiện nay, nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, tạo thông thoáng cho thương mại quốc tế.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần bao gồm 05 chương giới thiệu cho sinh viên những kiến thức từ tổng quát đến chuyên sâu về chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của Việt Nam; các nguyên tắc quản lý hàng hóa thuộc những danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu và hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép hoặc quản lý chuyên ngành; Các thông lệ quốc tế liên quan đến việc thiết lập một hàng rào phi thuế quan để quản lý hàng xuất nhập khẩu tại các nước thành viên. Học phần giúp sinh viên nắm vững và hiểu rõ chính sách quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu của Việt Nam; hiểu về các qui định quốc tế liên quan đến hệ thống hàng rào phi thuế quan. Kiến thức học phần sẽ tạo nền tảng để sinh viên nhận thức và có kỹ năng thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về chính sách quản lý hàng hóa qua biên giới.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

Kiến thức bổ trợ ngành:

Nhóm 1: Chọn 1 trong 7 học phần sau

13.38a Tài chính hành vi

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Tài chính doanh nghiệp 1, 2

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Tài chính hành vi là học phần quan trọng của ngành Tài chính - Ngân hàng. Nội dung học phần khái quát được các kiến thức lý thuyết và thực tiễn liên quan đến tài chính hành vi để giúp sinh viên có thể ứng dụng tâm lý học vào việc giải thích các hành vi tài chính của nhà đầu tư và phân tích các lệch lạc trong quyết định của nhà đầu tư, phân tích tài chính hành vi trong quản trị doanh nghiệp.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần cũng giới thiệu tổng quan về tài chính chuẩn tắc, phân tích các hiệu ứng tâm lý học, lý thuyết hữu dụng kỳ vọng, lý thuyết triển vọng và thị trường hiệu quả giúp sinh viên hiểu được các lý thuyết nền tảng của tài chính hành vi. Thêm vào đó, sinh viên sẽ được đọc hiểu và trao đổi, thảo luận nhiều bài nghiên cứu đã công bố ở trong nước và ngoài nước về lĩnh vực tài chính hành vi, giúp sinh viên củng cố kiến thức đã học và phát triển khả năng nghiên cứu về lĩnh vực tài chính hành vi.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO03(R), PLO07(R), PLO09(M)

13.38b Phân tích hoạt động kinh doanh ngân hàng

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Ngân hàng thương mại

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể ứng dụng các chỉ số định tính và định lượng được sử dụng rộng rãi trong việc đánh giá hoạt động ngân hàng; sử dụng hiệu quả các báo cáo tài chính trong quá trình phân tích và đánh giá hoạt động kinh doanh ngân hàng; sử dụng các công cụ phân tích các báo cáo tài chính nhằm đưa ra những giải pháp hữu hiệu nhất đối với từng lĩnh vực hoạt động của ngân hàng.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Phân tích hoạt động kinh doanh ngân hàng cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản và kiến thức sâu rộng hoạt động kinh doanh của ngành ngân hàng: phân tích chiến lược phát triển sản phẩm, dịch vụ trọng yếu của ngân hàng; các báo cáo tài chính hoạt động kinh doanh của ngân hàng; phân tích tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh ngân hàng; phân tích rủi ro trong hoạt động kinh doanh và hoạch định chiến lược kinh doanh của ngân hàng.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO03(R), PLO07(R), PLO09(M)

13.38c Quản trị rủi ro các định chế tài chính

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1 và Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 2

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên khi làm việc tại các định chế tài chính có thể thực hiện các nghiệp vụ: quản trị rủi ro lãi suất, quản trị rủi ro hối đoái, quản trị rủi ro thanh khoản, quản trị rủi ro tín dụng, quản trị chất lượng nguồn vốn và vốn chủ sở hữu.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Quản trị rủi ro các định chế tài chính là học phần chuyên ngành quan trọng của ngành Tài chính Bảo hiểm và Đầu tư. Học phần tập trung nghiên cứu kiến thức chung về các định chế tài chính trung gian, rủi ro và quản trị rủi ro trong các định chế tài chính trung gian như ngân hàng, công ty bảo hiểm, công ty tài chính, công ty chứng khoán....

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO03(R), PLO07(R), PLO09(M)

13.38d Nhập môn chính sách công

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước:

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về các chính sách công, nhằm giúp sinh viên có khả năng và kỹ năng đánh giá, phân tích các chính sách

công một cách đa chiều. học phần còn góp phần trang bị thêm cho sinh viên tư duy phân tích và ra quyết định thông qua việc phát hiện và giải quyết vấn đề chung của xã hội.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về chính sách công, Chính sách công trong nền kinh tế thị trường, quá trình hoạch định chính sách và tổ chức, thực thi chính sách công.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO03(R), PLO07(R), PLO09(M)

13.38e Thẩm định giá bất động sản 2

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Thẩm định giá bất động sản 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần này cung cấp cho người học kiến thức thẩm định giá một số loại hình bất động sản cụ thể (BDS cư trú, đất đai, cao ốc văn phòng, BDS nông nghiệp). Rèn luyện cho người học kỹ năng: phân tích đặc điểm của tài sản, thị trường tài sản để lựa chọn phương pháp thẩm định giá phù hợp. Người học thực hành thành thạo công tác thẩm định giá bất động sản. Học phần này hướng tới đào tạo người học có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc xác định giá của tài sản cần thẩm định giá, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và tiêu chuẩn thẩm định giá, thúc đẩy tính ham học, cầu tiến tích lũy kiến thức và kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cá nhân người học.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần thẩm định giá bất động sản 2 là học phần tiếp theo của thẩm định giá bất động sản 1. Trong học phần này, sinh viên được trang bị sâu hơn các kiến thức thực tế về bất động sản và khả năng phân tích, vận dụng các phương pháp thẩm định giá để ước tính giá trị một số loại hình bất động sản cụ thể gồm: BDS cư trú, đất đai, cao ốc văn phòng, BDS nông nghiệp. Học phần gồm các nội dung chính (1) Kiến thức lý thuyết về từng loại hình bất động sản cụ thể và các yếu tố cần lưu ý khi ước tính giá trị của loại hình bất động sản đó, (2) Các phương pháp thẩm định giá đối với từng loại hình bất động sản, (3) Báo cáo chuyên đề thẩm định giá đối với một số loại hình bất động sản cụ thể.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO03(R), PLO07(R), PLO09(M)

13.38f Nghiệp vụ giao nhận và vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước:

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần cung cấp cho sinh viên nắm vững kiến thức lý thuyết và thực tiễn đối với hoạt động giao nhận và vận tải đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, hiểu rõ các hình thức giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ giao nhận.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần giới thiệu cho sinh viên những kiến thức từ tổng quát đến chuyên sâu về giao nhận và vận tải hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Học phần giúp sinh viên tiếp cận với giao nhận và vận tải đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bằng đường biển, đường hàng không thông qua tìm hiểu đặc điểm của các loại hình vận tải đường biển, đường hàng không, đường sắt. Đồng thời cũng trang bị cho sinh viên kiến thức về về gom hàng và xếp dỡ hàng từ container trong dịch vụ giao nhận quốc tế.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO03(R), PLO07(R), PLO09(M)

13.38g Kế toán tài chính 1

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Nguyên lý kế toán

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Trình bày được những kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điểm, chức năng, nhiệm vụ, vai trò, nguyên tắc, tổ chức công tác kế toán và môi trường pháp lý trong lĩnh vực kế toán tài chính. Phân biệt được các đối tượng kế toán trong lĩnh vực kế toán tài chính. Vận dụng các nguyên tắc, phương pháp kế toán để thực hiện các quy trình kế toán cơ bản trong doanh nghiệp. Kiểm tra được việc ghi sổ và trình bày thông tin lên báo cáo tài chính. Đề xuất quy trình cơ bản để xử lý nghiệp vụ kế toán đối với các tình huống được giả định trong lĩnh vực kế toán tài chính.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần này cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc và phương pháp kế toán (trình tự thủ tục xử lý, luân chuyển chứng từ, ghi sổ và trình bày thông tin lên báo cáo tài chính) của các đối tượng: vốn bằng tiền, nợ phải thu và tạm ứng; hàng tồn kho; tài sản cố định và bất động sản đầu tư; nợ phải trả, vốn chủ sở hữu, doanh thu, thu nhập, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong các doanh nghiệp sản xuất, thương mại, dịch vụ.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO03(R), PLO07(R), PLO09(M)

Nhóm 2: Chọn 1 trong 7 học phần sau

13.39a Công nghệ tài chính

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Tiền tệ, Ngân hàng và Thị trường Tài chính 1, Tài chính doanh nghiệp 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần này giúp cho học viên hiểu được những nội dung cơ bản trong lĩnh vực tài chính công nghệ (blockchains, cryptocurrency, smart contracts, peer-to-peer lending, crowdfunding...). Từ đó giúp cho người học vận dụng được các sản phẩm của tài chính công nghệ vào thực tế doanh nghiệp trong cách mạng công nghệ 4.0. Ngoài ra, người học

cũng có khả năng phân tích ảnh hưởng của tài chính công nghệ đến hiệu quả tài chính của doanh nghiệp.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Tài chính công nghệ là học phần chuyên ngành của ngành Tài chính – Ngân hàng. Cách mạng công nghệ 4.0 và công nghệ blockchains mang lại nhiều dịch vụ tài chính hiện đại, sử dụng công nghệ nhằm tối ưu giá trị cho doanh nghiệp và khách hàng. Tài chính công nghệ ngày càng phổ biến và dần thay thế mô hình tài chính truyền thống. Môn Tài chính công nghệ bao gồm các kiến thức cơ bản về xu hướng tài chính công nghệ, những sản phẩm chính của tài chính công nghệ và cách thức các doanh nghiệp áp dụng sản phẩm tài chính công nghệ để nâng cao hiệu quả tài chính.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO03(R), PLO07(R), PLO09(M)

13.39b Ngân hàng số

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Ngân hàng thương mại

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu được các khái niệm cơ bản của ngân hàng số như dữ liệu lớn (big data), chuỗi khối (blockchain), vạn vật kết nối internet (internet of things) và các chiến lược ngân hàng số; Hiểu được nguyên nhân dẫn đến xu hướng số hóa các hoạt động ngân hàng, cơ hội và thách thức đối với các thành phần tham gia cung cấp dịch vụ ngân hàng; Hiểu được nguyên nhân, thực trạng và xu hướng của ngân hàng số tại Việt Nam và các nước khác trên thế giới; Hiểu được các thành phần tham gia vào quy trình số hóa các hoạt động ngân hàng, thách thức và cơ hội của từng đối tượng cũng như các yếu tố cần thiết để thành công và rào cản tham gia thị trường.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Ngân hàng số là xu hướng tất yếu và nằm trong mục tiêu chiến lược của hầu hết các ngân hàng trong kỷ nguyên số. Ba nguyên nhân chính của xu hướng số hóa các hoạt động ngân hàng là (1) sự gia tăng số lượng khách hàng sử dụng các thiết bị di động để thực hiện các dịch vụ ngân hàng; (2) nhu cầu ngày càng cao của khách hàng trong việc trải nghiệm các dịch vụ tài chính thông suốt, tiện lợi và chi phí thấp; (3) sự xuất hiện của các công ty công nghệ tài chính (fintech) với các ưu thế về giá, mức độ tiện lợi. Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức về (1) nguyên nhân dẫn đến cuộc cách mạng số và sự cần thiết của việc số hóa các hoạt động ngân hàng; (2) các công nghệ số mà ngân hàng đang áp dụng hoặc sẽ áp dụng trong tương lai; (3) thực tế áp dụng công nghệ số tại các ngân hàng Việt Nam.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO03(R), PLO07(R), PLO09(M)

13.39c Quản trị tài chính cá nhân

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Tài chính doanh nghiệp 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi kết thúc học phần, người học hiểu rõ các kiến thức về tài chính cá nhân liên quan đến tiết kiệm, vay, đầu tư và quản lý rủi ro. Đánh giá các hình thức lựa chọn trong đầu tư cá nhân. Ứng dụng được các lý thuyết, và các mô hình tài chính trong phân tích và ra các quyết định liên quan đến quản lý tài chính cá nhân. Đánh giá hiệu quả các khoản tài chính cá nhân.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần này là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho người học các kiến thức và công cụ giúp người học có khả năng hoạch định tài chính; phát triển một kế hoạch tài chính; lựa chọn và ra các quyết định tài chính liên quan đến chi tiêu, tiết kiệm, đầu tư và quản lý rủi ro. Từ đó giúp người học chủ động thực hiện những quyết định tài chính, cũng như phát triển cơ hội nghề nghiệp trở thành một nhà tư vấn tài chính chuyên nghiệp trong các định chế tài chính.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO03(R), PLO07(R), PLO09(M)

13.39d Nhập môn an sinh xã hội

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước:

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi kết thúc học phần, người học có được những kiến thức căn bản về an sinh xã hội và chính sách của chính phủ nhằm đảm bảo an sinh xã hội như là một trụ cột của tài chính công.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần nhập môn an sinh xã hội cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về hệ thống an sinh xã hội, chính sách an sinh xã hội và các chương trình an sinh xã hội do nhà nước và các lực lượng xã hội thực hiện nhằm bảo đảm cho mọi người dân (i) có được mức tối thiểu về thu nhập, (ii) có cơ hội tiếp cận ở mức tối thiểu về các dịch vụ xã hội cơ bản, thiết yếu. Các chính sách an sinh xã hội được chia thành (i) chính sách nhằm nâng cao năng lực tự an sinh của người dân; và (ii) sự trợ giúp của Nhà nước.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO03(R), PLO07(R), PLO09(M)

13.39e Kỹ thuật bất động sản

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Pháp luật trong thẩm định giá bất động sản

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Mục tiêu chung của học phần giúp người học có kiến thức cơ bản về xây dựng, về kỹ thuật xây dựng công trình, về dự toán, tiên lượng khối lượng công trình xây dựng dân dụng và hệ thống pháp lý có liên quan. Người học sau khi học xong sẽ có kỹ năng nhận thức liên

quan đến phân biện, phân tích, tổng hợp các nguồn thông tin, có kỹ năng cần thiết để thực hành phân loại cấu tạo công trình xây dựng, phân loại bản vẽ, đọc bản vẽ và xác định khối lượng công trình xây dựng, đi kèm với những quy định về xây dựng và pháp lý có liên quan trong quá trình đầu tư xây dựng công trình. Người học có khả năng làm việc độc lập, chịu trách nhiệm cá nhân, thể hiện năng lực tự học, có ý thức tích cực học tập, rèn luyện, ham học hỏi mở rộng ứng dụng kiến thức, có năng lực giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ tính toán khối lượng từng chi tiết trong công trình.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần kỹ thuật bất động sản cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về xây dựng, các thông tin về mặt kỹ thuật xây dựng, pháp lý xây dựng có liên quan để phục vụ trong công việc thẩm định giá bất động sản, quản lý và kinh doanh bất động sản. Cụ thể là các khái niệm thường dùng trong xây dựng, các quy trình thực hiện xây dựng một công trình xây dựng cụ thể đi kèm với pháp lý và quy hoạch. Cấu tạo cơ bản của nhà dân dụng giúp sinh viên hình dung rõ hơn, kết hợp với bản vẽ xây dựng, sinh viên có nền tảng kiến thức tốt cho việc đọc bản vẽ. Ngoài ra sinh viên còn được hiểu thêm về bản vẽ xây dựng dân dụng, một số ký hiệu thường dùng. Cuối cùng sinh viên sẽ có khả năng xác định khối lượng công trình xây dựng dân dụng cơ bản thông qua chi tiết từng công tác xây dựng.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO03(R), PLO07(R), PLO09(M)

13.39f Kiểm tra sau thông quan

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi kết thúc học phần, người học có được những nội dung khái quát nhất, những vấn đề căn bản nhất trong việc thực hiện hoạt động kiểm tra sau thông quan ở Việt Nam hiện nay nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, tạo thông thoáng cho thương mại quốc tế. Giúp sinh viên nắm vững một số phương pháp và kỹ thuật kiểm tra sau thông quan.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần giới thiệu cho sinh viên những kiến thức từ tổng quát đến chuyên sâu về kiểm toán/kiểm tra sau thông quan. Các thông lệ quốc tế có liên quan đến kiểm tra sau thông quan, các qui trình kiểm toán/kiểm tra sau thông quan tại một số quốc gia. Học phần giúp sinh viên tiếp cận với nghiệp vụ kiểm tra sau thông quan của Hải quan Việt Nam thông qua nền tảng hoạt động kiểm toán tuân thủ các qui định về Hải quan đối với các đối tượng có hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu; Các kỹ thuật thu thập, phân tích, xử lý và quản lý thông tin nhằm hạn chế tối đa các hoạt động gian lận thương mại của doanh nghiệp nhưng vẫn đảm bảo thông thoáng cho thương mại quốc tế.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO03(R), PLO07(R), PLO09(M)

13.39g Kế toán thuế

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Nguyên lý kế toán, Kế toán tài chính 2

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Trình bày được những nội dung cơ bản về thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN, thuế xuất khẩu nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế tài nguyên, thuế nhà đất, thuế bảo vệ môi trường, các loại thuế, phí và lệ phí khác. Vận dụng nguyên tắc kế toán và luật thuế để lập báo cáo thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN, thuế xuất khẩu nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế tài nguyên, thuế nhà đất, thuế bảo vệ môi trường, các loại thuế, phí và lệ phí khác. Phân tích được sự khác biệt giữa kế toán theo chuẩn mực và kế toán thuế của các loại thuế sau: thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN, thuế xuất khẩu nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế tài nguyên, thuế nhà đất, thuế bảo vệ môi trường, các loại thuế, phí và lệ phí khác. Đánh giá được những điểm cơ bản về nguyên tắc lập báo cáo thuế GTGT, thuế TNDN, Thuế TNCN, thuế xuất khẩu nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế tài nguyên, thuế nhà đất, thuế bảo vệ môi trường, các loại thuế, phí và lệ phí khác. Thực hiện các phương pháp và kỹ thuật theo luật kế toán và theo chuẩn mực để lập báo cáo thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN, thuế xuất khẩu nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế tài nguyên, thuế nhà đất, thuế bảo vệ môi trường, các loại thuế, phí và lệ phí khác và kê khai thuế theo giả định.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần này cung cấp cho người học kiến thức về ứng dụng các chính sách thuế để xử lý nghiệp vụ kế toán có liên quan, đồng thời phân biệt được thông tin trình bày trên báo cáo thuế với thông tin trình bày trên báo cáo tài chính; thực hành kê khai thuế trên phần mềm kê khai thuế

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO03(R), PLO07(R), PLO09(M)

Tốt nghiệp: 6 tín chỉ

Chuyên ngành: Tài chính doanh nghiệp, Ngân hàng, Tài chính – Bảo hiểm và Đầu tư

13.40a Khóa luận tốt nghiệp

Tín chỉ: 6

❖ Điều kiện tiên quyết: Theo quy định về điều kiện thực hiện Khóa luận tốt nghiệp của Trường.

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận tình hình hoạt động thực tế tại một tổ chức, từ đó quan sát, đối chiếu so sánh, học hỏi và áp dụng lý thuyết đã học vào thực tế. Sinh viên biết vận dụng các kiến thức lý luận vào thực tiễn thông qua việc nghiên cứu giải quyết các vấn đề cụ thể về nghiệp vụ. Rèn luyện khả năng tự nghiên cứu, và thích ứng ngay được với công việc thực tế sau khi tốt nghiệp.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Sinh viên tham gia đầy đủ các hoạt động thực tiễn liên quan đến lĩnh vực tài chính– ngân hàng. Hoạt động thực tập được thực hiện theo kế hoạch hợp tác của doanh nghiệp và nhà trường thông qua nhiều hình thức khác nhau như: hoạt động tham quan thực tế tại

doanh nghiệp; hoặc nghiên cứu các tài liệu công bố thông qua hoạt động quan sát, tìm hiểu và tác nghiệp vào một số nghiệp vụ tài chính của doanh nghiệp. Kết thúc hoạt động này, sinh viên hoàn thành Luận văn khoá luận tốt nghiệp để xác định tổng quan và nhận xét về các vấn đề như vị trí, vai trò, cơ cấu tổ chức, các sản phẩm của đơn vị,...liên quan đến ngành Tài chính – Ngân hàng.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A); PLO08(A); PLO10(M)

13.40b1 Thực tập cuối khóa

Tín chỉ: 3

❖ Điều kiện tiên quyết: Theo quy định về điều kiện Thực tập cuối khóa của Trường.

❖ Học phần học trước: Ngân hàng thương mại; Tài chính doanh nghiệp 2

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sinh viên vận dụng được kiến thức chuyên ngành để thực hiện các nghiệp vụ tài chính ngân hàng. Sinh viên có thể phân tích ưu điểm, hạn chế của các quy trình, nghiệp vụ trong quá trình vận hành hoạt động của đơn vị, rút ra bài học kinh nghiệm đúc kết cho bản thân sau khi thực hành.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Thực tập tốt nghiệp được thực hiện với sự hướng dẫn của giảng viên được phân công. Sinh viên đi thực tập tại một đơn vị là doanh nghiệp, ngân hàng, định chế tài chính phi ngân hàng, cơ quan quản lý nhà nước về tài chính tiền tệ...Sinh viên vận dụng kiến thức ngành và chuyên ngành để tham gia vào các hoạt động thực tiễn, thực hành các nghiệp vụ thuộc lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng. Từ đó giúp sinh viên nâng cao được kỹ năng quan sát, tổng hợp, đánh giá thông tin, vận dụng các kiến thức đã học vào sự vận hành hoạt động kinh doanh và quản lý của doanh nghiệp cụ thể và giải quyết vấn đề phát sinh trong thực tiễn. Kết thúc quá trình thực tập, sinh viên cần hoàn thành báo cáo thực tập mô tả và phân tích ưu nhược điểm của các quy trình, nghiệp vụ, hoạt động của đơn vị mà được sinh viên thực hành, đồng thời đúc kết kinh nghiệm về kỹ năng và kiến thức để thực hiện thành thạo các nghiệp vụ và bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp trong tương lai.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A); PLO08(A); PLO10(M)

13.40b2 Ngân hàng điện tử và Mô phỏng đầu tư tài chính

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Thực hành nghề nghiệp 1, 2

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần Ngân hàng điện tử:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể thực hiện các nghiệp vụ cơ bản trên phần mềm tại các ngân hàng như tiền gửi; chuyển tiền trong nước; cho vay và các nghiệp vụ khác.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Ngân hàng điện tử giới thiệu nội dung và quy trình hướng dẫn thực hành trên phần mềm mô phỏng ngân hàng Core – Banking đối với các nghiệp vụ cơ bản của NHTM là Tiền gửi; Chuyển tiền trong nước; Cho vay và các nghiệp vụ khác. Học phần này rèn luyện kỹ năng thực hành nghề nghiệp cho sinh viên, từ đó giúp người học có khả năng làm việc tại ngân hàng ngay sau khi tốt nghiệp, đáp ứng được nhu cầu của nhà tuyển dụng nói riêng và của xã hội nói chung.

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần Mô phỏng đầu tư tài chính:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên nắm được quy trình khi thực hiện các nghiệp vụ đầu tư tài chính. Ứng dụng các phương pháp phân tích và đánh giá chứng khoán để xây dựng và quản lý danh mục đầu tư. Thực hiện mua và bán các loại giấy tờ có giá trên phần mềm chứng khoán ảo.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Mô phỏng đầu tư tài chính là học phần chuyên ngành của ngành Tài chính – Ngân hàng. Học phần trang bị cho sinh viên cách thức và quy trình thực hiện các nghiệp vụ mua và bán các loại giấy tờ có giá trong ngắn hạn và dài hạn. Giúp sinh viên có các kỹ năng cần thiết trong đầu tư tài chính, có thể tiếp cận được với công việc tại các tổ chức đầu tư tài chính hiện nay.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A); PLO08(A); PLO10(M)

Chuyên ngành: Thẩm định giá

13.40a Khóa luận tốt nghiệp

Tín chỉ: 6

❖ Điều kiện tiên quyết: Theo quy định về điều kiện thực hiện Khóa luận tốt nghiệp của Trường.

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần khóa luận tốt nghiệp giúp người học có thể vận dụng lý luận thẩm định giá vào thực tiễn thẩm định giá tại các đơn vị thẩm định giá nhằm xác định giá trị của tài sản cụ thể như thẩm định giá bất động sản, máy thiết bị, doanh nghiệp, thương hiệu, nguồn tài nguyên,... phù hợp với mục đích cụ thể, tại những địa điểm và thời điểm cụ thể. Người học có kỹ năng vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành thẩm định giá, phân tích giá thị trường, ứng dụng các phương pháp thẩm định giá vào trường hợp cụ thể, lập báo cáo thẩm định giá. Từ đó, người học tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thẩm định giá

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Khóa luận tốt nghiệp là học phần thực tế tại các đơn vị thẩm định giá. Nội dung báo cáo Khóa luận tốt nghiệp là thực hiện thẩm định giá một trong các loại tài sản sau: bất động sản, máy thiết bị, doanh nghiệp, thương hiệu, tài sản vô hình, nguồn tài

nguyên.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A); PLO08(A); PLO10(M)

13.40b1 Thực tập cuối khóa

Tín chỉ: 3

- ❖ Điều kiện tiên quyết: Theo quy định về điều kiện thực hiện Khóa luận tốt nghiệp của Trường.
- ❖ Học phần học trước: Tất cả các học phần chuyên ngành Thẩm định giá
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:*

Học phần thực tập cuối khóa giúp người học có thể vận dụng lý luận thẩm định giá vào thực tiễn thẩm định giá tại các đơn vị thẩm định giá nhằm xác định giá trị của tài sản cụ thể như thẩm định giá bất động sản, máy thiết bị,... phù hợp với mục đích cụ thể, tại những địa điểm và thời điểm cụ thể. Người học có kỹ năng vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành thẩm định giá, phân tích giá thị trường, ứng dụng các phương pháp thẩm định giá vào trường hợp cụ thể, lập báo cáo thẩm định giá tài sản bất động sản hoặc máy thiết bị. Người học có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường.

- *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Khóa luận tốt nghiệp là học phần thực tế tại các đơn vị thẩm định giá. Nội dung báo cáo thực tập tốt nghiệp là thực hiện thẩm định giá một trong các loại tài sản sau: bất động sản, máy thiết bị.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A); PLO08(A); PLO10(M)

13.40b2 Thực hành phân tích giá thị trường hàng hóa, tài sản Tín chỉ: 3

- ❖ Học phần học trước: không
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:*

Học phần thực hành giúp người học tổng hợp các kiến thức đã học về cơ sở hình thành và vận động của giá cả, những vấn đề liên quan đến giá cả trong nền kinh tế thị trường; sử dụng thành thạo các kỹ năng tổng hợp, phân tích trong thu thập thông tin giá thị trường theo thời gian, tính toán giá; thái độ tích cực, tự chủ và tự chịu trách nhiệm, hình thành tác phong đạo đức nghề nghiệp.

- *Tóm tắt nội dung:*

Thực hành phân tích giá cả thị trường hàng hóa, tài sản là học phần thực hành thực tế. Nội dung chính của học phần này tập trung vào thu thập thông tin về giá thị trường hàng hóa, tài sản theo thời gian, quy định hiện hành của Nhà nước về giá, xác định phân khúc giá; phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến giá của hàng hóa, tài sản; giải thích sự thay đổi

giá trong thời gian nghiên cứu; dự báo xu hướng thay đổi giá của hàng hóa, tài sản trong tương lai; đề xuất một số kiến nghị giúp thị trường ổn định, minh mạch.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A); PLO08(A); PLO10(M)

Chuyên ngành: Tài chính công

13.40a Khóa luận tốt nghiệp

Tín chỉ: 6

❖ Điều kiện tiên quyết: Theo quy định về điều kiện thực hiện Khóa luận tốt nghiệp của Trường.

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Khóa luận chính là công trình nghiên cứu, tìm tòi, đánh giá của sinh viên đối với một vấn đề thực tiễn liên quan đến chuyên ngành mà sinh viên được đào tạo. Khóa luận tốt nghiệp dùng để đánh giá năng lực nhận thức của sinh viên sau một quá trình học; Không chỉ giúp sinh viên hệ thống lại các kiến thức chuyên môn đã học, khóa luận tốt nghiệp còn giúp sinh viên rèn luyện tư duy, tự đặt và giải quyết vấn đề một cách độc lập, sáng tạo.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Để thực hiện khóa luận tốt nghiệp, sinh viên phải trải qua một quá trình: lựa chọn đề tài nghiên cứu, xây dựng đề cương và kế hoạch nghiên cứu, thẩm định và thông qua người hướng dẫn khóa luận, thu thập tài liệu và số liệu, xử lý và viết khóa luận hoàn chỉnh để tổ chức đánh giá.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A); PLO08(A); PLO10(M)

13.40b1 Thực tập cuối khóa

Tín chỉ: 3

❖ Điều kiện tiên quyết: Theo quy định về điều kiện Thực tập cuối khóa của Trường.

❖ Học phần học trước: Xong tất cả các học phần chuyên ngành

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Thực tập cuối khóa nhằm tạo điều kiện cho sinh viên thâm nhập thực tiễn, củng cố những kiến thức đã được học ở trường, gắn việc học tập với thực tiễn trong nền kinh tế. Thực tập cuối khóa còn tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện những kỹ năng mềm, đáp ứng nhu cầu đòi hỏi của những nghiệp vụ, những công việc cụ thể tại cơ quan thực tập để có được tác phong làm việc, cũng như ý thức trách nhiệm trong công việc.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Thực tập cuối khóa gồm các nội dung chính: Khái quát chung về cơ quan thực tập; Tình hình hoạt động chung của cơ quan thực tập; Nhật ký thực tập; Tìm hiểu về một công tác nghiệp vụ cụ thể tại đơn vị chức năng thuộc cơ quan thực tập; Tự đánh giá của sinh viên.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A); PLO08(A); PLO10(M)

13.40b2 Thực hành khai báo thuế**Tín chỉ: 3**

- ❖ Học phần học trước: Thuế 2
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần Ngân hàng điện tử:

- *Mục tiêu của học phần:*

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về kê khai thuế như: Đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp hồ sơ khai thuế, nộp thuế; quy trình lập hồ sơ khai thuế trên phần mềm; nộp hồ sơ khai thuế điện tử; đăng ký thuế điện tử; nộp thuế điện tử. Qua đó, người học đáp ứng được yêu cầu thực tiễn của doanh nghiệp. Sinh viên đạt kỹ năng tốt để thực hiện các thủ tục về thuế trong các loại hình doanh nghiệp; sử dụng tốt phần mềm ứng dụng HTKK.

- *Tóm tắt nội dung:*

Học phần hướng dẫn kê khai thuế đã đề cập đến những vấn đề về kê khai thuế như: Đăng ký thuế đối với tổ chức, cá nhân; kê khai thuế GTGT, TNDN, TNCN..., khai bổ sung với hồ sơ khai thuế cụ thể; nộp hồ sơ khai thuế điện tử; nộp thuế thủ công, nộp thuế điện tử.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A); PLO08(A); PLO10(M)

Chuyên ngành: Thuế**13.40a Khóa luận tốt nghiệp****Tín chỉ: 6**

- ❖ Điều kiện tiên quyết: Theo quy định về điều kiện thực hiện Khóa luận tốt nghiệp của Trường.
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:*

Giúp sinh viên tiếp cận tình hình hoạt động thực tế tại một tổ chức, từ đó quan sát, đối chiếu so sánh, học hỏi và áp dụng lý thuyết đã học vào thực tế. Sinh viên biết vận dụng các kiến thức lý luận vào thực tiễn thông qua việc nghiên cứu giải quyết các vấn đề cụ thể về nghiệp vụ. Rèn luyện khả năng tự nghiên cứu, và thích ứng ngay được với công việc thực tế sau khi tốt nghiệp.

- *Tóm tắt nội dung:*

Thông qua người hướng dẫn khoá luận, sinh viên lựa chọn đề tài nghiên cứu, xây dựng đề cương và kế hoạch nghiên cứu, thu thập tài liệu và số liệu, xử lý và viết khoá luận hoàn chỉnh.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A); PLO0 (A); PLO10(M)

13.40b1 Thực tập cuối khóa**Tín chỉ: 3**

- ❖ Điều kiện tiên quyết: Theo quy định về điều kiện Thực tập cuối khóa của Trường.
- ❖ Học phần học trước: Xong tất cả các học phần chuyên ngành
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Thực tập cuối khoá nhằm tạo điều kiện cho sinh viên thâm nhập thực tiễn, củng cố những kiến thức đã được học ở trường, gắn việc học tập với thực tiễn trong nền kinh tế. Thực tập cuối khoá còn tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện những kỹ năng mềm, đáp ứng nhu cầu đòi hỏi của những nghiệp vụ, những công việc cụ thể tại cơ quan thực tập để có được tác phong làm việc, cũng như ý thức trách nhiệm trong công việc, rèn luyện khả năng tự nghiên cứu, và thích ứng ngay được với công việc thực tế sau khi tốt nghiệp.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Thực tập cuối khoá gồm các nội dung chính: Khái quát chung về cơ quan thực tập; Tình hình hoạt động chung của cơ quan thực tập; Nhật ký thực tập; Tìm hiểu về một công tác nghiệp vụ cụ thể tại đơn vị chức năng thuộc cơ quan thực tập; Tự đánh giá của sinh viên.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A); PLO08(A); PLO10(M)

13.40b2 Thực hành khai báo thuế

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Thuế 2

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần cung cấp cho Sinh viên các kiến thức về kê khai thuế như: Đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp hồ sơ khai thuế, nộp thuế; quy trình lập hồ sơ khai thuế trên phần mềm; nộp hồ sơ khai thuế điện tử; đăng ký thuế điện tử; nộp thuế điện tử. Qua đó, người học đáp ứng được yêu cầu thực tiễn của doanh nghiệp. Sinh viên đạt kỹ năng tốt để thực hiện các thủ tục về thuế trong các loại hình doanh nghiệp; sử dụng tốt phần mềm ứng dụng HTKK.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Hướng dẫn kê khai thuế đã đề cập đến những vấn đề về kê khai thuế như: Đăng ký thuế đối với tổ chức, cá nhân; kê khai thuế GTGT, TNDN, TNCN..., khai bổ sung với hồ sơ khai thuế cụ thể; nộp hồ sơ khai thuế điện tử; nộp thuế thu công, nộp thuế điện tử.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

Chuyên ngành: Hải quan - Xuất nhập khẩu

13.40a Khóa luận tốt nghiệp

Tín chỉ: 6

❖ Điều kiện tiên quyết: Theo quy định về điều kiện thực hiện Khóa luận tốt nghiệp của Trường.

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận tình hình hoạt động thực tế tại một tổ chức, từ đó quan sát, đối chiếu so sánh, học hỏi và áp dụng lý thuyết đã học vào thực tế. Sinh viên

biết vận dụng các kiến thức lý luận vào thực tiễn thông qua việc nghiên cứu giải quyết các vấn đề cụ thể về nghiệp vụ. Rèn luyện khả năng tự nghiên cứu, và thích ứng ngay được với công việc thực tế sau khi tốt nghiệp.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Để thực hiện khoá luận tốt nghiệp, sinh viên phải trải qua một quá trình: lựa chọn đề tài nghiên cứu, xây dựng đề cương và kế hoạch nghiên cứu, thẩm định và thông qua người hướng dẫn khoá luận, thu thập tài liệu và số liệu, xử lý và viết khoá luận hoàn chỉnh để tổ chức đánh giá.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A); PLO08(A); PLO10(M)

13.40b1 Thực tập cuối khóa

Tín chỉ: 3

❖ Điều kiện tiên quyết: Theo quy định về điều kiện Thực tập cuối khóa của Trường.

❖ Học phần học trước: Xong tất cả các học phần chuyên ngành

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Thực tập cuối khoá nhằm tạo điều kiện cho sinh viên thâm nhập thực tiễn, củng cố những kiến thức đã được học ở trường, gắn việc học tập với thực tiễn trong nền kinh tế. Thực tập cuối khoá còn tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện những kỹ năng mềm, đáp ứng nhu cầu đòi hỏi của những nghiệp vụ, những công việc cụ thể tại cơ quan thực tập để có được tác phong làm việc, cũng như ý thức trách nhiệm trong công việc, rèn luyện khả năng tự nghiên cứu, và thích ứng ngay được với công việc thực tế sau khi tốt nghiệp.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Thực tập cuối khoá gồm các nội dung chính: Khái quát chung về cơ quan thực tập; Tình hình hoạt động chung của cơ quan thực tập; Nhật ký thực tập; Tìm hiểu về công tác nghiệp vụ cụ thể tại đơn vị chức năng thuộc cơ quan thực tập; Tự đánh giá của sinh viên.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A); PLO08(A); PLO10(M)

13.40b2 Thực hành khai báo hải quan

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Thủ tục hải quan

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần này trang bị cho sinh viên có thể trình bày được các kiến thức cơ bản về kê khai Hải quan như: Đăng ký Tờ khai hải quan, kê khai hải quan, nộp hồ sơ khai hải quan; quy trình lập hồ sơ khai hải quan trên phần mềm; nộp hồ sơ khai hải quan điện tử; nộp thuế điện tử. Qua đó, người học đáp ứng được yêu cầu thực tiễn của doanh nghiệp. Bên cạnh đó sinh viên có kỹ năng lập, đăng ký hải quan, kê khai, nộp thuế hải quan, quyết toán tờ khai hải quan trong các loại hình gia công, sản xuất xuất khẩu; vận dụng chính sách hải quan vào thực tiễn và sử dụng tốt phần mềm VNACCS; có khả năng tư duy, tính toán và tổng

hợp các vấn đề, biết phối hợp nhóm để giải quyết công việc; có khả năng tự tìm kiếm tài liệu, tra cứu, cập nhật chính sách hải quan, cập nhật phần mềm ứng dụng VNACCS để phục vụ học tập và công việc sau này.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Hướng dẫn kê khai hải quan đã đề cập đến những vấn đề cơ bản về thủ tục hải quan, kê khai trong tờ khai hải quan như: Đăng ký tờ khai hải quan đối với các loại hàng hóa xuất nhập khẩu của các tổ chức, cá nhân; kê khai đầy đủ và đúng các yếu tố liên quan thuế GTGT, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu..., khai bổ sung với hồ sơ khai hải quan cụ thể; nộp hồ sơ khai báo hải quan điện tử; nộp tờ khai hải quan thủ công, nộp thuế điện tử.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 7 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG ✓



PGS. TS Phạm Tiến Đạt

**CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG XÂY DỰNG CTĐT**

PGS. TS Nguyễn Thị Mỹ Linh

